



*Nguyễn Hồng Dũng*

**QUANG TRUNG HỒN VIỆT**  
*(Chuyện dài đã sử )*

CALIFORNIA, USA

2010

*Trang bìa: Họa Sĩ Trần Bồn*

*Trang sau: Họa Sĩ Bắc Phi*

*Đánh máy: Đỗ Quang Danh, VN*

*Sửa chính tả: Giáo Sư Võ Du*

*& Trịnh Đình Hiền*

*Edit: Web. Truyenhinhvietnam.TV*

*Nhà xuất bản Nguồn Sống ấn loát*

*Trung Tâm Âm Nhạc và Điện Ảnh Ananda, California, phát hành lần thứ nhất 2000 cuốn, năm 2010*

*Tác giả giữ bản quyền.*

*Thư từ liên lạc:*

*1644 East Capitol Expressway*

*San Jose, CA 95121*

*Kỷ niệm 1000 năm triều Lý thiết lập thành Thăng Long, từ đó đến nay biết bao anh hùng, liệt nữ đã hy sinh để bảo vệ giang sơn không bị ngoại xâm. Xin thành kính dâng nén hương lòng ngưỡng vọng hồn thiêng sông núi phù trợ cho nước Việt trường tồn, vì:*

*“Tổ tiên dựng nước gian truân quá!”*

Nên sau một cuộc xoay vần thì chúng ta hy vọng:

*“Dân tộc Việt sẽ là dân hùng liệt.*

*Ta tin tưởng không bao giờ tiêu diệt*

*Giống anh hùng trên sông núi Việt Nam*

*Bên những trang lịch sử bốn ngàn năm»*

*Đầy chiến thắng, đầy vinh quang, máu thắm...”*

*(Đoàn V. Cừ)*

*Nguyễn Hồng Dũng*

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,  
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

*Lý Thường Kiệt (1077)*

**dịch:**

*Sông núi nước Nam vua Nam ở  
Rành rành định mệnh ở sách trời  
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm?  
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời!*

*(Khuyết danh)*

## Tựa

Xây dựng nên bờ cõi Việt nam quả là cuộc đấu tranh đầy cam go, nhưng giữ vững nền độc lập cho đất nước còn đến ngày nay thì thiên nan vạn giải vì lịch sử mỗi lúc sang trang lại là một dấu ấn cho giây phút thử thách sinh tử quyết liệt sống mái với nội thù, ngoại xâm. Nhưng cũng từ đó mà đất Việt lại tạo nên những anh tài hiên ngang gánh vác trách nhiệm, chèo chống con thuyền dân tộc vượt sóng đến bờ vinh quang. Chúng ta không thể kể hết được những tuấn kiệt nữ lưu như Hai Bà Trưng, Lý Bôn, Bà Triệu, Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Ngô Quyền, Lê Lợi, Quang Trung, Nguyễn Thái Học... Mỗi một thời đại đi qua với hình bóng một vị anh hùng tiêu biểu chưa đủ nói hết được sự bất khuất và đoàn kết một lòng làm nên sự nghiệp chung là độc lập thật sự, nhưng bối cảnh đầy hùng tráng của lòng quyết tâm cao tột ấy mà đại khối dân tộc đã hiên ngang, đủ khí phách, dứt khoát không cho bị đồng hóa vào nền văn học Trung quốc tưởng chừng như rơi vào cuối thế kỷ thứ II sau Tây lịch mất rồi. Sự kế thừa sự nghiệp nguyên trạng một quốc gia có truyền thống tổ tiên, ngôn ngữ và tư duy riêng biệt là một quá trình mà tổ tiên ta phải đổ máu xương, hy sinh hàng vạn lớp trai tráng thanh niên nằm xuống mới có được giang sơn cẩm tú ngày nay.

Vua Quang Trung tiêu biểu cho lớp thanh niên vươn lên trong xã hội mục nát để xoá bỏ lằn ranh chia cắt đất nước. Trong chiếu chỉ lên ngôi Hoàng Đế, vua đã khẳng định: *"Họ tự gây dựng bờ cõi riêng mình, kỷ cương trời đất một phen đổ nát không dựng lên được, chưa có thời nào quá quất như thời này. Thêm nữa, những năm gần đây Nam Bắc đánh nhau, dân sa vào chốn làm than ..."* rõ ràng mục tiêu của người anh hùng áo vải đất Tây Sơn với chí lớn bao trùm thiên hạ đã thay mặt cho lớp nông dân khổ cực đứng lên dẹp bỏ bất công, nội chiến tương tàn, cốt nhục phân ly, giành lại tự chủ từ tay ngoại bang.

Cả lịch sử đông tây đều công nhận, vua Quang Trung là vị anh hùng bách chiến bách thắng, thiên tài xuất chúng, cổ kim khó gặp, xứng đáng cho muôn đời con cháu ca tụng sự nghiệp vẻ vang với bản anh hùng ca bi tráng, hiển hách, oanh liệt ngàn thu.

Ngày nay, đứng trước tiền đề của tổ quốc đang lâm vào tình thế khổ nạn bởi phương Bắc ngày đêm lăm le thôn tính; giới lãnh đạo đất nước lại tham lam, ích kỷ đặt quyền lợi bè đảng lên trên tổ quốc giang san nên thác Bản Giốc, ải

Nam Quan, hải đảo Trường Sa, Hoàng Sa ngậm ngùi chua xót.. Do đó, hơn lúc nào hết một mẫu người tiêu biểu cho hồn dân tộc cần thiết lắm lắm để tuổi trẻ noi theo trong suy tư và hành động, đó chính là Đại đế Quang Trung.

Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long thành được xây dựng, cuốn truyện dã sử “Quang Trung Hồn Việt” được ra mắt bạn đọc như một dấu chấm phá về công trạng mà vị anh hùng của chúng ta đã chiến thắng Mãn Thanh xuân Kỷ Dậu, giành lại thủ đô trong tay ngoại bang, hái cành đào đỏ thắm gởi về Phú Xuân như tô điểm non sông Hồng Lạc muôn đời độc lập, phú cường.

*San Jose ngày 19/1/2010*

**Tâm Phương**

*Giám Đốc Trung Tâm Âm Nhạc & Điện Ảnh Ananda*

## Lời Giới Thiệu

Đã có nhiều tác giả viết về người anh hùng áo vải đất Tây Sơn với sự nghiệp lẫy lừng và là vị tướng chưa từng chiến bại, nhưng tác phẩm “Quang Trung Hòn Việt” của Nguyễn Hồng Dũng diễn đạt người anh hùng qua từng giai đoạn theo lối dã sử trong văn học dân gian. Những điểm son của Đại đế Quang Trung là lòng nhân từ, độ lượng với kẻ thù, sự thao thức cho đại cuộc thống nhất và mở mang bờ cõi cũng như nghệ thuật điều binh khiển tướng thật quá đỗi thần sầu khiến đối phương nghe uy danh đã run sợ.

Hình ảnh mà tác giả đưa lên nhằm nêu cao nhân vật lịch sử trẻ trung từ lòng dân tộc phát sinh để cứu nguy dân tộc lâm than. Đây là biểu tượng của tuổi trẻ, là thần tượng của thế hệ hôm nay và ngày mai trong bối cảnh nước nhà đang u ám tựa hồ cuối thế kỷ 18 khi Mãn Thanh lăm le thôn tính Đại Việt.

Khởi từ một người nông dân chân chất, Nguyễn Huệ đã nhanh chóng trở thành vị tướng lừng danh trăm trận trăm thắng, một thiên tài quân sự vĩ đại. Sự nghiệp hào hùng của phong trào Tây Sơn đã là một bản anh hùng ca oanh liệt của mọi thời đại.

Tính vượt thắng, độc lập, khiêm tốn và quyết tâm của Đại đế Quang Trung chính là chất liệu hồi sinh cho tuổi trẻ hôm nay dùng làm tấm gương mẫu mực chiếu sáng từng bước chân tiến vào thời đại mới trong quyết tâm giành độc lập thật sự cho tổ quốc để nhân dân sống cảnh thái bình, tự do, dân chủ và phú cường.

Trên đây chỉ là vài dòng nhận xét chân thành của Tuệ Đàm Tử tôi vốn sinh ra và lớn lên trên quê hương Bình Định dấu yêu, do đó xin được hân hạnh giới thiệu đến quý độc giả gần xa cùng chia sẻ.

*Fresno, Ngày Đầu Năm Canh Dần.*

**Tuệ Đàm Tử**

Chủ Nhiệm Nhà Xuất Bản Nguồn Sống





## CHƯƠNG I

Núi Yên Tử xanh ngát, từng cụm mây trắng, hồng lãng đãng phủ trên đầu theo gió xuân tan dần khi ánh sớm mai chiếu rọi. Những cụm tùng già nua với các nhánh gãy bởi thời gian còn vương vấn níu kéo tạo biết bao khúc khuỷu đu đưa giữa trời mây lơ lửng nửa chừng. Từng bầy sơn ca túa về từ khắp nẻo như chào đón ánh thái dương vừa chớm bùng lên.

Bên sông Tuyết giang rẽ giữa mạn trung du đã có kẻ đợi chờ từ lúc chưa hừng sáng. Họ là những cư dân trong vùng hoặc vài kẻ lãng du đây đó trong chốn hồng trần. Hôm ấy là tiết Thanh minh, khí trời dịu dịu làm ngấy ngất lòng người, lại càng se sẽ lâng lâng những tâm hồn thoát tục đang muốn tìm một nơi ẩn dật, tiêu dao thú sơn thủy hữu tình.

Trên bờ sông, ánh thái dương chiếu tia nắng vàng nhạt xuyên qua từng bước chân lữ hành tạo chiếc bóng ngả dài di động về phương tây cùng nhịp nhàng, đều đặn dặt dặt với đôi chân lão đạo sĩ đang tiến đến dãy núi Ngọa sơn. Con đường đất vốn phủ một lớp bụi vàng bị sương khuya rơi hạt làm ướt dẻo mặt lộ tạo những dấu chân in đậm nét khoang dung của lão đạo sĩ như triện ấn vừa đóng xuống chưa kịp ráo mực nơi chốn đương quyền.

Đạo sĩ, vâng, đúng là một đạo sĩ, người lão cao vừa tầm thước, vóc dáng còn sót nét lẫm liệt của thời hùng anh cái thế, nhưng đôi mắt không dấu sự phúc hậu nhân từ của bậc đức hạnh cứu nhân độ thế. Đầu tóc lão búi theo hình trái tim buộc bởi miếng vải điều vắt vẻo ngang vai trong tư thế đường bộ. Chiếc áo đỏ ngả sang màu nâu nhạt đã nói lên dấu tích của kẻ từ quan chán mùi trần tục. Đôi mắt lão đạo sĩ chột nhìn lên bầu trời, ngừng một giây qua cách suy tư rồi như bừng sáng lên trong ý nghĩ, lão quay sang thúc giục chú tiểu đồng đang lững thững bước sau:

-Nào nhanh lên, có khách đang đợi ta ở am Long Vân sơn môn đấy!.

Dứt lời thì lão đạo sĩ đã cận kề bên đò, chiếc ghe cắm sào xôn xao rước khách thương hồ, chờ kẻ cuối cùng lên khoan, thầy trò lão đạo sĩ mới tiếp tục bước xuống ngồi sát mũi ghe. Dòng nước êm ả đưa đẩy chiếc thuyền xuôi chiều dưới nắng ban mai hòa nhịp với đôi bàn tay rắn chắc của cô lái đò duyên dáng khua động cặp chèo lướt nhẹ trên sông.

Giữa sông nước hữu tình đón nhận buổi bình minh rạng rỡ, lão đạo sĩ ngồi yên trong chốc lát chột như bất thần nhìn nước chảy rồi khe khẽ than rằng: “Lại một trận tranh bá đồ vương!!!”.

Đò cập bến này giờ, khách lên bờ đã hết mà đạo sĩ vẫn còn ngồi đấy đăm chiêu. Chú tiểu đồng xớ rớ một hồi rồi lên tiếng:

-Lão trượng! lão trượng! đã đến bờ rồi.

Tâm thần Tuyết Giang Phu Tử như đắm chìm trong nỗi suy tư về thế sự, đạo sĩ buông tiếng thở dài rồi ung dung đứng dậy trả tiền đò, trở bước khỏi khoan cùng tiểu đồng hướng về cửa núi.

Mặt trời bỗng chói lên cao, nắng xuân bắt đầu đẩy đưa những tia nóng xuống chôn trần thế khiến bộ hành có vẻ khó chịu. Thầy trò đạo sĩ đi ngang qua làng dương liễu theo hướng ngược lên xóm Tràng Xuân, nơi am thất của lão; hai bên vệ đường, những ngôi mộ cổ xưa cùng mả mò hoang liêu đã được dân quê giầy cỏ, sửa sang hương khói nhân tiết Thanh Minh khiến quang cảnh chung quanh đượm chút hữu tình “âm dương đồng nhất lý”.

Trúc vàng lên măng sau mùa đông dài năm ngoái đã xanh tốt đến nỗi tàng lá phủ kín lối đi trước am Long Vân sơn môn. Cây bàng phía trái cổng ra vào vươn nhánh lộc ôm áp hàng hiên cùng nửa góc ao bên hòn giả sơn bốn mùa bất động. Cảnh vật xung quanh thật yên lặng, bình an!

\*

\* \*

Khách là một đại nhân trung niên mặt mày thông thiên bát cổ nhưng cách ăn bận, phục sức thì quả như một sĩ phu ẩn danh. Áo trắng ngả màu vàng nhạt, trên đầu quấn chiếc khăn nâu trong tư thế vóc người khanh khách cao cao. Đôi hài đen phủ một lớp bụi đường chứng tỏ khách là một kẻ phương xa mới đến. Bên cột nhà ngoài hiên, chiếc yên ngựa và roi da nằm sờ sờ một góc nói thêm rằng khách phải đi ngựa từ vạn dặm đến đây tìm chủ nhân có chuyện cày nhò.

Vừa thấy đạo sĩ bước vào dưới tàng diệp trúc vòng qua mé hiên, người khách mặt mày hớn hở chấp tay vái chào rồi tự xưng danh tánh:

-Tôi đây họ Nguyễn tự là Hoàng xin bái kiến Trình Tuyên Hầu Thái Phó Trình Quốc Công.

-Không dám, không dám! hóa ra ngài là Đoan Quận Công đấy à. Bấy lâu lão phu chỉ được nghe danh tướng công mà chưa hân hạnh gặp mặt. Chẳng hay tướng công quang lâm tệt xá của lão phu có điều chi chăng?

\*

\* \*

...Nguyên, Mạc Đăng Dung soán đoạt ngôi vua, giết chết Lê Chiêu Tông, tự lên ngôi hoàng đế lập ra triều đại nhà Mạc. Biết bao kẻ bắt binh và phản uất

trước sự soán đoạt của họ Mạc, trong đó có con trai của Nguyễn Hoàng Dụ là Nguyễn Kim làm chức Hữu Vệ Điện Tiền Tướng Công An Thành Hầu dựng cờ khởi nghĩa chống lại Mạc Đăng Dung. Tướng Công An Thành Hầu Nguyễn Kim tìm được người con của Lê Chiêu Tông là Hoàng tử Lê Duy Ninh lập lên làm vua tức là Hoàng đế Lê Trang Tông.

Thế lực nhà Mạc đang hồi thịnh phát, quyền bính tập hợp trong tay Mạc Đăng Dung nên lòng dân càng khiếp sợ. Để đối chọi với họ Mạc một cách hữu hiệu, Nguyễn Kim tập hợp toàn lực binh mã giao cho con rể là Trịnh Kiểm và con trai trưởng là Nguyễn Uông ngày đêm tập dượt. Nguyễn Kim còn ra sức chiêu nạp binh lương, sai con thứ là Nguyễn Hoàng dò la tung tích các vị quan, tướng bất mãn với nhà Mạc dựng gậy thành một thế lực, chung tay góp sức lấy lại cơ đồ nhà Lê từ Mạc Đăng Dung.

Cờ chính nghĩa dựng lên được muôn dân nhất tề ủng hộ. Binh sĩ có kỷ cương, quân lương có trật tự, tinh thần hưng chấn quy phục Lê triều càng ngày càng đông, mà lý tưởng trừ gian diệt ác lại càng ngày càng được hỗ trợ, nên đoàn quân của Nguyễn Kim trở thành thế lực vững chải đủ sức chống lại quan quân nhà Mạc. Được tin động trời như vậy, Mạc Đăng Dung mua chuộc Dương Chấp Nhất tìm cách đánh thuốc độc sát hại Nguyễn Kim.

Trịnh Kiểm điều khiển toàn bộ binh quyền sau khi Nguyễn Kim bị sát hại nên được vua Lê Trang Tông sở cậy đại nghiệp khôi phục cơ đồ. Trịnh Kiểm khởi binh tiến đánh nhà Mạc, đi đến đâu nhân dân hưởng ứng đến đó nên chẳng mấy chốc mà Trịnh Kiểm đã lấy được thành Thanh Hóa, dựng Lê triều đại kỳ chạy từ Thanh Hóa vào đến cực nam.

Trịnh Kiểm là kẻ thời cơ chủ nghĩa, lòng dạ gian manh, thao túng tất cả quyền hành Lê triều, một tay sanh sát trên dưới, tự tung lèo lái non sông. Thoạt đầu, Nguyễn Uông cũng ở vị trí ngang quyền với Trịnh Kiểm, nhưng dần dà Trịnh Kiểm tiêu diệt tay chân thân tín của Nguyễn Uông khiến vị tướng khai quốc công thần này phải lên tiếng phản đối. Họ Trịnh biết mình khó bề thao túng hoàng cung nếu Lạng quận Công Nguyễn Uông còn là vị trụ tướng Lê triều, Trịnh Kiểm tìm cách ám hại họ Nguyễn và sát hại hàng tùy tướng của Nguyễn Uông làm cho những kẻ phản đối Trịnh Kiểm cũng không dám một phen hó hé.

Trước tình cảnh chém giết để tranh giành thế lực xảy ra trong cùng một đại gia đình của đệ nhất công thần Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm càng ngày càng tỏ ra hống hách và biết bao công, hầu, khanh, tướng tận trung với nhà Lê đều phải chết dưới gươm họ Trịnh. Đuan Quận Công Nguyễn Hoàng trở nên cô đơn, sống trong triều Lê mà như ngủ dưới lưỡi hái của tử thần, ăn trong bát vàng mà tương chừng như nuốt từng liều độc dược. Muốn báo thù cho anh mà trong tay chỉ còn lại tro trọi những lảng chỉ chi chút vô tình, Nguyễn Hoàng như kẻ sầu đời cho qua

những ngày đèn treo trước gió. Trịnh Kiểm càng ngày càng áp đảo vua Lê mà bá quan văn, võ không có ai đủ bản lĩnh lên tiếng can ngăn. Hoặc giả nhiều kẻ sợ liên lụy đến gia quyến mà rũ áo từ quan vui thú điền viên thối thác. Hoặc có kẻ điều ngoa xảo quyết được một phen hòa với lũ gian thần đặng kiếm chút quyền hành, bổng lộc. Nói tóm lại, trong triều Lê chỉ còn lại bọn chó săn cho Trịnh, hoặc những kẻ cơ cầu đui, điếc, bất tri. Doan Quận Công Nguyễn Hoàng sực nhớ đến vị lý số tài ba nơi am Long Vân sơn môn bên giòng Tuyết giang mà bao đêm họ Nguyễn nghĩ rằng người này có thể hóa giải cơ trời, giúp ta khôi phục uy quyền của vua Lê cùng báo thù luôn cái hận giết anh để nắm trọn quyền bính trong tay. Vì vậy Nguyễn Hoàng giả cách đi săn đặng lặn lội xa xôi gặp cho bằng được Thái phó Trình Quốc Công tức Nguyễn Bình Khiêm tiên sinh.

Là đệ tử chân truyền của cụ Bảng nhãn Lương Đắc Bắc, một lý số gia tinh thông Thái Ất Thần Kinh nên Nguyễn Bình Khiêm được thọ giáo tất cả những nẻo huyền cơ chi mật từ người thầy quán thông kim, cổ. Nguyễn Bình Khiêm nổi tiếng là bậc nhân hậu, pháp thuật cao cường, đây đó chu du mà dùng phép màu diệu dụng đặng giúp ích thế nhân. Năm Đại Chánh thứ sáu triều đại Mạc Đăng Doanh, Nguyễn Bình Khiêm thi đỗ trạng nguyên, phong tới chức Tả Thị Lang, rồi thăng hàm lên Đông Các Đại Học Sĩ.

Mặc dù có chức tước cao trọng như thế, nhưng kẻ sĩ thà “ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch” còn hơn là phò vua không anh minh, soán đoạt cơ đồ của Lê triều như Mạc Đăng Dung; thì dù được phong tới chức Tể tướng, lão cũng không màng. Nguyễn Bình Khiêm nhất định từ quan, về ẩn dật nơi am thất cửa núi Long Vân, cạnh giòng Tuyết giang để hằng ngày ngao du sơn thủy.

Biết Trình Quốc Công trú ngụ nơi làng quê hẻo lánh này, Nguyễn Hoàng cỡi ngựa thân hành trực chỉ nam phương đặng bái yết tiên sinh thỉnh ý. Nghe câu hỏi vừa dứt, Nguyễn Hoàng nhập đề không chút do dự:

-Thưa lão trượng! Tôi đây có miệng như câm, có tai như điếc, thấy bào huynh bị giết mà chẳng dám nhỏ giọt lệ xót thương. Riêng bản mạng của tôi chẳng khác nào sợi chỉ treo cả ngàn cân, càng để lâu lại càng nguy đốn. Xin Tiên sinh vì lòng hào hiệp chỉ bảo cho tôi được mở mắt nhìn đời.

Vẫn đứng yên trong tư thế ung dung tự tại, Trình Quốc Công nhìn thẳng vào mắt Nguyễn Hoàng rồi nhét mép cười, đáp:

-Bấy lâu nay lão phu xa lánh việc đời, chuyện trần tục gác bỏ ngoài tai nên thế sự xoay vần mà lão nào có để ý.

Nguyễn Hoàng hạ thấp giọng năn nỉ:

-Thật là khó khăn vô cùng mới tìm được đến nơi tiên sinh, nếu tiên sinh không chỉ bảo đôi điều thì Hoàng này trở về cũng chết.

Ngẫm nghĩ một đời lâu, Trình Quốc Công gật gù rồi bảo:

-Nếu Quận công có lòng chí thành muốn biết kiết hung về đường bốn mạng thì phải ăn chay ba ngày, chí thành khấn nguyện âm dương. Đúng giờ Tý ngày Mậu Thìn lão phu sẽ xú quẻ Tiên Thiên để đoán xem vận hậu Quận công thế nào.

-Đa tạ tiên sinh.

Khách vừa bước ra, Nguyễn Bình Khiêm tiễn tận cổng núi Long Vân cho đến khi Nguyễn Hoàng lên ngựa ra roi. Mặt trời đã gần chính ngọ, nắng tháng Ba bắt đầu oi bức mà Trình Quốc Công cảm thấy tê dại trong lòng. Trở gót bước vào thư phòng, vừa đi, Nguyễn Bình Khiêm vừa như nói với chính mình: “Quốc gia loạn lạc đến kỳ, rồi đây muôn dân còn thêm đồ thán, âu cũng là định mệnh thiên cơ muốn đất nước chia thành hai nẻo.”

\*

\* \*

Đêm xuống thật sâu, bóng trăng mờ nhạt khó khăn tỏa ánh chiếu đục ngầu qua làn sương khuya, vàng trắng không còn rõ nét như một vệt lân tinh chênh chếch chân trời. Dưới tàng trúc, ánh trăng xuyên qua kẽ lá vẽ lên mặt đất những hình thù kỳ quái, loang lổ. Nguyễn Bình Khiêm tựa lưng vào mỏm đá cạnh hòn giả sơn, mặt quay về núi Yên Tử tìm một phút an nhiên trong thiên định. Trớ trêu thay, càng tập trung tư tưởng bao nhiêu, những hình thù loang lổ dưới chân như múa may quay cuồng bấy nhiêu để đùa giỡn với nỗi niềm đau bẽ mà chính tiên sinh chưa dám nghĩ đến. Một làn gió lạnh thổi qua, chiếc áo choàng không còn dịp phật rung rinh vì sương khuya như nhuộm ướt cả y trang và thấm sâu vào tâm khảm của người.

Gà rừng cất giọng đầu canh, tiếng gáy mang chút hoang dã, cô đơn bỗng trở thành tiếng kêu vô vọng. Nguyễn Bình Khiêm bưng mắt, vươn vai như trải qua một cơn mộng ảo. Tiên sinh vừa đi mà tâm trí vẫn còn vướng mắc một nỗi xôn xang chưa hề ngưng đọng: cái hậu quả khốc liệt mà quốc dân phải gánh chịu lâu dài khi mình không cải được ý trời. Thật ra, từ khi sang xuân, tiết Nguyên đán nhân ngày chánh nhật, Tiên sinh đã thu đạt cơ trời nhân xú quẻ đầu năm khai bút. Chuyện gì đến sẽ đến là lẽ mầu nhiệm của đất trời, một con người như hột cát mỏng manh múa may quay cuồng theo hướng gió, thì Nguyễn Bình Khiêm ta đây cũng chỉ là hạt bụi mong manh dùng thiên cơ để tiết lộ uyên nguyên của vô thường. Vừa suy nghĩ như vậy, tiên sinh như nhận ra chân lý đích thực của hồng trần bèn khe khẽ ngâm nga:

“Non sông nào phải buổi bình thời,

Thù đánh nhau chi khéo nực cười.  
 Cá vực chim rừng ai khiến đuổi,  
 Núi xương, sông huyết thấm đầy vơi...”

Tiếng ngâm vừa dứt, Đoàn Quận Công Nguyễn Hoàng bước ra trước mặt Trình Quốc Công rồi cúi rạp người vái chào tiên sinh, nhân tiện cất tiếng hỏi:

-Chẳng hay lão trượng vừa ngâm bài thơ ý tứ súc tích, lời lẽ trầm hèn, đây có phải là lời chỉ bảo cho Hoàng đây không?

Nguyễn Bình Khiêm trầm ngâm giây lát rồi gật đầu nhẹ:

-Cơ trời hiển hiện, nhân gian nào ai chống đỡ được đâu! Thôi, giờ tý đã đến, chúng ta vào trong, Quận công chí thành lễ tổ để lão phu chuẩn bị xú quẻ âm dương.

Ánh sáng tờ mờ của ngọn đèn mù u chỉ đủ rọi một khoảnh nhỏ chiếu lên chiếc đĩa bạc nạm rồng. Khói trầm tỏa ra từ chiếc lu đồng xông ngát chung quanh phảng phất bầu không gian thật trầm tịch, u linh. Nguyễn Hoàng quỳ trước điện tiền, hai tay chấp hình búp sen bất động. Sau một hồi khấn vái trang nghiêm qua những câu thần phù bí hiểm, tiên sinh nâng tráp gỗ ngang vầng trán rồi xá xá mấy lần đặng mở hộp lấy ra sáu đồng tiền đúc. Không gian chìm đắm trong sự tín thành, Nguyễn tiên sinh kính cẩn gieo từng đồng vào đĩa bạc, tiếng kêu canh cách vang lên một cách khô khan. Mỗi lượt gieo đủ sáu lần tiền, Trình Quốc Công dùng bút lông gạch xuống tám vái điều theo hình bát quái một lần rồi đọc to cho cả Nguyễn Hoàng cùng nghe:

-“Càn tam liên tây bắc Tuất Hợi: Triệt.”<sup>(1)</sup>

Nguyễn Bình Khiêm gieo đến lần thứ tám thì mồ hôi toát ra từ gáy đến tận trung khu thần kinh khi Nguyễn Hoàng nghe tiếp câu:

-“Ly trung hư chánh nam đương Ngọ: Vượng”<sup>(2)</sup>

---

(1) Cung Càn trong bát quái đồ hình gồm ba gạch liên tục nằm về hướng Tây bắc thuộc cung Tuất và Hợi

(2) Cung Ly trong bát quái đồ hình gồm gạch trên liền, gạch giữa chia hai và gạch dưới liền thuộc hướng Nam, cung Ngọ.

Nguyễn tiên sinh nhắm mắt bất động. Thân thể và tâm ý ông như theo làn khói nhan trên bàn thờ tổ bay bổng lên hư không. Đoàn Quận Công vẫn trong tư thế kính cẩn chí thành quỳ trước điện tiền. Họ không nói với nhau nửa lời vì sợ sự di động nào đó sẽ tan biến đi cái huyền diệu u tịch vô cùng trọng đại này. Cuối

cùng Nguyễn Bình Khiêm mở mắt ra nhìn thẳng vào mặt Nguyễn Hoàng rồi chậm rãi nói:

-“Hoành Sơn Nhất Đối, Vạn Đại Dung Thân” (1).

\*

\* \*

Chủ khách từ giã xong, Nguyễn Bình Khiêm đánh thức tiểu đồng pha trà và đốt thêm một tuần trầm để xông cơi trần thế ô trược này. Lòng tiên sinh cứ bồn chồn khó chịu vì áy náy với chính mình: đành rằng thiên cơ đã định nhưng mình lý giải ra thì chẳng khác nào như vạch đường cho cơ đồ phân ly chia cách. Một chung trà nóng ngát thơm khiến tiên sinh giảm bớt tạp niệm. Gà

---

(1) Phía trong dãy hoành Sơn thì đời đời an cư lạc nghiệp, ý khuyên nên vào phương Nam lập nghiệp.

rừng gáy thêm chập nữa, ánh sáng tờ mờ khởi chút vùng hồng tỏa rạng ở phương đông. Giờ Dần đã đến, Tiên sinh ngồi kiết già tĩnh tọa trước điện thờ chư vị Thánh Hiền, nửa canh giờ trôi qua như thế cuộc diễn nhanh trong tâm tưởng, tiên sinh sụp lạy rồi khấn vái thật chí thành để tự mình xủ quả Tiên Thiên bói đại vận:

“Xem Thái Ất thần kinh ứng chỉ, đất nước này phải chia cắt đến vài trăm năm. Phải có một đại nhân xuất hiện, thống nhất sơn hà thành một mối”. Ta tiếc cho ta không còn sống để chiêm ngưỡng vị minh quân ra đời.

Bình minh trên sườn đồi đã thức giấc. Nguyễn Bình Khiêm đứng dậy nắm những đồng tiền xủ quả trong tay, tiên sinh trực chỉ hướng đông nam nơi giòng Tuyết giang bốn mùa trôi chảy. Gió sông gợn lạnh hắt hiu quạt vào mặt như một sự trừng phạt vô hình. Nguyễn tiên sinh nói với chính mình như mượn làn gió sớm làm chứng nhân cho lời thệ nguyện: “Thiên cơ bất khả lậu, ta xin chấm dứt từ đây những lý số ứng linh cho can qua khổ nạn”. Nói xong, những đồng tiền xủ quả vụt bay vèo xuống dòng nước không một chút ngân vang để gợn tròn lăn tăn đây đó.

Trình Quốc Công gật đầu ra chiều thỏa mãn, nhìn về hướng tây bắc, ngọn núi Yên Tử của phái Trúc Lâm đang thỉnh chuông cho thời công phu sáng ngân nga tận cõi lòng dẫn tiên sinh vào cảnh u hoài tịch tịnh. Kể từ đây thế nhân hết dịp gặp lại Nguyễn Bình Khiêm, Long Vân sơn môn quán chỉ còn chú tiểu đồng ngày nọ qua tháng kia đợi tiên sinh trở về dùng bữa cơm chiều...

\*

\* \*

Ngọc Ninh phủ hôm nay treo đèn kết hoa vô cùng lộng lẫy, gia nhân tất bật nhộn nhịp, lưỡng xăng sửa soạn cho thật nghiêm trang từ những cành hoa tươi trên bàn đến các chậu kiểng ngoài hàng hiên, đâu đâu cũng hết sức chu đáo, mỹ lệ. Quân lính bên ngoài được lệnh canh phòng thật cẩn mật vì Trịnh Kiểm chuẩn bị đón rước vua Lê Trang Tông ngự tiệc nhân tiết Đoan ngo mừng Năm tháng Năm. Từ công tam quan sắc sỡ đèn hoa, hai hàng cung nữ như những nàng tiên hạ giới đang nghiêm chỉnh trong xiêm y lộng lẫy để rước thiên tử ngự tiệc chí đến sân Ngọc Ninh phủ vốn đã uy nghi từ trước nay lại còn tăng thêm vẻ trang trọng ác liệt.

Ngọc Bảo Quận Chúa ngồi trong chánh thất, lộng lẫy với trang phục diễm kiều có một không hai. Vài tỳ nữ lúc nào cũng châu chực để được sai khiến bên trong tấm rèm hoa, thị vệ tả hữu túc trực phía ngoài với khí thế đàng đàng, trên tay lăm lăm đốc kiếm.

-“Bẩm quận chúa, Đoan Quận Công phía ngoài xin được vào yết kiến quận chúa”. Một tỳ nữ phía ngoài đang tâu trình.

Đã bấy lâu, lòng Ngọc Bảo luôn thương tưởng đến người em tài hoa này mà không sao tìm được dịp ghé thăm. Kể từ ngày Lạng Quận Công Nguyễn Uông bị chồng ám hại, tình gia quyến trở nên tương tàn. Nguyễn Hoàng tìm cách xa lánh những hội hè đình đám, một mình giam hãm trong nhà đôi lúc cả năm trời không tham gia một lần giỗ chạp. Ngọc Bảo đang phân vân, chẳng hay ngọn gió tường vân nào đưa đẩy người em thân yêu của ta đến thăm đúng vào dịp thượng hoàng ngự tiệc?

Nguyễn Kim sinh được một gái hai trai đều là tướng của Lê triều. Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng được sắc phong Quận Công. Ngọc Bảo là chánh thất của Trịnh Kiểm nên cả nhà Nguyễn Kim được trọng vọng vào bậc nhất hoàng triều. Tính tình Trịnh Kiểm thì khó lường trước được, lúc nóng giận như hỏa diệm sơn, lúc lạnh tiền như băng tuyết, khi ngọt ngào như từ mẫu âu yếm con cầu, khi điêu ngoa gian hùng chẳng khác nào Tào Tháo khiến quần thần sĩ tốt chẳng biết hư thật thế nào, ngay cả Ngọc Bảo cũng khó lòng đoán biết được chân tướng của lang quân mưa nắng mây hồi. Nghĩ như vậy rồi lại nhớ đến sự an vui dĩ vãng của gia tộc, bỗng dưng quận chúa xúc động vô độ đến cái chết tức tưởi của Lạng bào huynh dưới gươm của chồng mình, bà vội vàng bước xuống thềm và giục tỳ nữ lập tức mời Đoan Quận Công vào trong phủ để chị em được dịp vấn an.

Vừa thấy bóng em bước vào đây vẻ khắc khổ phong sương như một người ần dật, bộ võ bào trên thân đã sòn củ, đôi hia mốc thích bụi đường như kẻ tha phương vừa đến. Quận chúa lộ vẻ xúc động trước tình cảnh thương tâm của gia tộc, nụ cười như chiếu lệ không nở nổi giữa mặt ủ mày ê. Ngọc Bảo ngồi trên



chiếc đôn có nét hoa văn với hình thù kỳ lân sắc sỡ mà tương chừng như ngồi trên sự tủi nhục oán hờn. Nguyễn Hoàng liếc nhìn xung quanh, mừng mừng, tủi tủi thăm hỏi qua loa. Biết không có Trịnh Kiểm gần đây nên Đoàn Quận Công lựa lời nhờ vả:

-Bấy lâu nay phía Nam không người cai quản, Chiêm Thành ngày đêm rục rịch tiến đánh nước ta, phía ngoài thì họ Mạc hăm he gây hấn, nếu ta không chuẩn bị trước, có lúc trở tay không kịp. Từ ngày thân phụ chúng ta ngộ độc, em vẫn theo phò Lê vương báo đền ơn đức nhưng chưa lập nên công trạng gì để báo bổ non sông. Hôm nay nhân đại yến linh đình, chị cố gắng trình lên Điện hạ chiếu chỉ cho em vào đất Thuận Hóa trấn thủ, như vậy vừa có tướng ở chốn biên thùy án ngữ quân Chiêm, vừa là cách chiêu dân cho triều đình đó. Từ xưa giờ ta vẫn lấy câu “cẩn tắc vô ưu” để phòng hoạn nạn là lẽ thường tình.

-Chuyện em muốn thì cũng không khó, ngặt nỗi sơn lam chướng khí vùng Thuận Hóa kinh hoàng, chị e rằng em vào trấn nhậm chưa tới đâu thì chị lại phải nghe tin buồn em vùi thây nơi rừng thiêng nước độc. Ngọc Bảo có ý cản ngăn.

-Cám ơn chị đã đoái thương cho đứa em máu mủ này. Nhưng thiết nghĩ, làm thân trai ngàn dặm da ngựa bọc thây, sá gì chốn sơn lam cùng cực. Ngặt chỉ mỗi một điều là lâu ngày mới trở về vấn an tôn nhan chị được.

Biết tính khí Nguyễn Hoàng từ thuở ấu thời, một khi lòng đã quyết thì dù có cản ngăn trăm phương ngàn kế chi đi nữa, họ Nguyễn này nhất định phải tìm cách làm cho bằng được. Thôi thì cũng hợp lẽ người mà an ninh cho cả triều đình thì có gì phải từ chối lời thỉnh cầu của cậu em trai. Nghĩ như thế, Ngọc Bảo quận chúa hứa lời:

-Thôi cũng được, chuyện này để chị tâu trình qua lang huynh của em, thế nào cũng thuận. Còn hơn nửa khắc nữa đại yến cung nghinh hoàng thượng giá lâm ngự tiệc sẽ khai mạc, em hãy nán lại chung vui với phủ Ngọc Ninh rồi vái chào lang huynh của em một thể.

-Cám ơn sự săn sóc chu đáo của chị. Em phải về ngay Long Vân quán, ngày mai là húy nhật, kỵ giỗ Lạng Quận Công đại huynh, chị chẳng nhớ sao ?

-À! em không nhắc chị nào có nhớ. Ngặt một nỗi, đức lang quân của chị lúc nào cũng muốn chị quên phức chuyện cũ ấy đi, nên mấy lần húy kỵ mà lang huynh em không thuận cho chị trở về Long Vân quán để đốt hương tưởng niệm huynh đài. Thôi tiện đây chị gửi chút đỉnh trầm hương, ngày mai em hộ đốt thay chị để Lạng Quận Công bào huynh chứng tri cho.

Nguyễn Hoàng bước tới đỡ lấy gói trầm. Nghe tiếng thở dài mang bao nỗi sầu lụy bi ai của chị thoát ra, Nguyễn Hoàng cảm động vô cùng rồi rung rung như xoa dịu sự đốn đau chảy tràn vào hồn cả hai:

-Chị đừng bi lụy mà héo hắt ngọc diệp kim chi, chuyện sinh tử trong thế gian đều theo duyên nghiệp sanh sanh hoại hoại. Kia các vị tướng quốc đã tấp nập đến rồi; ngày một vào giờ Dậu em trở lại nhận ấn chỉ vào Nam. Chị cố lo cho, em xin đa tạ chị muôn vàng.

Màn đêm khó phủ xuống cung thành khi ánh hoa đăng rực rỡ hắt thứ ánh sáng chói ngời lên ngọc môn nơi bức hoành khắc ba chữ “Ngọc Ninh Phủ” lộ lộ, oai phong như lưỡi kiếm sẵn sàng chém xuống đầu những kẻ nghịch mạng lai vãng chốn công quyền đầy uy phong bạo lực.

\*

\* \*

Tiệc tàn lúc canh hai, khách khứa say túy lúy. Lê Trang Tông ngà ngà nhưng cố giữ nét oai phong của bậc vương gia. Vài ba quan văn, dăm ông quan võ sợ uy của Trịnh Kiểm nên chen nhau chúc tụng chủ nhân không tiếc lời. Nào Trịnh Kiểm đại nhân đại đức, nào Trịnh Kiểm văn võ song toàn, nào chúa Trịnh quán thông kim, cổ.. vân, vân..làm cho vua Lê cũng áy náy không cùng. Quan văn Phùng Khắc Khoan nhìn Đỗ Uông và Nguyễn Nhân Thiện lắc đầu ra chiều chán nản cái cảnh cúc cung của bọn gia nô. Những vị quan văn này nể lời của Trịnh Kiểm nên phải tới dự, song họ không dùng rượu như đám gian thần vô tài bất tướng. Võ quan Hoàng Đình Ái và Nguyễn Hữu Liêu ngồi tận góc đại sảnh, uống lấy lệ từng ngụm rượu hoa đào mà ngao ngán nhìn thiên hạ kiêu ngạo chúc phúc cho nhau. Không mấy kẻ chú ý đến nhà vua khi hoàng đế Lê Trang Tông có ý ra về, Phùng Khắc Khoan kéo tay Hoàng Đình Ái, hai người đứng lên như hộ giá cho vua Lê rời Ngọc Ninh vào cuối giờ Hợi. Đoàn kiệu giá đưa hoàng thượng hơi quá nửa sân, Trịnh Kiểm giả vờ chạy ra có ý luyến tiếc tiệc tàn hơi sớm kèm vài lời cảm tạ ân đức Lê triều.

Sự chuyên chế của Trịnh Kiểm càng ngày càng lộ rõ, lấn áp quyền hành của Lê Trang Tông, tiền trạm hậu tấu khiến quần thần nhiều kẻ khiếp đảo, nhu nhược. Sau khi giết chết Lạng Quận Công Nguyễn Uông, ít ai còn díp lên tiếng phản đối hành động bạo ngược của họ Trịnh. Nhiều kẻ thấy vậy a dua theo, nhưng cũng không ít người khinh khi, bất phục.

Đợi cho gia nhân dọn dẹp xong xuôi, đèn đuốc được hạ xuống và công ngọc môn đã đóng chặt, quân lính ngoại thành đánh cồng báo hiệu sang canh thì quận chúa Ngọc Bảo rón rén tới cạnh phu quân thổ thổ:

-Đại yển hôm nay thật là sung mãn. Hoàng thượng và quần thần hết sức hoan hỷ. Thiếp nghe hoàng thượng ban khen cho phu quân tới sáu tuần mỹ tửu lặn đầy.

-Đúng vậy! đúng vậy! nhưng hoàng thượng ban khen cho lấy lệ chứ đáng ra ta ban khen cho nhà vua mới phải lẽ!!!

Sau một tràng cười khoái chí ra chiều đạt đến trạng thái thông khoái nhất trần gian, bỗng dung Trịnh Kiểm ngưng ngang, nghiêm sắc mặt, nhìn thẳng vào mắt Ngọc Bảo, hất hàm hạch hỏi:

-Lúc chạng vạng có người báo cho ta biết Nguyễn Hoàng đến đây gặp nàng với dụng ý gì?

Bị hỏi quá sức bất ngờ, hồn vía quận chúa hồn phi thất đản, nhưng vốn là một bậc nữ lưu có tiếng thông minh hữu hạng ở kinh thành, Ngọc Bảo định thần trong chớp nhoáng rồi bình thản trả lời như thể không có gì xảy ra:

-Đoan Quận Công ghé đây thăm thiếp và lang quân. Thiếp cố mời cậu ấy nán lại để dự đại yến nhưng cậu ấy không thể ở lâu. Đạo này bị bệnh đau gan, vàng ửng cả mắt lẫn da nên phải cần thuốc thang hàng ngày. Thật là tội nghiệp! Cậu ấy than rằng phương Nam triều đình ít chú ý, phòng thủ; nếu Chiêm Thành cử đại binh Bắc tiến thì thật là nguy cấp, lúc ra về cậu ấy thưa rằng nếu tướng công rảnh rỗi thì bẩm báo với tướng công định đoạt.

-À ra thế, ta cũng có nghĩ thoáng qua nhưng công việc chống đỡ nhà Mạc phương Bắc đã mất hết thời gian. Hay là, này quận chúa! Ta thấy Doan Quận Công ở triều ca cũng chẳng làm gì, chỉ bằng sắc phong cho cậu ấy trấn nhậm vùng Thuận Hóa thì hay biết mấy.

Trịnh Kiểm nhìn vợ thăm dò, Ngọc bảo nghe như vậy thì lòng mừng thầm vì dâu sao cũng giúp em toại ý, nhưng nàng giả bộ giẫy nẩy:

-Trời ơi! vùng Thuận Hóa đầy sơn lam chướng khí, đất rộng, người thưa vô cùng hiểm độc. Tướng công sai khiến cậu ấy vào nam thì chắc gì có dịp hàng năm trở về thăm thiếp.

Trịnh Kiểm đưa tay gỡ đầu ra chiều ngại ngùng:

-À! đừng nghĩ vậy mà oan cho ta. Trịnh Kiểm giải thích:

-Đoan Quận Công là người có tài, có trí, lanh lẹ khôn ngoan. Người như vậy không dễ gì bó tay trước những trở lực của sơn lam chướng khí. Quận chúa nghĩ thử ý ta có đúng không?

Sợ phu quân bất ngờ thay đổi ý kiến thì hỏng công việc của em, Ngọc Bảo thở dài một tiếng ra điều khổ não rồi đến bên chồng âu yếm thưa rằng:

-Dòng họ của thiếp chỉ còn Đoàn Quận Công, được tướng công đoái hoài thì cũng là phước báu. Thôi thì, chuyện quốc gia bảo vệ biên thù là việc đại sự không nên chần chừ. Nếu lòng đã quyết, sáng mai thiếp triệu Đoàn Quận Công diện kiến cho phu quân sai bảo.

\*

\* \*

Thật ra, từ khi sát hại Lạng Quận Công Nguyễn Uông thì tâm ý của Trịnh Kiểm ngày đêm lo ngại Nguyễn Hoàng phục hận. Do đó, Trịnh Kiểm nhiều lần mưu hại Nguyễn Hoàng cho bớt nỗi lo canh cánh bên lòng. Ngặt một điều, Đoàn Quận Công là người thông minh đĩnh ngộ, nhân hậu khiêm cung, được lòng các tướng bề trên, không một lỗi nhỏ nên kẻ dưới luôn kính yêu, ngưỡng mộ. Vua Lê Trang Tôn tỏ ra quý mến người tài mà sợ Trịnh Kiểm can ngăn nên mấy lần định sắc phong phẩm trật thì lại hủy bỏ. Nguyễn Hoàng thừa biết chuyện ấy nhưng lúc nào cũng tỏ ra bất cần danh vọng, lại ăn nói lễ độ, khôn ngoan nên Trịnh Kiểm khó lòng trừ khử. Cây gai trước mắt xốn xan con người chưa biết cách nào nhổ bỏ, hơn nữa chuyện sát hại Nguyễn Uông vẫn còn âm ỉ khiến hàng văn, võ có kẻ không phục thì Nguyễn Hoàng dù có gì đi nữa thì cũng phải hạ hồi phân giải. Mặt khác, Ngọc Bảo lúc nào cũng lấy lời lẽ dịu ngọt mà che chở cho em nên khiến Trịnh Kiểm chưa nỡ ra tay sát hại. Trịnh Kiểm như kẻ chết đuối vớt được chiếc phao, bỗng dung có lời đề nghị cao minh như vậy thì quý hoá vô ngần. Giết không được thì nên đày đi cho đỡ lo lắng, đó là kế hoạch nẩy nở trong đầu họ Trịnh.

-Ta đã nghe cấp báo nhiều lần về việc Chiêm Thành động binh quấy phá mạn nam. Chuyện này như cứu hỏa, trễ nãi một ngày thì an nguy bá tánh khôn lường. Ngày mai ta sẽ tâu trình hoàng thượng để xin chiếu chỉ cho Đoàn Quận Công trấn nhậm Nam phương. Trịnh Kiểm nở nụ cười khoái chí như vừa trút được gánh nặng ngàn cân.

Trông đã điếm canh hai, gia nhân dọn dẹp xong cũng vừa đi ngủ. Toán thị vệ tuần tra phía Thiên Bửu phủ nghe bước chân rầm rập vang vọng trong đêm vắng. Ngọc Bảo sửa soạn chăn mùng mời chồng an giấc, Trịnh Kiểm vẫn còn men rượu nên vừa nằm xuống thì tiếng ngáy vang như sấm bắt đầu trời lên pha với mùi mai quế tửu nồng nặc gian phòng.

Khác với chồng, Ngọc Bảo không tài nào ngủ được. Quận chúa cố dỗ giấc ngủ bằng sự tĩnh tâm nhưng rồi trông đã sang canh mà thân bò liễu vẫn còn trăn trở. Càng định tâm chừng nào thì hình bóng của Lạng Quận Công càng vờn vơ trong đầu chừng nấy. Quận chúa ngồi dậy uống nước, lần bước ra tự đường đột một nén nhang rồi quay trở lại. Vừa chợp mắt một xíu, quận chúa thấy một

điềm mộng rất đỗi kinh hoàng. Ngọc Bảo ú ớ không thành lời rồi cuối cùng hét lên thất thanh.

-Cái gì vậy quận chúa? tỉnh lại! tỉnh lại! giọng Trịnh Kiểm vẫn còn ngái ngủ.

-Ái dào! thiếp vừa trải qua một điềm chiêm bao rùng rợn hãi hùng. Thôi tướng công ngủ tiếp đi rồi ngày mai thiếp kể cho nghe.

Trịnh Kiểm ngồi dậy, vươn vai, vỗ trán lấy lại sự tỉnh táo sau một giấc mê mệt.

-Ta cũng hết buồn ngủ rồi. Hãy kể cho ta nghe thử nào, không khéo ngày mai lại quên mất.

Quận chúa ngồi dậy, mắt vẫn nhìn đăm chiêu ra cửa, hai bàn tay úp trên ngực rồi kể giấc chiêm bao cho chồng nghe trong hơi thở hồi hộp:

-Thiếp thấy một con rồng vàng bay trên Ngọc Ninh phủ bảy vòng rồi hạ xuống trước đình đồng ngoài sân. Nó đi thẳng vào tự đường, dùng chân đá thốc vào chính giữa cửa rồi nhảy lên bàn thờ quật phá lung tung. Cuối cùng con rồng gấp chiếc bài vị của phụ thân thiếp bay lên cao hướng về phương nam. Thấy như vậy nên thiếp đuổi theo và rơi vào hang đá bên vực thẳm nào đó.

\*

\* \*

Nguyên, năm đó Ngọc Bảo đang thọ thai được tròn ba tháng, mưa thuận gió hoà và dân chúng làm ăn có phần dễ chịu hơn mấy năm trước. Nhiều nơi trong nhân gian đã làm cối xay gạo hầu chuẩn bị gặt hái xong thì lúa sẵn sàng được xay. Để chuẩn bị cho đứa con ra đời với cái tên gắn liền sự phát triển của muôn dân, Trịnh Kiểm đã ngẫm nghĩ đặt tên cho đứa con này phải là cái cối xay cho trăm họ nhờ vả. Vì vậy mà sau này cái bào thai đó ra đời mang danh ngộ nghĩnh: Trịnh Cối. Nghe vợ vừa dứt câu chuyện, Trịnh Kiểm khoái chí đứng dậy cười vang vang ra chùi đắc thảng. Tiếng cười ha hả vang vọng trong đình không khiến đội tuần tra phải mấy lần dừng lại kiểm chứng.

-Như ý của ta, như ý của ta!

Từ khi sát hại Nguyễn Uông để tóm thâu quyền lực trong tay, Trịnh Kiểm lấn áp triều đình, coi thường hoàng đế, một mình chuyên quyền định liệu mọi việc hưng suy của quốc gia. Mộng của họ Trịnh là phải lên ngôi thiên tử như nhà Mạc đương thời. Ngặt nỗi từ trên các đại thần quan tước, đến dưới muôn vạn nhân dân đều tỏ ra không ưa nhà Trịnh mà chuyện soán ngôi thì thiên hạ phỉ khinh. Từ năm Mậu Thân (Tây lịch 1548) khi vua Trang Tông băng hà thì ý niệm soán ngôi đã hình thành trong đầu Trịnh Kiểm. Thái tử Duy Huyền được bá quan

văn võ trong triều tung hô vạn tuế để kế thừa ngôi báu đã làm hỏng kế hoạch của họ Trịnh. Thái tử Huyền lấy hiệu là Lê Trung Tôn lại là người hiền từ nhưng không có con cái để nối dõi tông đường. Sau tám năm trị vì, nhà vua đột nhiên băng hà là cơ hội vô cùng quý giá cho họ Trịnh một lần nữa. Trịnh Kiểm họp bàn cùng chư tướng và quần thần thì trăm người như một là muốn tìm lại con cháu Lê triều để kế thừa đại nghiệp. Tính tới, tính lui phân vân trăm kế ngàn phương, bỗng Trịnh Kiểm nhớ đến một người mà nhân gian tôn sùng như vị thánh sống “thượng thông thiên đường, hạ triệt địa phủ”(1) . Vì vậy Trịnh Kiểm sai một người thân tín đi tìm Trình Quốc Công lý giải.

Trình Quốc Công không còn ở trong Sơn môn quán, kẻ dò tìm phải mất nhiều ngày đêm vượt núi băng ngàn, đến tận núi Yên Tử, qua Thanh Hóa, đến Hải Dương với nhiều lựa là gắm vóc tướng cầu thỉnh ý tiên sinh. Nào ngờ đi mãi theo lời đồn đãi của thiên hạ mà chẳng thấy tăm hơi. Hơn mười ngày đêm gian truân tìm kiếm khắp chốn, kẻ thân tín định bụng quay về thì đi ngang qua đò trên giòng sông Tuyết Giang, bỗng dung Trình quốc công đứng đó chờ đợi. Kẻ thân tín của Trịnh Kiểm mừng rỡ vô cùng vội vàng dâng lựa là, gắm vóc xin thỉnh ý của Nguyễn Bình Khiêm. Tiên sinh nghe xong thì châu mày rồi nói như thét vào tai kẻ đối diện:

---

(1) Trên thì thông hiểu thiên văn, tinh tú, dưới thì thấu biết địa lý, âm ty.

“-Tìm giống cũ mà gieo mạ thì mùa màng hưng thịnh, bằng trái ý tìm lúa mới thì chẳng những thất thu mà còn bị nạn đói hoành hành suốt kiếp”. (1)

Được kể lại tỉ mỉ về câu nói ẩn ý của Trình Quốc Công, Trịnh Kiểm ngẫm nghĩ

suốt mấy đêm trường rồi bỏ ý đồ cướp ngôi và thân hành đi tìm cháu, chất của nhà Lê lập đại nghiệp cho chính danh. Hành trình truy tìm hậu duệ nhà Lê cũng không mấy vất vả. Nguyên, bào huynh của vua Lê Thái Tổ là Lê Trữ có một người cháu huyền tôn là Lê Duy Bang. Trịnh Kiểm bắt đắc dĩ mới lập vị tân vương này với danh hiệu là Lê Anh Tông trị vì. Quyền bính lúc này hầu hết vào tay Trịnh Kiểm, mọi định đoạt tối thượng đều phải có sự đồng ý của họ Trịnh, việc đối nội, đối ngoại, an ninh, quốc phòng kể cả binh mã đều tóm gọn trong tay một người nên Vua Lê Anh Tông như thể một loại trang sức cho họ Trịnh thao túng.

Mặc dù tin lời tiên tri của Trình Quốc Công nhưng ý đồ soán đoạt ngôi thiên

(1) Lời khuyên rằng hãy giữ vai trò nguyên trạng, không nên soán nghịch, nếu không thì sẽ bị tai ương.

tử chưa hẳn đã dứt, Trịnh Kiểm ngày đêm tìm cách tốt nhất để đưa con cháu của họ Trịnh thay thế họ Lê cai trị bá tánh.

Do vậy, khi nghe Ngọc Bảo kể câu chuyện chiêm bao vừa xong, Trịnh Kiểm nghĩ ngay đến ước nguyện của mình và cho đó là điềm cát tường. Rồi đây cái bào thai trong bụng Ngọc Bảo sẽ trở thành hoàng đế vì rồng vàng lượn ở trời nam đã báo hiệu cho họ Trịnh ngày mai vô cùng hiển hách.

Vừa tản sáng, Trịnh Kiểm thay đổi xiêm y đặng vào cung yết kiến Trang Tông. Mục đích của cuộc yết kiến này là xin được chiếu chỉ cho Nguyễn Hoàng đặng vào Nam trấn ải Thuận Hoá. Vừa nghe tấu trình xong, Vua Trang tông cau mày tỏ vẻ không ưng thuận vì dù sao Đoàn quận Công Nguyễn Hoàng cũng là một trụ tướng của triều ca. Hơn nữa, Nguyễn Hoàng không những là người hiền đức mà còn là nơi thân tình của nhà Lê thì khó mà đồng ý với Trịnh Kiểm. Họ Trịnh là người hiểu tâm lý, giỏi thuyết phục, nhưng vua Lê cũng không phải là người vô trí nên nhà vua bình tâm nghe Trịnh Kiểm phân bày:

-Phía Bắc hiện thời họ Mạc ngày đêm chiêu tập binh mã, lăm le lấy đất Lê vương. Phía Nam Chiêm thành rục rịch lấn sang biên cương lãnh địa. Bắc không phòng, Nam không thủ, thử hỏi bệ hạ ngồi đây thù tạc với kẻ tâm huyết được bao lâu? Ngai vàng là của bệ hạ, xã tắc là của hoàng triều, nếu bệ hạ không nghe những gì tấu trình thì ngày mai chớ xin hờn trách.

Nghe xong, Lê Trang Tông vội vã đứng dậy rồi cười cười nói vớt Trịnh Kiểm:

-Khoan khoan! đừng nóng quá, trẫm không nghĩ như vậy. Bấy lâu nay khôi phục giang sơn họ Lê này cũng nhờ vào một tay khanh lèo lái, chuyện phòng thủ phải lưu tâm đúng mức là điều kể xưa nay. Thôi để ta bảo Phùng Khắc Khoan soạn chiếu chỉ đặng kịp ngày Thìn giờ thân tiến chỉ.

\*

\* \*

Nguyễn Hoàng lặn xăn tiếp khách từ bốn phương về Long Vân quán huý kỵ Lạng Quận Công Nguyễn Ưông. Vốn ăn nói hoạt bát, thông văn, thuộc sử lại nghiên cứu kỹ lưỡng về binh thư, đồ trận nên Nguyễn Hoàng rất được nể trọng, từ hàng phẩm trật cung triều cho đến kẻ ngao du sơn thủy ai ai cũng thích cùng tướng quân đàm đạo kiếm cung. Khách đến đây không những với tấm lòng tưởng nhớ Lạng quận công Nguyễn Ưông một thời hưng chấn triều đình, đốt nén hương cầu siêu cho người oan trái, mà cũng là dịp mà khách tứ phương đối ẩm với

Nguyễn Hoàng bàn luận kim cổ, đông tây. Chính vì vậy mà hừng đông chưa tỏ đã có kẻ lữ hành lò dò thăm hỏi Long Vân tọa lạc nơi nào.

Long Vân quán không nguy nga đồ sộ như Ngọc Ninh Phủ, cũng không hẳn tôn nghiêm như cổ tự Linh Sơn mà ngược lại, nó khiêm tốn ẩn mình dưới hàng tre dày đặc về phía nam cung thành Lê triều vài ba mươi dặm. Long Vân quán dựa lưng vào ngọn đồi thoai thoải nhìn ra giòng nước chảy về đông của con sông không tên không tuổi. Từ xa nhìn hướng tây nam, ngọn đồi nhấp nhô trên giòng sông khiến người khéo tưởng tượng thấy con rồng uốn khúc trên mây nên chẳng mấy chốc, chiếc am nhỏ của Nguyễn Hoàng thờ tự bào huynh lại mang tên Long Vân quán.

Tục truyền, ông Nguyễn Hoàng Dụ sinh thời thích uống rượu, ngâm thơ. Vào một đêm trăng sáng, ông vào trong một cái quán ven đường với bầu rượu trên vai. Chủ quán là một ông lão châm thêm rượu cho khách đến nỗi Nguyễn Hoàng Dụ say tuý lúy rồi ngủ trên chiếc chõng tre có đến mấy ngày đêm. Tỉnh ra ông thấy mình tọa vị trên phiến đá bằng phẳng, có tàng cây bao phủ như nóc nhà với cảnh trí thiên nhiên vô cùng đẹp đẽ. Từ đó ông quyết định lập nên một thư quán để kẻ mặc khách tao nhân xa gần quy tụ lại chuyện trò thế sự, uống rượu ngâm thơ. Long Vân quán ra đời thật là tự nhiên như hàng tre xanh tốt tự nguyện chở che và Nguyễn Hoàng dùng nơi ấy như một chỗ an vị hương khói bào huynh.

Sau khi Trịnh Kiểm sát hại Lạng quận công xong, thi hài của Nguyễn Ưông được mai táng ở núi Ngũ Châu và thờ tự tại quán Long Vân vì Lạng quận công Nguyễn Ưông chính là đích tôn của Nguyễn Hoàng Dụ.

Nguyễn Hoàng nhìn mặt trời đang xế về tây, lòng bồn chồn muốn tiễn biệt khách khứa đặng kịp đến Ngọc Ninh phủ theo lời hẹn của bào tỷ đặng dò la quyết định của Trịnh Kiểm hư thực thế nào. Ngặt nỗi, cả năm mới kỵ một lần, tứ xứ anh hùng hào kiệt sum vầy luận đàm thế thái nhân tình cùng những chuyện thiên địa phong vũ cả hồi lâu mới từ tạ ra về.

Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng vừa giáp mặt chị đã thấy Ngọc Bảo tươi tỉnh kể công:

-Hoàng thượng đã hạ chỉ nội trong vòng ba ngày em phải vào trấn thủ Thuận Hoá. Rồi hạ giọng vừa đủ cho hai người nghe câu tâm sự như một thành tích lớn lao: -Chị phải thúc lang huynh em cả mấy lần mới được đó.

-Dạ vâng, xin cảm ơn chị. Chuyện gì nan giải đến tay chị cũng thành dễ dàng. Nguyễn Hoàng cười nụ như đáp lại tấm lòng của chị mà cũng là sự đắc ý khi thấy kế hoạch tẩu thoát của mình được chấp nhận để ra khỏi lãnh địa triều ca, nơi mà Nguyễn Hoàng hằng ngày bị dòm ngó theo dõi kỹ càng.



Ngoài trời chỉ còn bóng mờ của cái chạng vạng giao hòa giữa âm dương sáng tối. Nói chuyện một hồi về ngày giỗ Lạng Quận Công năm nay đông đủ thế nào, Ngọc Bảo cúi đầu như một phút mặc niệm đến người anh tài hoa bị bức hại đặng an lòng nơi chín suối. Nguyễn Hoàng vội vã cảm ơn rồi từ giả bà chị thân yêu với mớ suy tư lộn xộn trong đầu. Viễn ảnh lơ mờ trước mặt mà chính Hoàng sẽ phải đối diện không dễ dàng như bước lên bậc đá cheo leo. Nó sẽ khó ngàn vạn lần hơn vì thử thách của gan dạ cùng ý chí đối diện với thực tế hoang sơ man rợ.

-“Hoặc tối, hoặc sáng, đừng tạo cảnh lơ mờ để bóng đêm tràn lan nhận chìm tất cả vào khoảng không vô tận”. Hoàng vừa đi vừa nghĩ mông lung mà bước chân vô tình đã dẫn đến Tây cung hồi nào không biết. Tây cung là nơi thờ tự những vị tiên hiền, anh hùng liệt nữ cũng như những bậc khai quốc công thần, bên cạnh phía hữu là tự đường nơi thiết trí cung nghinh những long vị, bài vị, linh vị của Nguyễn tự đường. Nguyễn Hoàng đứng đó, trước bức hoành phi khảm xa cừ có 4 chữ “Trung Nghĩa Liêm Tiết” với sự thề nguyện phải làm tỏ mặt các đấng tiên liệt, và quyết chí mở rộng bờ cõi thẳng tiến nam phương. Nguyễn Hoàng chấp tay đánh lễ rồi vội vàng lách mình ra dãy hành lang phía tây để hướng về nam phương trực chỉ.

\*

\* \*

Rằm tháng Ba khí trời lạnh lạnh, những bông lê trắng xóa nở rộ chốn hoàng cung thì Ngọc Ninh Phủ cũng bắt đầu việc tế tự Thanh Minh và đại lễ kỵ giỗ Trịnh đường tiên hiền phái. Đây cũng là nơi đặt linh vị của các bậc khai quốc công thần triều Lê đương đại. Gia nhân đang lăng xăng quét dọn trong ngoài, giấy cỏ ngoài sân, tia gọn những cành quất đang trĩu trái trên các chậu sành đời Tống, kê ghé, lau bàn, chưng bình đơm quả. Người quản gia cẩn thận lấy tay quét vào đỉnh đồng để chứng tỏ sự sạch sẽ đến độ tuyệt đối trước khi cung nghinh chư vị thượng khách cùng quân thần Lê triều.

Trịnh Kiểm vận thanh bào có thêu những chữ Thọ tròn trĩnh từ cổ xuống chân, chiếc đai nịt màu hồng nhung có điểm vài hạt dạ châu, đôi hài tía cong vút mới thêu hình con bạch hổ trông thật oai nghiêm. Ông chấp tay sau lưng qua lại vài lần trước đại sảnh đường để kiểm tra những gì thiếu sót. Vừa bước tới trước sạp gụ xa cừ nơi làm bình phong trước bàn hương án, họ Trịnh chợt nhớ lại điềm chiêm bao của Ngọc Bảo đã nói tuần qua, nên ông tiến thêm vài bước nữa vào trong điện thờ các vị khai quốc công thần. Nhìn qua rồi nhìn lại, dường như không thấy một cái gì, Trịnh Kiểm trầm ngâm rồi tự vấn một mình :

-Ừa, cái long vị thờ Hữu Vệ Điện Tiên Tướng Quân An Thành Hầu đặt đâu rồi nhỉ ?

-Ừa, sao lạ vậy à ? Trịnh Kiểm rướn mình nhìn sâu bên trong, cả cái lư hương cũng biến đi mất !. Như một linh tính thoáng trong đầu óc hoài nghi, Trịnh Kiểm vội vã quay ngược lại rồi nghĩ sao lại tiến thẳng vào nội cung khi vua Trang Tông chuẩn bị yết triều.

Nghe bước chân có vẻ khẩn cấp, vua Lê vừa nhìn ra thì đã nghe cao giọng của họ Trịnh :

-Khải bảm hoàng thượng, hạ thần vừa suy nghĩ lại, rằng không nên tiến chỉ Nguyễn Hoàng trấn thủ phương nam. Xin bệ hạ thu hồi chiếu chỉ, bắt Nguyễn Hoàng trở lại triều ca gấp gấp. Trịnh Kiểm đang nghi ngờ những hành động ám muội của Nguyễn Hoàng nên mới hồ đồ, bộp chác như vậy, chứ bình nhật thì họ Trịnh một mặt ra chiều cung cúc nhà vua rất phải phép. Nghe xong thì Lê Trang Tông hơi nhíu mày, khó hiểu bèn nêu thắc mắc :

-Tướng công mới vừa đề nghị rồi nay cũng tướng công khẩn khoản triệu hồi. Việc trấn giữ phương nam cũng vô cùng quan trọng, nếu không đưa Nguyễn Hoàng cai quản thì ai xứng đáng để trông nom thay thế ?

Bị hỏi đột ngột, Trịnh Kiểm chưa chuẩn bị nhân sự trong đầu thì từ ngõ môn, võ quan Hoàng Đình Ái xăm xăm bước tới, Trịnh Kiểm như mở cờ trong bụng liền ứng đáp lập tức:

-Phía nam có tả tướng quân Hoàng Đình Ái thì hợp cách vô cùng !

Vua Trang Tông dường như cũng hiểu ra một điều bất tường nào đó cho Đoan quận công Nguyễn Hoàng mà cái chết tức tử của Lạng quận công Nguyễn Ưông cũng chưa phôi pha. Đang tìm cách cứu nguy Nguyễn Hoàng thì Hoàng Đình Ái không kịp chờ đến buổi yết triều mà quý trước long đường tấu trình :

-Khải tấu hoàng thượng! hạ thần vừa được cấp báo, phía bắc Mạc Đăng Doanh vận chuyển binh mã đang tấn công vào vùng đất giáp giới kinh thành. Xin bệ hạ thiết triều thảo luận phương pháp đối địch ngay tức khắc.

Thật ra từ ngày Lê Duy Ninh lên ngôi hiệu là Lê Trang Tông thì đêm đêm quân nhà Mạc phía bắc tìm mọi cách tiêu diệt nhà Lê. Dù đến đời Mạc Đăng Doanh thay cha trị quốc nhưng nhân tâm và hàng sĩ phu vẫn hướng vọng về tôn thất nhà Lê. Vì vậy mà họ Mạc đã bao phen đánh úp đều bị nhân dân tình báo khai trình nên nhà Lê đã kịp thời cảnh giác, canh phòng. Vừa nghe Hoàng Đình Ái tấu trình như thế, và vị vương đang lo đến an nguy của Nguyễn Hoàng nên dùng kế hoảng binh mà Vua liền phán :

-Lô rò phải đắp gấp đê giữ ruộng nước nuôi lúa. Chuyện phương nam tạm thời để cho Nguyễn Hoàng lo liệu, sau khi ổn định xong thì triệu hồi cũng chưa muộn. Theo ta thì phương bắc cần kíp hơn, sẵn đây ta hạ lệnh cho võ tướng

Hoàng Đình Ái chuẩn bị binh lương nội nhật hôm nay tấn binh trừ khử bọn giặc Mạc. Xoay qua Trịnh Kiểm đang phân vân suy nghĩ, nhà vua vắn hỏi :

-Tướng quân, ý ta như vậy có hợp với binh thư đại pháp hay không, tướng công có thiện ý nào nữa chẳng ? Trịnh Kiểm cũng hơi ngần ngại nhưng vì chưa tìm ra lý lẽ minh bạch nên cũng du di :

-Tâu bệ hạ, tạm thời như vậy cũng được nhưng đồng thời tìm nhân tuyển thay thế để triệu hồi Nguyễn Hoàng về cung càng sớm càng tốt.

Nhà vua mỉm cười lấp lửng : -Hay lắm, thôi để cho Hoàng Đình Ái dẹp xong bọn giặc họ Mạc rồi công cử vào nam thay thế cũng chẳng muộn màng...

Cực chẳng đã, Trịnh Kiểm gục đầu hài lòng mà tâm tư vẫn còn ám ức. Giờ này thì Trịnh Kiểm mới tự trách sự sai lầm của mình để cho hổ về rừng mọc cánh. Buổi thiết triều hôm đó không có sự hiện diện của Trịnh Kiểm nên không khí khá hòa nhã, thân thiện...

## CHƯƠNG II

Thoát khỏi sự kiểm chế của Trịnh Kiểm, Nguyễn Hoàng dẫn gia nhân tùy tùng và một ít binh lính già nua yếu đuối vào trấn nhậm đất Thuận Hóa. Nghe danh Nguyễn Hoàng là người nhân đức, hiền lương và khiêm tốn, nhân dân cũng gồng gánh xuôi nam nên buổi ban sơ khai khẩn đất đai chừng hơn trăm người ôm nhau sinh sống nơi sơn lâm chướng khí.

Vốn thông minh, cần cù Doan Quận Công Nguyễn Hoàng xem dân như anh em ruột thịt, đối đãi nhau dùng lễ làm đầu nên buổi bình minh của vùng Thuận Hoá lần lần được khai khẩn cho hoa màu và cây trái xanh tươi. Dù thân làm tướng nhưng Nguyễn Hoàng vẫn còn ôm hận vì họ Trịnh giết anh thì ít mà mưu đồ soán đoạt ngôi vua và lấn áp triều đình thì vô cùng to lớn. Biết rằng đại nghịch bất đạo cần phải trừ nhưng binh lực họ Trịnh quá mạnh và triều ca lúc này thường phò thịnh chứ chẳng ai buồn ngó đến phò suy. Khi tiến về nam

phương lập nghiệp, Nguyễn Hoàng đã vào từ đường thỉnh bát nhang và bài vị phụ thân theo cùng; như y lời của Trình quốc công Nguyễn Bình Khiêm thì sự nghiệp ra đi hết mong ngày trở lại nơi chôn nhau cắt rốn.

Đất Thuận Hóa <sup>(1)</sup> hoang sơ như thời tiền sử, không người canh tác, khai khẩn nên sơn lam chướng khí bao quanh càng khiến lòng người mới định cư hoang mang, xao xuyến. Nhưng sự quyết chí của Nguyễn Hoàng, cộng thêm tình người yêu thương gắn bó buổi ban sơ đã xây dựng nên những xóm làng yêu thương, trù phú. Dãy trường sơn trùng trùng điệp điệp như cái xương sống trên vùng đất phía tây đã nẻ ra một dãy Hoành sơn ăn ra tận biển đông chưa có dấu chân người lai vãng. Thú dữ hùm, beo, cọp, sói đã là những chướng ngại nguy nản khiến không biết bao nhiêu sinh linh mất mạng. Đoàn người đi suốt ngày đêm, cái hừng khí ban đầu tiêu tan thay cho sự chán nản, muốn quay lại kinh thành đô hội, Nguyễn Hoàng an ủi vỗ về và quyết định hạ trại bên giòng sông Hương nơi đất Phú Xuân với bình nguyên bát ngát.

---

*Năm Ất Dậu (1558) thiên mệnh như dành sẵn xứ Thuận Hóa cho Tiên Chúa Nguyễn Hoàng, thuộc giòng họ Nguyễn làng Gia Miêu, huyện Tống Sơn, Thanh Hóa. Thúc dục Tiên Chúa dùng Thuận Hóa làm bàn đạp, tiếp bước cha ông, dẫn người Việt đi tiếp đoạn đường trường chinh về phương nam mở rộng cõi bờ.*

Tám lòng rộng mở đón chào những hùng anh kiệt liệt tứ phương của một người đầy đức độ như Nguyễn Hoàng thì chẳng mấy chốc đất Thuận hoá tràn ngập nhân sĩ; lại nữa đất mới đai người cần cù nên sau một vụ mùa mà lúa thóc kê đậu dư dả đến nỗi kho độn chất đầy. Dù làm tới tước Quận công nhưng Nguyễn Hoàng ăn bận giản dị, năng nổ cùng người dân cày sâu cuốc bẫm nên danh lừng bốn bể khiến sĩ phu Bắc Hà bất mãn với họ Mạc và chán ghét họ Trịnh chuyên quyền vội tìm vào nam theo Nguyễn Hoàng càng ngày càng đông đúc.

Nhân dân được vỗ về an ủi trong cảnh thái bình với đất rộng, người thưa; thêm vào đó thì sự khai thác về nông nghiệp, lâm nghiệp và hải sản quá ư ưu đãi bởi thiên nhiên nên chẳng mấy chốc mà Thuận Hóa thành khu trù mật khiến Trịnh Kiểm lo ngại khôn nguôi. Lê triều đã có đôi phen triệu hồi mà Nguyễn Hoàng xem chừng như không cần đá động trong khi đất phương Nam cứ thế tiến sâu đầy hoa màu mà bờ cõi cũng một phen mở rộng.

Về phương bắc thì lòng người chán nản sự thoán đạt ngôi vị của nhà Mạc, phần vì sĩ phu, danh tướng của Lê triều căm cảnh nhân tình bị nhà Trịnh bắt nạt chèn ép, kinh tế suy vi, chiến tranh dai dẳng nên càng ngày càng có nhiều nhân tài tìm cách vào Thuận Hóa theo Nguyễn Hoàng lập nghiệp, góp ý xây dựng giang sơn. Những tay anh chị hoàn lương cũng vào nam lập nghiệp mà chẳng mấy chốc đất Thuận Hóa nổi tiếng là trù phú sung túc, hấp dẫn bao thế hệ làm cuộc nam tiến để đổi đời.

Trịnh Kiểm ngồi ở phủ chúa mà lửa đốt tâm can, phần vì chống đỡ giặc phương bắc do Mạc Đăng Doanh đánh úp, quan quân bắt phục rã rời, lòng người than oán tột độ mà vua Lê Trang Tông cũng không mấy can trường, quá nhu nhược nên dân chúng bất mãn dấy dấy. Tin tức về Nguyễn Hoàng chiêu dụ nhân tài, tích lương luyện mã nên Trịnh Kiểm hồi thúc vua Lê triệu Nguyễn Hoàng hồi cung thay thế, nhưng tin đi mà chẳng hồi âm, Nguyễn Hoàng cứ phớt lờ lo củng cố binh lực chống trả.

Sông Linh Giang <sup>(1)</sup> cứ lặng lẽ trôi nhưng giang sơn nước Việt không dễ thông thương giữa đôi bờ ranh giới. Họ Nguyễn đã

---

*(1) Còn gọi là sông Gianh thuộc địa phận đèo ngang tỉnh Quảng Bình*

ra mặt chống đối họ Trịnh, Trịnh Kiểm xưng chúa thì họ Nguyễn cũng được nhân dân tôn lên làm chúa. Chúa Trịnh đằng ngoài và chúa Nguyễn đằng trong. Một nước có một vì vua: Lê triều; đôi bên cũng dương cờ nhân danh phò Lê diệt kẻ tham tàn.

Năm 1527 Mạc Đăng Dung giết vua Lê Chiêu Tông để tự lên làm vua truyền được năm đời (Mạc Đăng Doanh, Mạc Phúc Hải, Mạc Phúc Nguyên, Mạc Mậu Hợp, Mạc Toàn) thì sự trung hưng của nhà Lê khởi sắc. Nhà Mạc tuy cũng xưng vua nhưng phải bỏ kinh thành Thăng Long mà chạy về Hải Dương rồi tiến lên Lạng Sơn, Cao Bằng nương náu. Đất nước một phen tan hoang, dân chúng ở vùng nào thì bị những kẻ thao túng quyền hành tự tung hành xử như những con cò trong tay kẻ mạnh. Chiến tranh như lò sát sanh, con cò ấy được quăng ra chiến trường để sống chết vì một giò họ mà đất nước tức tưởi cu mang.

\*

\* \*

Ai cũng trải qua con đường sanh tử, Trịnh Kiểm có gian hùng hay lương thiện thì cũng chỉ hết một kiếp nhân sanh, năm 1570 thì Trịnh Kiểm qua đời và con trai tên là Trịnh Cối lên thay. Cối là người chất phát, ít mưu lược, không có lập trường nên ai nói gì tin nấy, thích ngâm thơ đọc văn mà chán ghét việc luyện cung tập kiếm nên chẳng bao lâu quyền hành binh lực dần dần về tay Trịnh Tùng, một con người đầy mưu mô xảo quyệt, lập bè lập đảng, lấn áp triều ca, hại kẻ trung thần tiến cử người xu nịnh nên ai ai cũng oán ghét. Lúc bấy giờ vua Lê Anh Tông đang trị vì thấy kẻ nịnh thần hòa theo Trịnh Tùng, ức hiếp hoàng cung nên lo ngại vô cùng, vương bèn tìm cách hợp bàn tính kế với các trung thần còn ít ỏi trong triều, nào dè Trịnh Tùng biết được bèn áp dụng kế sách “tiên hạ thủ vi cường”, ngang nhiên vào cung giết chết Anh Tông rồi lập hoàng tử Duy Đàm lên ngôi vua lấy hiệu là Lê Thế Tôn.



đêm êm đêm trôi chảy. Sáng hôm đó nhân ngày rằm tháng Ba, Nguyễn Hoàng lập tức dâng đàn bá tước, xưng là chúa phương nam, trân trọng Thuận Hóa, dương cờ chính nghĩa “diệt Trịnh phù Lê”. Con cháu Lạc Long Quân và Âu Cơ giữa hai bờ sông Linh Giang tự dung trở thành đối nghịch bởi từ đây đôi ngả phân ly, kẻ Bắc thuộc cơ ngơi Chúa Trịnh cũng treo cờ đóng trống phù Lê, người Nam thuộc biên cương chúa Nguyễn tự nhận mình có trách nhiệm diệt Trịnh phù Lê, tưởng rằng ngày một ngày hai non sông sẽ thu về một mối, nào ngờ đâu thù hận sâu dày, sông Linh Giang làm mốc ngăn tường để hai họ Trịnh Nguyễn phân tranh, lôi cuốn cả dân tộc vào vòng tranh chấp, muôn dân đồ thán, kinh tế eo xèo, tình người nghi kỵ và nền văn hóa bẻ thành những mảnh vụn của cục bộ, ly khai.

Trong tình thế đối đầu sống chết, cả hai họ đều tìm cách củng cố quyền hành, khai khẩn đất hoang, chiêu hiền đãi sĩ, chuẩn bị binh lực, cầu cạnh thông thương cùng láng bang kẻ cả việc chiếm đất những quốc gia phương nam như sách lược bành trướng lãnh thổ. Phía bắc, sau khi diệt được họ Mạc, chúa Trịnh tìm cách liên lạc với nhà Minh bên Tàu để làm chỗ dựa vững chắc cho công cuộc chống Nguyễn phía đàng trong. Nguyễn Hoàng cho đắp lũy Trường Dục tại Phong Lộc trên dòng sông Nhật Lệ, Đòng Hới còn được gọi là lũy Thầy để chặn đứng cuộc tiến quân từ bắc phương, song song với sự chuẩn bị quốc phòng đầy nghiêm mật, các chúa Nguyễn kế tiếp lấy nước Chiêm Thành và Chân Lạp để mở rộng bờ cõi về phương nam. Suốt cuộc phân kỳ có đến bảy lần giao chiến giữa nam và bắc, vẫn không chiến thắng và chiến bại giành cho chúa nào ở đàng ngoài lẫn đàng trong nhưng chắc chắn một điều đốn đau cho cả dân tộc với cuộc nội chiến đầy phi lý chỉ vì cái bản ngã quá to đầy tham vọng, vị kỷ và thù hận.

Dòng sông Linh Giang cứ thế lặng lẽ trôi trên hai trăm năm, người dân Việt hai miền nam, bắc tưởng chừng như hai quốc gia biệt lập đối đầu. Những sĩ phu ưu thời mẫn thế chỉ biết đốt hương khấn nguyện đất trời cho một vị minh vương xuất hiện, niềm tin về vua Lê không còn giá trị mà đối với chúa Trịnh, chúa Nguyễn cũng chỉ là những kẻ thời cơ, hồn dân tộc như âm dương cách trở; nghĩa đồng bào như sớm nắng, chiều mưa. Triều Lê hưng suy bởi sự thịnh suy của đất nước, chiêu bài phò Lê lạc lõng như nước ốc lạnh tanh... May thay, dù vật đổi sao dời trên hai thế kỷ mà ngôn ngữ trần gian của dân tộc Lạc Hồng vẫn còn nguyên vẹn, du dương huyền nhiệm như thuở khai thiên, và rồi lời khấn nguyện linh thiêng cũng có lần ứng hiện, ban mai đây khi ánh dương tung bùng khắp chốn thì biết đâu xuất hiện những bậc kiệt kiệt hùng anh vì đại nghĩa dân tộc mà xông pha trận mạc quyết một lòng thống nhất giang sơn hầu nam bắc quy về một mối.

### CHƯƠNG III

Hồi đầu thế kỷ thứ mười lăm (1400) Hồ Quý Ly cướp ngôi vua của Trần Thiếu Đế lập ra nhà Hồ đặt quốc hiệu là Đại Ngu.

Cuộc cách mạng canh tân đất nước với nhiều sáng kiến trong việc trị quốc, mở mang văn hóa nghệ thuật và khai hóa dân trí đang bắt đầu khởi sắc thì nước Tàu ở phương bắc do nhà Minh thống trị đem quân xâm lăng Đại Ngu.

Lên ngôi vồn vẹn một năm thì Hồ Quý Ly nhường lại cho con là Hồ Hán Thương cai quản để tự làm Thái Thượng Hoàng, mặc dù vậy nhưng nhà Hồ cũng đã kịp trở tài mưu lược, dùng binh pháp trong quân sự, đặt các phép toán cho các khoa thi, làm ra giấy bạc đầu tiên trên thế giới, sửa sang những hình luật để trị dân thật hợp lý, cách mạng canh tân đất nước với nhiều sáng kiến nâng cao dân trí và khai hóa dân tình. Nước nhà đang trên đà khởi sắc thì nhà Minh bên Tàu đem quân xâm lấn. Tiếc thay, đại nghiệp cai quản sơn hà của họ Hồ chỉ được bảy năm thiếu thời gian cho những công trình tu tạo cơ đồ thì bá quyền bắc phương đầy dã tâm giờ trò cướp đất phương nam.

Người tài ba và đảm lược như Hồ Quý Ly mà hết lòng phò trì nhà Lê thì sợ gì nước không mạnh, quốc gia không phú cường mà tiếng tốt lưu danh ngàn thu, nhưng làm vua mà hôn quân vô đạo thì kẻ trượng phu phải có trách nhiệm truất phế để mưu tìm nền thịnh trị cho nước nhà, âu đó cũng là lẽ đương nhiên trong lịch sử xưa nay mà thôi.

Con cháu của Hồ Quý Ly mấy đời sống tại đất Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An vẫn thừa hưởng những tinh anh của tiên tổ nên lắm kẻ thành danh đỗ phận.



Hậu bán thế kỷ thứ mười sáu, Chúa Nguyễn chủ trương đưa dân chúng vào phương nam ở vùng đất mới chiếm được của Chiêm Thành để khẩn hoang, lập nghiệp. Trong nhiều tộc họ ra đi đợt đầu tiên có con cháu Hồ Quý Ly cũng theo đoàn người di cư vào đất phương nam.

Phía trong dãy Hoành sơn thật hoang vu và hiểm trở, hành trình đặng đặng nhiều khê, với phương tiện thô sơ bằng đôi chân trần và cặp bò, cây cuốc, cuối cùng nhiều gia đình ở vùng Nghệ An khô cằn đã tìm được đất lành, trù phú để định cư, lấy nông nghiệp làm kế sinh nhai trên mảnh đất màu mỡ nơi làng Tây Sơn, huyện Phù Ly, tỉnh Bình Định.

Phong cảnh hữu tình, cây cao bóng mát, muôn chim ca hát như mừng đón những bước chân khai mở núi rừng, người cháu ba đời của Hồ Quý Ly là Hồ Phi Phúc quyết định dừng chân nơi sơn thủy hữu tình này để khai sơn phá thạch.

Định cư an ổn xong thì Hồ Phi Phúc kết hôn cùng Nguyễn Thị Dông sinh hạ được ba người con trai khôi ngô tuấn tú liền đặt tên con trưởng là Nhạc, con thứ là Thơm và con út là Lữ.

Đất Tây Sơn vốn là vùng núi thoải thoải như gò nấp ăn thông với dãy Trường Sơn trùng trùng điệp điệp, cách biển ước chừng sáu mươi lăm cây số đường chim bay. Gia trang của Hồ Phi Phúc nằm sâu trong vùng dừa quanh năm rợp bóng, dù không nghe tiếng sóng vỗ rì rào nhưng đối diện hàng ngày với rừng thiêng thú dữ, Hồ Phi Phúc đã sớm thúc người con trưởng lên đường tầm sư học đạo ngõ hầu về làng giúp đỡ dân lành sinh sống an ninh. Riêng Thơm và Lữ được cha truyền thụ võ công gia truyền của giòng họ Hồ gồm đủ kiếm pháp, thương đao, chưởng thủ, quyền cước.

Ngọn núi Thiên sơn phía tây nam có một đạo sĩ đa mưu túc trí, võ nghệ tinh tường, một mình hạ cộp mà lòng chẳng nôn nao. Nhạc đã thọ giáo với vị đạo sĩ này khi lên mười tuổi. Trong thời gian năm năm miệt mài tập luyện, những tuyệt kỹ võ công của tôn sư đã truyền thụ cho đứa đệ tử thông minh không sót một pho nên quyền cước trò Nhạc linh hoạt lạ thường.

Sáng mai hôm ấy, một buổi sáng tinh khôi của tiết trời xuân phong nhưng gió lạnh và sương mù phủ quanh tịnh cốc của thầy trò ẩn sĩ. Người đệ tử tinh tấn vẫn dậy sớm pha trà và tập luyện dưới mé suối để gân cốt mạnh hơn và đường quyền chính xác. Sau vài tuần trà thì đạo sĩ chống gậy bước đến bên người đệ tử âm thầm theo dõi rồi buộc miệng khen ngợi :

- Được lắm, được lắm, đường mãn xà phục trận <sup>(1)</sup> đã khá nhuần nhuyễn nhưng đôi mắt của con vẫn còn tán loạn, tâm ý chưa nhất thống, để cho đối phương phá chiêu sát thủ; con gắng sức hít thở điều hòa, luyện

(1) *Thế võ uốn cong như con rắn để đánh vào hạ bộ đối phương*

chân khí cho thông thì mới kết tụ nội công ngoại tướng đặng biến thành tuyệt chiêu. Ngày hôm nay sắc mặt của con có điều chẳng lành, con nên trở về nhà xem thử có chuyện gì xảy ra hay không. Sau đó trở lại đây luyện thêm vài thế quyền nữa là hoàn tất bộ thần công quyền pháp.

- Dạ! đa tạ sư phụ. Chẳng hay điềm chẳng lành cho đệ tử đó kiết hung thế nào, xin sư phụ nói rõ cho con thông hiểu không ạ! tiếng Nhạc lo âu đầy khẩn khoản.

- À, ta không biết, chỉ thấy sắc diện của con đổi khác nên nói thế thôi, hãy chuẩn bị lên đường cho kịp.

Đệ tử sống với thầy như cha con suốt năm sáu năm, Nhạc biết tính ý sư phụ thế nào rồi, ít nói nhưng đã phán ra thì chuyện gì cũng đúng như thần giáng hạ.

Không còn kịp thời gian suy tư mông lung, Nhạc từ tạ ân sư, ven theo mé núi bước trở lại làng Tây Sơn mà lòng xao xuyến bồi hồi như lửa đốt. Xuyên qua bao dãy núi trùng điệp, mặt trời gần ngã xuống cây sào thì cũng là lúc vừa đặt chân đến đầu ngõ, từ trong nhà Lữ hốt hải chạy ra:

- Thưa anh, may quá anh về vừa tới, cha đang trong cơn hấp hối muốn gặp anh để dặn dò điều gì, anh chạy gấp vào trong đi.

Như một tin sét đánh, Nhạc bần thần mấy giây rồi nhanh nhẩu bước vô. Cái chạng vạng mờ ảo của khoảnh khắc giao thoa giữa hoàng hôn và đêm tối như chuẩn bị ập xuống màu tang thương trùm khắp đó đây. Trong căn nhà cũ, ánh đèn mù u vàng nhạt chiếu chiếc bóng chú Thơm đứng bất động nhìn cha. Hồ Phi Phúc thều thào những lời yếu ớt như đu cho Nhạc nghe được thình âm dặn dò nhân nghĩa với xác thân bất động trên giường.

Nửa đêm hôm đó, Hồ Phi Phúc trút hơi thở cuối cùng dưới mái nhà tự xây ở làng Tây Sơn trong bàn tay thân yêu của ba người con trai. Nhạc cùng hai em chẻ tre bó chiếu thi hài của cha rồi cùng nhau khiêng lên ngọn Thiên Sơn an táng.

Vượt qua hai triền đồi, băng ngang dòng suối chảy xiết, lách qua những hàng tre dày đặc, ba anh em khiêng cha lên tới rừng cây bằng lăng thì trời sắp sáng. Đặt thi hài của cha lên một hòn đá phẳng lì để nghỉ ngơi chốc lát trước khi leo dốc, ba anh em chưa kịp xả hơi và quay lại để tiếp tục lên đường thì ô kìa, hàng triệu con mối đã lẹ làng đùn đất phủ kín thi thể của cha. Dưới ánh trăng mờ đục của nửa đêm hừng sáng, Nhạc thấy chuyện lạ ít có liên bàn với hai em rằng:

- Đây có lẽ là điềm đại kiết. Thôi chúng ta cứ thuận theo ý trời mà để Người nằm lại nơi đây. Bên phía Tây có ngọn Thiên Sơn sừng sững, hai bên có suối róc rách quanh năm, nhất định chốn này phải là nơi có địa linh long mạch. Chúng ta hãy lấy thêm đất đắp cao ngôi mộ cho cha.

Quả thật vậy, trong chốc lát mà những con mối đã đắp xong ngôi mộ như ngọn tháp của Lý Thiên Vương. Ba anh em đắp thêm phía dưới một cái nền to và cao vòng quanh ngôi mộ vừa xong thì trời sáng tỏ. Ba anh em quỳ lạy khẩn vái một hồi, tự hái những bông hoa rừng tung lên trời như tiễn biệt ngàn thu, tự hứa với cha làm điều nhân nghĩa.

Sắp xếp việc nhà xong, Nhạc lại lên đường thẳng tiến ngọn Thiên Sơn theo thầy học tập. Đi cả một ngày đường, mé suối quen thuộc với giòng nước trong veo tung toé y nguyên nhưng lều cỏ đã san bằng và dấu tích sự phụ biệt vô âm tín. Nhạc cúi nhìn lại hàng cây sừng sững che mát quanh năm vốn là nơi tập luyện võ công sau bao năm tháng. Chàng men theo dòng nước tiến bước về hướng thượng nguồn với hy vọng gặp được dấu chân của ân sư nhưng màn đêm đã cản bước trước tấm lòng tri ân của người thiếu niên trung nghĩa ấy.

Trở về mái nhà xưa cùng hai em ngày đêm luyện võ, có sở học chính thống truyền thụ từ thầy tổ nghiêm minh, Nhạc dốc lòng huấn luyện Thơm, Lữ tinh thông thủ, cước. Năm mười sáu tuổi, Nhạc thấy cảnh bắt công của quan quân chúa Nguyễn càng ngày càng lộng hành trong xóm làng đến tỉnh thành, Nhạc bèn cải đổi từ họ Hồ ra Nguyễn tức họ mẹ để dễ thu phục nhân tâm, vả lại chúa Nguyễn không dòm ngó để chờ ngày “dậy binh khởi nghĩa”. Riêng Hồ Thơm cũng tự đổi họ tên ra thành Nguyễn Huệ để bày tỏ trí thông minh và lòng vượt thặng của mình ở bất cứ nơi đâu.

Chẳng mấy chốc mà danh tiếng của Nguyễn Nhạc đã được mọi người ca ngợi, võ công cái thế, văn học chân truyền nên vị trí huyện của Tuy Viễn đích thân mời Nhạc giữ chức vụ Biện lại ở Vân Đồn. Vốn tính tình phóng khoáng, lại nhiều mưu mẹo kinh luân, Nguyễn Nhạc quy tụ anh em bạn hữu rất đông tổ chức đàn hát rượu chè, đánh bạc thâu đêm để tìm người kết hợp. Bao nhiêu tiền thuế của cả huyện ông tiêu pha hết vào việc này rồi bỏ nhiệm sở, vào rừng chiêu nạp binh sĩ khởi nghiệp.

Năm Tân Mão (1771) ông lập một đồn điền rộng lớn thuộc đất Tây Sơn, địa thế tương đối hiểm trở đường sá khó đi lại để cho binh sĩ tập luyện cung tên, múa đao, khoa kiếm. Bấy giờ quân binh chúa Nguyễn nghe báo cáo việc tụ nghĩa ở đất Tây Sơn nên đem quân triệt hạ. Vì thế Nguyễn Nhạc tuyên chiến hẳn với quân binh nhà Chúa, dù binh lực và lương thảo đầy đủ nhưng quân chúa Nguyễn khó lòng vào trong doanh trại của Tây Sơn, ngược lại càng ngày thì uy danh

Nguyễn Nhạc càng lớn khiến cho quân chúa Nguyễn sợ hãi, e dè rồi bao phen thua chạy để lại biết bao chiến lợi phẩm cho quân Tây Sơn.

Cứ mỗi lần quân chúa Nguyễn lui binh thì Nguyễn Nhạc được nhân dân ủng hộ rất đông, vì vậy quân số theo ông càng ngày càng trở nên phát triển mạnh bạo. Ông cũng thường kéo những toán quân quả cảm xuống thành Quy Nhơn đánh vào các nhà giàu có, quan chức lạm quyền, hà khắc nhân dân để lấy tiền của phân phát lại những người dân nghèo khổ.

Cử chỉ cao thượng này là tiếng đồn tốt cho Nguyễn Nhạc bay rất xa, chính điều đó mà đội quân binh của Nguyễn Nhạc càng ngày càng phải cần có đồn trại lớn hơn, khí giới phải tinh xảo hơn và tổ chức chặt chẽ hơn để chuẩn bị nghiệp lớn!

Triều đình chúa Nguyễn phía nam thì đến thời tàn lụi, kinh tế quá ư kiệt quệ, loạn thần nổi lên như nấm, kỷ cương giềng mối xã tắc bị đảo lộn; tham nhũng và hối lộ lan rộng và quan quân chỉ biết hà hiếp dân chúng trong khi chúa Nguyễn Anh Vương thì vô tài, bất tướng, thế lực suy vi. Trong tình thế như vậy mà quyền thần Trương Phúc Loan ý làm quan mấy đời chúa Nguyễn nên lộng quyền chuyên chính làm nhiều điều tàn ác, bè phái như tìm cách sát hại trung thần, nghe lời sàm tấu nịnh nọt khiến nhân dân đồ thán, còn những ai là trung nghĩa thì tìm cách từ quan trở về ẩn dật. Do đó mà lũ nịnh thần lẩn lút lộng quyền tha hồ hại nước hại dân.

Trước cảnh đen tối của xã tắc, Nguyễn Nhạc triệu tập anh em nghĩa quân bàn định khởi nghĩa để tiêu diệt lũ dòi mọt đục khoét quốc gia, khai trương tổng hành dinh để điều động binh mã, dựng cờ đỏ thuộc hành hỏa tượng trưng cho uy quyền và sức mạnh của nghĩa quân, khai thác mối bất đồng giữa dân chúng và triều đình, ly gián bọn nịnh thần và khơi dậy mối hiềm khích giữa trung thần với quốc phó Trương Phúc Loan.

Đại hào phú Huyện Khê ở Tuy Viễn thấy hành động hào hiệp của Nguyễn Nhạc bèn dốc tất cả tài sản để nuôi nghĩa binh, bên cạnh đó một võ tướng miền sơn cước tên là Nguyễn Thung cũng kéo quân về giúp sức nên thanh thế quân Tây Sơn bành trướng mau lẹ vô cùng. Trận đầu tiên ra quân tiến đánh vùng đồng bằng, chiếm ấp Kiên Thành xưng là Tây Sơn trại chủ, dồn binh lực kiểm soát hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn phong cho Nguyễn Thung làm đệ nhị trại chủ cai quản huyện Tuy Viễn và phong Huyện Khê làm đệ tam trại chủ lo việc quân lương.

Với binh khí thô sơ như dao mác, nhưng nghĩa quân của Tây Sơn được huấn luyện chu đáo, xuất phát từ lòng dân nên rất hăng say trận mạc để tiêu diệt những quan lại tham nhũng, hà khắc; bên cạnh đó thì chủ soái Nguyễn Nhạc là người mưu trí, táo bạo, dám làm việc lớn bất chấp đến sự an nguy của tính mạng

Vài năm sau vào khoảng mùa thu năm Quý Tỵ (1773) thì uy danh của Nguyễn Nhạc đã vang dội, triều đình chúa Nguyễn đã bắt đầu lo lắng, quan quân thành Quy Nhơn tìm mọi cách triệt hạ nhưng chưa biết phương nào; tương kể ấy, Nguyễn Nhạc dùng binh pháp theo kế “ban trư ngật hổ”<sup>(1)</sup> giả làm con heo trong rọ để dụ con cọp đói tới nhằm xuất kỳ bất ý mà hạ cọp tại chỗ. Nguyễn Nhạc mật báo cho các trại phó Nguyễn Thung và Huyền Khê chuẩn bị binh mã mai phục ngoài thành Quy Nhơn chờ đợi nửa đêm có pháo lệnh và lửa cháy thì xông vào cướp thành, còn chính ông thì tự cho quân lính trói hò, bỏ vào củi mang đến dâng nộp cho quan tuần vũ Nguyễn Khắc Tuyên.

Quá mừng rỡ vì cây gai trước mắt đã được trừ khử, Nguyễn Khắc Tuyên lập tức tống giam vào ngục chờ sáng ngày xét xử. Nửa đêm hôm ấy, Nguyễn Nhạc phá củi, xông ra giết chết lính canh, mở cửa thành, đốt lửa làm hiệu cho hai đạo quân của

---

(1) Một thế trận giả bị bắt để dụ địch

Nguyễn Thung và Huyền Khê tiến vào. Quan tuần vũ Nguyễn Khắc Tuyên nửa đêm nghe cấp báo, giật mình bỏ cả ấn tín vợ con chạy thoát thân, quân lính trong thành một phần tử trận, một phần trốn thoát, phần thì đầu hàng quân Tây Sơn nên chẳng mấy chốc mà thành Quy Nhơn trở thành đại bản doanh của Nguyễn Nhạc.

Thừa cơ hội chiến thắng một cách chớp nhoáng bằng mưu kế, Nguyễn Nhạc cử binh tiến đánh đất Quảng Nghĩa và Quảng Nam, nhưng vũ khí nghĩa quân Tây Sơn còn thô sơ không sánh được với đại bát thần công của Chúa Nguyễn Định Vương nã ra dồn dập, buộc lòng Nguyễn Nhạc phải lui binh về cố thủ thành Quy Nhơn.

Qua chiến thắng vang dội tại Bình Định khiến hai tướng Tàu là Tập Đình và Lý Tài cũng chiêu mộ binh mã người Tàu theo giúp Nguyễn Nhạc. Với đạo quân khá đông, Nguyễn Nhạc chia nghĩa quân ra làm năm đạo là trung, tiền, tả, hữu, hậu quân để chuẩn bị tiến đánh những yếu điểm của Chúa Nguyễn phía bắc thành Quy Nhơn.

Nhận thấy Quốc phó Trương Phúc Loan vẫn không lo chống đỡ, ung dung làm nhiều điều tàn ác trong triều chúa Nguyễn, phía nam lại có quân của Tây Sơn đứng lên khởi nghĩa nên chúa Trịnh Sâm nhân cơ hội này sai đại tướng là Hoàng Ngũ Phúc đem ba vạn quân cùng với Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thử, Hoàng Đình Bảo đi đường thủy và đường bộ vào đất Bồ Chánh đánh chúa Nguyễn.

Khai thác lòng dân đang than oán và bất mãn, Hoàng Ngũ Phúc tiến quân đến Quảng Trị cho loan truyền rằng, quân đội của chúa Trịnh vào nam chỉ để tiêu diệt Quốc Phó Trương Phúc Loan mà thôi. Nghe như thế các quan nhà chúa Nguyễn mưu kế bắt Trương Phúc Loan giao nộp cho Hoàng Ngũ Phúc.

Dù bắt được họ Trương, Hoàng Ngũ Phúc vẫn tiến quân vào Nam với lý do tiêu diệt phiến loạn Tây Sơn. Chúa Nguyễn Định Vương biết mưu kế của họ Trịnh muốn lợi dụng thời cơ tấn công Phú Xuân nên sai Tôn Thất Tiệp và Nguyễn Văn Chính đem thủy và bộ quân án tại sông Bái Đáp chờ lệnh.

Hoàng Đình Thê đem quân dọc đường núi đánh úp vào kinh thành Phú Xuân làm cho Chúa Nguyễn và triều đình bỏ chạy vào Quảng Nam ẩn náu. Trong lúc nguy ngập mà chưa có con nối dõi, Chúa Nguyễn lập cháu là Nguyễn Phúc Dương làm Đông cung để lo giữ Quảng Nam, hành dinh tạm thời đóng tại đồn Hòa Vinh thuộc huyện Hà Vinh.

Nguyễn Nhạc thừa cơ hội chúa Nguyễn ẩn náu ở đất Quảng Nam bèn dốc toàn lực gồm năm đạo quân tiến đánh. Thế trận như vũ bão làm cho chúa Nguyễn chống cự không nổi bèn cùng người cháu là Nguyễn Phúc Ánh xuống thuyền chạy vào nam, trú tại đất Gia Định, để Nguyễn Phúc Dương ở lại Quảng Nam chống đỡ.

Nguyễn Nhạc lợi dụng Đông cung Nguyễn Phúc Dương thế cô sức yếu, cho người rước về đóng ở Hội An như một con tin chờ ngày sử dụng. Để được chính nghĩa giúp Chúa Nguyễn giữ lại cơ ngơi, Nguyễn Nhạc sắp đặt công việc rồi cử đại binh đánh Hoàng Ngũ Phúc, giao cho tướng Tập Đình làm tiên phong và Lý Tài làm trung quân còn chính Nguyễn Nhạc đi tập hậu đánh với quân chúa Trịnh.

Trận chiến diễn ra suốt một tháng bất phân thắng bại, phần vì lương thực thiếu thốn, bệnh hoạn cho binh lính nên Hoàng Ngũ Phúc sai Hoàng Đình Thê và Hoàng Phùng Cơ quyết xử dụng kỵ binh xông trận ác chiến một phen. Bị bất ngờ, Nguyễn Nhạc cùng Lý Tài tạm lui binh về Quảng Nghĩa, chuyển Đông cung vào Quy Nhơn lưu trú.

Riêng tướng Tập Đình vì thất trận nên chạy về Quảng Đông bị quan nhà Thanh bắt giết vì lý do hợp tác với Tây Sơn.

Nguyễn Nhạc thấy tình thế nguy khốn, trong Nam thì có Tổng Phúc Hợp là quan lưu thủ đất Long Hồ hợp đại binh đánh ép quân của Tây Sơn. Nguyễn Nhạc liệu thế không chống nổi bèn cho người đem vàng bạc và thư từ đến hòa đàm với Hoàng Ngũ Phúc xin giao đất Quảng Nghĩa, Quy Nhơn và Phú Yên và chỉ xin làm tiền khu dẹp giặc của chúa Nguyễn mà thôi.

Không đánh mà thắng là điều mà ai làm tướng cũng muốn, đương đốc thúc binh mã chuẩn bị tấn công thì đối phương lại dâng thành, Hoàng Ngũ Phúc đắc ý làm biểu xin chúa Trịnh phong cho Nguyễn Nhạc làm Tiên phong tướng quân, Tây Sơn Hiệu trưởng. Nguyễn Hữu Chỉnh phụng mệnh chúa Trịnh vào tận đất Quy Nhơn sắc phong cho Nguyễn Nhạc với đủ triều nghi như mào, cờ, ấn và kiếm.

Như vậy, phía bắc có quân binh chúa Trịnh làm hậu thuẫn không phải sợ bị đánh úp, rảnh tay nghĩ đến chuyện bành lấn phía nam, Nguyễn Nhạc bèn dùng nước cờ tình ái là gã con gái Thọ Hương cho đông cung Nguyễn Phúc Dương. Với tư cách là cha vợ, Nguyễn Nhạc cho người đến bàn định với Tổng Phúc Hợp, thuộc tướng chúa Nguyễn đang điều binh đánh thắng Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khánh và một nửa đất Phú Yên.

Tổng Phúc Hợp nghe tin Nguyễn Nhạc có ý về hàng với chúa Nguyễn nên bán tín bán nghi bèn sai sứ tiếp xúc thăm dò.

Được tin này, Nhạc đưa con rể là Đông Cung Nguyễn Phúc Dương lấy lễ tiếp giao, hai bên ý hiệp tâm đầu nên sứ giả của Tổng Phúc Hợp định ninh rằng Nguyễn Nhạc muốn phò Đông cung hầu gây nghiệp chúa.

Thấy như vậy, Tổng Phúc Hợp định ngày giờ kéo quân ra Quy Nhơn hợp với Nguyễn Nhạc đưa Nguyễn Phúc Dương lên ngôi chúa, an bang thiên hạ. Đã được mật báo, Nguyễn Nhạc âm thầm sai em là Nguyễn Huệ đem quân đánh úp Tổng Phúc Hợp.

Lần xuất binh đầu tiên, Nguyễn Huệ đã làm tắt cả tướng sĩ kinh ngạc bởi thiên tài chỉ huy trận mạc của người tướng trẻ chưa đủ hai mươi hai tuổi đời nhưng quá ư xuất chúng.

Cũng từ ngày đó, lịch sử Việt Nam xuất hiện một nông dân áo vải đặc biệt góp phần cho dân tộc chiến thắng đội quân phương bắc dã tâm xâm lược quê cha, dẹp tan những kẻ vong nô cầu cạnh ngoại bang dày xéo đất tổ, một nhân vật nêu cao tinh thần độc lập của tổ tiên như Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn năm xưa, chiến thắng quân Nguyên liên tục ba lần với ý đồ sát nhập mảnh đất phương Nam thành lãnh địa của Thành Cát Tư Hãn; hay theo chí anh hùng Lê Lợi, dù kiên trì mười năm khổ ải cũng đuổi được giặc Minh khỏi bờ cõi giang sơn.

Nhà Lê hưng suy cũng bởi sự thịnh suy đất nước, các chúa Trịnh, Nguyễn đều đưa ra chiêu bài phò Lê để dương cao ngọn cờ chính nghĩa, nhưng lòng dân mới là tối thượng, dù dưới danh nghĩa gì mà phản dân, hại nước thì cũng chỉ nhất thời. Dù bất phân thắng bại trên hai trăm năm tưởng như năm tháng lặng lẽ trôi dần dà biến thành hai đất nước; nhưng hồn thiêng sông núi để gì để phân ly mà

khiến xui cho hương đồng lúa nội vun thành cờ đại nghĩa, một con người, một nông dân, một công dân, một bước chân trong cuộc đời nhưng đi trên cuộc đời để mưu tìm cách nào thống nhất giang sơn, quy về một mối.

## CHƯƠNG IV

Trong khuôn viên ngôi nhà trồng dưa và cây ăn trái sum sê có người thanh niên khôi ngô tuấn tú, ít nói, ít cười nhưng lúc nào cũng sẵn sàng tập luyện khí giới, nghiên cứu binh thư và chiêm nghiệm thời tiết như một thói quen không thể thiếu trong tuổi ấu niên. Người thanh niên ấy chính là Hồ Thơm, sau lấy họ của mẹ là Nguyễn và đặt lại danh tánh là Huệ, nhưng về sau đổi lại lần nữa là Nguyễn Quang Bình, sinh năm Nhâm Thân (1752) tại ấp Tây Sơn, thôn An Cư, phủ Hòa Nhơn, tỉnh Bình Định. Trong khoảng thời gian với bối cảnh lịch sử của đất nước bị phân hóa giữa hai lực lượng đối kháng kịch liệt bởi đảng Trong chúa Nguyễn và đảng Ngoài chúa Trịnh.

Đảng Trong thì triều đình chúa Nguyễn đã bị mục nát do đám quần thần quan lại tham ô, Quốc phó Trương Phúc Loan cậy quyền ý thế nên sinh ra lắm điều ngang ngược, muôn dân đồ thán. Chính những bất công nhiều nhưng của thời buổi loạn lạc, Nguyễn Huệ ý thức được nhiệm vụ của tuổi trẻ cần phải có võ



nghe, mưu lược và lòng quả quyết để giúp đời, cứu nước. Sở học được cha truyền thụ và ảnh hưởng dẫn cũng chưa thỏa mãn những ước muốn tuyệt kỹ công năng, Nguyễn Huệ tự tìm thầy giỏi để lãnh hội thêm phân uyên bác.

Nghĩ thế Huệ tìm đến vị giáo thụ Nguyễn văn Hiến đầy đức độ và cao cường. Giáo thụ Hiến đã mở trường dạy học, nhất định không ra làm quan với triều đình mục nát. Những môn đệ của vị giáo thụ này gồm những thiếu niên trong vùng Tây Sơn và phụ cận, tất cả đều có năng khiếu về võ lực mà lại thêm tính chuyên cần trong cách học từ chương. Dù vậy nhưng chỉ có Nguyễn Huệ là được thầy Hiến quan tâm đặc biệt bởi nhân cách khiêm tốn, đằm thắm nhu hòa mà học hành thì ưu hạng, tinh thông cả văn lẫn võ; dĩ nhiên là bọn đồng môn đâm ra nể phục, tung hô và sở cậy.

Nguyễn Huệ quả có tư chất tuyệt trần và thông minh, làm việc gì cũng lanh lẹ, vóc dáng cao ráo, đỉnh đạc, nên thầy Hiến quyết định truyền tất cả bí kiếp võ công cho người học trò năng động nhưng ít nói để sau này giúp đời, giúp người. Vì thế mà những tuyệt chiêu của mình, những sở trường sở đoản từ mấy đời gia truyền trong giòng họ đều được sư phụ truyền trao tận lực.

Vốn thông minh, siêng năng, bao nhiêu tuyệt kỹ về văn võ của thầy giáo Hiến đều được Nguyễn Huệ thụ học một cách tường tận tới nơi tới chốn.

Khi anh cả là Nguyễn Nhạc dấy binh khởi nghiệp để diệt trừ bọn tham quyền cố vị thì Nguyễn Huệ đã được mười tám tuổi. Với sức khỏe phi thường, tài trí linh hoạt, Ông đã giúp cho anh khá đắc lực trong việc xuất quân đánh chiếm thành Quy Nhơn làm đại bản doanh đầu tiên cho quân Tây Sơn.

Đôi mắt quắt thước, gò má cao, cặp chân mày rậm khít với cái trán cao rộng khá đỉnh ngộ đã toát lên sự dứt khoát, táo bạo và cương quyết.

Miệng rộng hình cánh cung, mũi cao và thẳng tắp, Ấn đường sâu ẩn dưới bộ râu đen vừa mọc lún phún, đặc biệt hai đường pháp lệnh của Nguyễn Huệ chạy từ cánh mũi tỏa xuống địa cát tăng thêm nét hào hùng của kẻ quân tử tài hoa. Tiếng nói của chàng trong và nhu nhuyễn khiến người nghe được cảm tình và dễ bị chinh phục. Hai vành tai to rộng với gương mặt vuông chữ điền là tướng cách đại nhân phúc hậu khiến cho ba quân tướng sĩ dưới trướng đều tỏ lòng kính nể đáng hùng anh tuổi trẻ này.

Tướng của chúa Trịnh là Hoàng Ngũ Phúc kéo quân tiến vào nam diệt trừ được Quốc phó Trương Phúc Loan, lại nhân đà này muốn tiến sâu vào nam để chiếm đất của chúa Nguyễn và Tây Sơn. Được lợi điểm vì vừa thắng trận nên thế quân của Hoàng ngũ Phúc mạnh bạo, hung hăng thừa thắng xông lên. Thấy như vậy nên Nguyễn Nhạc đã họp bàn cùng các cận tướng, dùng kế ‘*Dục cầm cố tung*’<sup>(1)</sup> để nói lũng bước đầu rồi thu lợi sau này chẳng muộn. Nghĩ thế nên Nhạc

sở cậy hiền sĩ Phan văn Tuế, một nhân vật có khoa ăn nói chẳng khác Trương Nghi, Tô Tần đời xưa mang phẩm vật, thư từ cung kính đến doanh trại của Hoàng Ngũ Phúc thương thuyết với nhã ý xin giao nộp đất Quảng Ngãi, Bình định, Phú yên cho chúa Trịnh. Quân binh của họ Hoàng đã thấm mệt, xa gia đình, thời tiết oi bức sanh ra bao bệnh tật, một phần vì phong thổ khác biệt, rừng thiêng u ám, đôi đầu cuộc chiến vô nghĩa giữa đồng bào ruột thịt với nhau lâu dài; nay không đánh nhau mà lại được tất cả thì còn gì sánh bằng.

Lão tướng Hoàng Ngũ Phúc không cần suy nghĩ, chấp nhận sự dâng nộp đất đai \_\_\_\_\_

(1) *Muốn bắt mà lại thả ra*

và dùng Nguyễn Nhạc thay mình trong việc tận thu thiên hạ, đồng thời cho ba quân nghỉ ngơi dưỡng binh.

Tạm yên phía bắc, Nguyễn Nhạc sắp đặt cuộc bàn thảo giữa sứ giả của Tổng Phúc Hợp và Đông cung như nguyện vọng chung của ý chí nhà Tây Sơn. Dĩ nhiên Tổng Phúc Hợp chưa hẳn tin tưởng nhưng cũng không lấy đó làm mối lo lớn, ung dung dưỡng sức, đợi thời cơ đem quân ra Quy Nhơn phò Đông cung Nguyễn Phúc Dương lên ngôi chúa Nguyễn.

Lợi dụng kẽ hở của đối phương, Nguyễn Nhạc lập tức sai em là Nguyễn Huệ chỉ huy hai vạn quân cấp tốc tấn công thành Phú Yên.

Lần đầu tiên thống lĩnh hai vạn tinh binh với nhiệm vụ đánh thắng chiếm thành, Nguyễn Huệ hết sức tin tưởng ở khả năng và tấm lòng đồng nhất của binh sĩ.

Tháng bảy năm Ất Mùi (1775) thành Phú yên đã đón những trận mưa giông. Vựa lúa Phú yên vừa gặt xong nên cánh đồng nhô lên toàn gốc rạ. Huệ chỉnh đốn binh mã, vỗ về quân lính, tập lại cách giao chiến xáp lá cà theo quyền cước, ban khen kẻ xuất sắc và cùng tướng sĩ nhất tề thệ nguyện để chiến thắng đợt này nên ba quân tướng sĩ nức lòng chiến đấu. Thượng tuần tháng Bảy năm Ất mùi, khi chàng Ngưu Lang gặp nàng Chức Nữ trên cầu Ô Thước để thỏa mãn lòng nhớ thương thì cũng là lúc Nguyễn Huệ thấp nhang đèn khẩn vái trời đất rồi cho đốt ba viên pháo đại trước khi xuất binh. Ngồi trên lưng ngựa uy nghiêm, dũng dạt, Nguyễn Huệ ra lệnh cho đoàn quân trực chỉ phương nam.

Nửa đêm trung tuần tháng Bảy trăng tròn lỉnh, trời mưa giông càng thêm nặng hạt, nước đọng hai bên vệ đường như những ngân bạc trắng xóa phủ đầy ngựa xe, đoàn quân của Nguyễn Huệ đã đến vùng núi Bạc Đầu Sơn thì gà vừa gáy sáng, Huệ hạ lệnh cho binh mã dừng lại, nổi lửa thổi cơm và dưỡng sức kỵ mã.

Trăng trung tuần chênh chéch sườn Tây, Nguyễn Huệ dắt tiểu kiếm vào lưng rồi một mình trèo lên chót đỉnh ngọn Bạc Đầu Sơn thăm dò địa thế. Xa xa

về phía đông nam, khuất tầm mắt phát ra những tia sáng mờ nhạt của những trụ đuốt tuần canh ẩn hiện lẫn với ánh trăng khuya làm lấp lánh trong bóng đêm những kỳ ảo khá u huyền trầm tịch.

Vị tướng trẻ đứng trên phiến đá trước miếu hoang đảo mắt nhìn quanh rồi thâm thì trách cứ, chiến trận sẽ xảy ra nội nhật ngày mai mà binh tướng Tống Phúc Hợp chẳng hề hay biết!. Lần đầu tiên chỉ huy hai vạn tinh binh, dù can đảm đến đâu cũng thấm chút hoang mang, tự vấn. Một làn gió ban mai từ biển đông thổi đến mang theo hơi nước mát mẻ của cơn mưa giông pha chút mằn mằn của biển cả bao la phía đông bắc làm cho thần trí Nguyễn Huệ tỉnh táo, mạnh bạo hơn; thật nhanh chóng Huệ nhắm tính và ra quyết định: ‘nếu phải đi vòng qua Bạc Đầu Sơn thì quân binh lương thảo vận chuyển ít nhất một ngày, chi bằng theo hướng tây nam qua lối rẽ mòn của người đốn củi, vừa rút ngắn phân nửa thời gian vừa bảo mật được tính nguyên vẹn, an toàn cho quân đội’.

Tính xong, Huệ tức tốc về tổng hành dinh cắt hai ngàn quân mặc áo đỏ, dựng cờ “*Trịnh Vương*” tiến về phía Bạc Đầu Sơn do Nguyễn Văn Tuyết chỉ huy.

Nguyễn Huệ đang muốn bắt chước Hàn Tín áp dụng kế ‘*Minh tu san đạo, Âm độ trần thương*,<sup>(1)</sup> để tắt chiến thắng Tống

---

(1) Kế dụ địch làm cho lâm tưởng thật.

Phúc Hợp một cách thần kỳ.

Đích thân Nguyễn Huệ thống lĩnh binh tướng còn lại, bọc ngõ hậu theo đường mòn để “xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị”<sup>(1)</sup> tiến sâu vào đại bản doanh của thành Phú Yên. Lối “hợp đồng tác chiến” giữa đoàn quân của Nguyễn Văn Tuyết giả làm quân binh cờ xí của chúa Trịnh làm cho binh sĩ phía Tống Phúc Hợp hoang mang, phân tán đặng dồn mọi nỗ lực án binh phía ngõ môn.

Đằng sau thành Phú yên, Nguyễn Huệ đốc thúc quân sĩ trong đội cảm tử quân phóng lên thành chặt cầu tre cho quân binh Nguyễn Huệ tràn vào thành.

Trận đánh chớp nhoáng đầy mưu lược vừa kết hợp hai mặt giáp công làm cho Tống Phúc Hợp đại bại. Quân Nam hà phải bỏ chạy về giữ đất Vân Phong, một số tàn quân thu binh về hòn Khói, Nguyễn Huệ lấy được thành Phú Yên không khó nhọc bao nhiêu.

Khi hay tin đại thắng tại Phú yên, Nguyễn Nhạc liền cho sứ báo tin đến Hoàng Ngũ Phúc biết rõ sự tình. Để vỗ về dân Nam và lợi dụng sau này những trận đánh với

---

(1) Thành linh đánh úp

chúa Nguyễn mà mình khỏi nhọc sức, Hoàng Ngũ Phúc dâng sớ xin chúa Trịnh sắc phong cho Nguyễn Huệ nhằm thu phục lòng hoang mang của dân cư phía nam.

Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm tiếp sứ liền sắc phong cho Nguyễn Huệ chức Tây Sơn hiệu Tiên phong tướng quân.

Binh lính Hoàng Ngũ Phúc đóng ở đất Châu Ô giáp giới Quảng Nam, lúc bấy giờ đất Quảng Nghĩa bị phong thổ bất hòa sinh ra bệnh dịch, phần quân lính từ bắc chưa hợp thổ ruộng, rừng thiêng nước độc, phần thì lương thực khan hiếm, do đó, Hoàng tướng quân phải rút binh về giữ Phú Xuân trấn thủ, giao Quảng Nam lại cho anh em Tây Sơn cai quản.

Vài tháng sau Hoàng Ngũ Phúc về tới Thuận Hóa thì mất, Bùi Thế Đạt được lệnh Trịnh Sâm vào thay thế cùng Lê Quý Đôn làm Tham Thị giữ đất Thuận Hoá trở ra.

\*

\* \*

Nói về Nguyễn Nhạc xử dụng Đông cung Nguyễn Phúc Dương với ý đồ tóm đầu đất Phú Yên khi quân chúa Nguyễn đánh lấn ra, ngoài phía Bắc lại bị Hoàng Ngũ Phúc ép vào, với tình thế lưỡng đầu thọ địch ấy, Nhạc cốt ý gả Thọ Hương cho Đông Cung để an bề chống đỡ phía nam và Nguyễn Nhạc đóng vai cha vợ hồng dụ lòng tin của Tổng Phúc Hợp đang khai chiến; nhưng giờ đây sau khi thắng trận và lấy được đất Phú Yên, Nguyễn Phúc Dương mới biết mình bị lợi dụng và định trốn thoát vào Nam dựng mưu đồ nghiệp bá.

Biết được ý định như vậy, Nguyễn Nhạc lập tức cho quân lính bắt giam Nguyễn Phúc Dương tại chùa Thập Tháp gần thành Đồ Bàn rồi chọn ngày lành tháng tốt đặt hương án cáo yết thiên địa tự xưng là Tây Sơn vương nhằm vào năm

Bính

Thân

(1776).

Nguyên chùa Thập Tháp Di Đà được một vị Hòa Thượng họ Tạ húy là Nguyên Thiệu từ xứ Triều Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung quốc đến lưu trú và xây dựng vào năm Quý Hợi (1683) đời vua Lê niên hiệu là Chánh Hòa trên gò đất có mười ngôi tháp Chàm. Đây là ngôi chùa cổ nhất thuộc dòng Lâm Tế, với tổng thể hài hòa, tôn nghiêm, cổ kính. Chùa tọa lạc trong vườn cây cổ thụ; quanh năm đắm chìm trong màu xanh của ao đầm, cây cỏ sum suê, chim muôn cầm thú riu rít bốn mùa; phía bắc có con sông Kôn uốn lượn qua dòng nước chảy trong veo. Thành Đồ Bàn của Chiêm Thành ngày xưa nằm ở phương nam đã xây nên mười ngôi tháp án ngữ phía bắc, vì vậy khi Hoà Thượng Nguyên Thiệu xây dựng ngôi tam bảo nơi đây thì tên chùa gắn liền với danh lam Thập Tháp.

Nguyễn Nhạc cũng không nỡ giết con rể của mình, vua chỉ giam lỏng ở khuôn viên chùa Thập Tháp đợi ngày bành trướng thế lực.

Tây Sơn vương cần mở mang thanh thế bèn sai bào đệ của mình là Nguyễn Lữ cầm binh tiến chiếm đất Gia Định. Vâng lệnh vương huynh, Nguyễn

Lữ đem theo bốn chục thớt voi, một đội kỵ mã, bốn chục chiến thuyền và tám ngàn quân tinh nhuệ tiến binh vào phương nam.

Đường sá gập ghềnh lên đồi xuống thác cheo leo, tới Diên Khánh quân binh của Nguyễn Lữ không thể tiến thêm được nữa, ông ra lệnh hạ trại nghỉ tạm một vài đêm rồi nhân đó dân địa phương tại Diên Khánh hiến kế bán ngựa mua thuyền đi đường thủy vào Gia Định thì tiện lợi hơn.

Nghe xong, Nguyễn Lữ cho là hữu lý bèn mượn tất cả ghe thuyền của dân địa phương làm chiến thuyền xuôi gió tiến vào nam.

Đường thủy lách vào các sông ngòi nơi đất mới thật chằng chịt, nhiều khô nên phải mất mười lăm ngày thuyền bè mới đến chân thành Gia Định. Lúc bấy giờ quan quân đang phò Định Vương Nguyễn Phúc Thuần tức là Duệ Tân nhà chúa Nguyễn rất lơ là, do đó Nguyễn Lữ đã đem quân vây hãm thành Gia Định suốt trong năm ngày rồi dùng cảm tử quân phá thành tấn công.

Uy danh của quân Tây Sơn bắt đầu vang dội khắp nơi qua trận chiến giữa Nguyễn Huệ thắng Tổng Phúc Hợp lấy đất Phú Yên, nên khi thúc thủ trong thành, quân binh của Nguyễn Phúc Thuần đã hoảng sợ với chiến công đó cộng thêm sự hò hét, thuyết phục và hù dọa của quân lính Nguyễn Lữ, rốt cuộc thành Gia Định đã dễ dàng thất thủ và lọt vào tay của nhà Tây Sơn.

Chiếm xong Gia Định thành, Nguyễn Lữ cho quân binh gom góp tất cả của cải, châu báu, chiến lợi phẩm, đồng thời bỏ sung binh mã đầy đủ rồi dương buồm trở về mà lại không cắt cử quan quân ở lại giữ thành.

Nguyễn Huệ được tin chiến thắng từ đội quân của em trai mình nhưng lại không giữ thành liền nảy ra một ý nhằm phân hóa thế lực của chúa Nguyễn bèn cách bày mưu cho Đông cung Nguyễn Phúc Dương trốn thoát vào Gia Định thành.

Tướng Lý Tài trước kia theo giúp Nguyễn Nhạc nhưng sau đó phản phúc theo hàng quân chúa Nguyễn, phò tá cho Đông Cung vào Gia Định để gây áp lực với Duệ Tông Hiếu Định đăng lập ngôi chúa mà Nguyễn Phúc Dương trở thành tân chính vương, tướng Lý Tài nắm giữ binh quyền. Trong khi đó, Duệ Tông bị áp lực trở thành Thái Thượng vương có Đỗ Thành Nhân theo phò, Nguyễn Phúc Ánh bấy giờ còn nhỏ tuổi nhưng vẫn được tham dự quốc sự ở dưới trướng.

Đỗ Thành Nhân thấy Nguyễn Nhạc xưng là Tây Sơn vương bèn tự phong cho mình là Đông Sơn vương để làm thế đối kháng. Quân binh Chúa Nguyễn tự nhiên phân hóa ra thành hai khối, một của tân chính vương Nguyễn Phúc Dương, một của thái thượng vương Duệ Tông.

Với những chiến công thắng lợi dồn dập từ Phú Yên đến Gia định, Nguyễn Nhạc thấy cần thiết phải tạo thêm chính danh để an bang thiên hạ qua việc tự xưng là Tây Sơn vương, lấy thành Đồ Bàn làm kinh đô, phong cho bào đệ

Nguyễn Huệ làm Phụ Chính đại thần coi việc đối nội, đối ngoại; phong cho bào đệ Nguyễn Lữ làm Thiếu Phó Tổng Quản Binh Bị.

Mặc dù tự xưng vương nhưng phía bắc uy danh của chúa Trịnh vẫn còn nể phục, Nguyễn Nhạc rất dè dặt chưa dám thiết triều nghi và mở mang thành quách Đồ Bàn rộng rãi. Trong giai đoạn này, Nguyễn Nhạc đang ra sức củng cố quyền lực, chiêu dụ binh sĩ ngày đêm luyện tập thủy, bộ và chuẩn bị mở cuộc tấn công đại quy mô ra cả hai miền Nam và Bắc hà.

---

## CHƯƠNG V

Tình hình Gia Định thành phân hóa trầm trọng giữa Lý Tài và Đỗ Thành Nhân, hai vương chúa Nguyễn cũng không thuận lòng nhau khiến cho đất Việt từ Bắc chí Nam đều trở thành những vùng đất với các thủ lĩnh sứ quân. Riêng Bắc hà thì chúa Trịnh thống lãnh đến tận Quảng Nam; Tây Sơn vương ở Quy Nhơn, Phú Yên và Diên Khánh. Miền Nam thì đang linh xình tùy lúc chúa Nguyễn kéo đến thì đất Gia Định thuộc về chúa Nguyễn, nhưng khi quân Tây Sơn kéo đến thì thuộc Tây Sơn vương. Người dân ba miền Nam Trung Bắc giờ đây sống trong hoàn cảnh loạn lạc mà các vương chúa tranh nhau giành giật ảnh hưởng. Cuộc sống trở nên khó khăn hơn vì lương thực một phần lớn phải cung ứng cho nhu cầu binh mã.

Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc xuất thân từ nông dân nên thấu hiểu nỗi khổ của dân, vả lại thành Đồ Bàn cũng là vựa lúa lớn nên vương đốc thúc quân binh tăng gia sản xuất nông phẩm bên cạnh việc luyện cung, tập kiếm hàng ngày. Mặc khác, dù xưng vương, Nguyễn Nhạc vẫn muốn dựa lưng vào chúa Trịnh để

khôi phục uy danh cho vững chãi, vì vậy mà năm Đinh Dậu (1777) Tây Sơn vương dâng sớ xin chúa Trịnh Sâm cho trấn thủ đất Quảng Nam.

Thấy Nguyễn Nhạc có ý từng phục mình, hơn nữa muốn tiêu diệt Tây Sơn cũng chưa chắc đánh thắng chi bằng nhất cử lưỡng tiện, vừa được thêm đồng minh lại vừa được sáng cái đức mình quân của Bắc hà, Trịnh Sâm liền phong cho Nguyễn Nhạc làm Quảng Nam Trấn Thủ, Tuyên Úy Đại Sứ Cung Quận Công.

Mặt Bắc tạm yên không cần phòng ngự, Tây Sơn vương triệu tập binh tướng bàn việc quốc sự lập kế hoạch hành quân tấn công phía Nam. Nguyên, năm ngoái khi chiếm được Gia Định thành, Nguyễn Lữ không áp dụng chính sách an dân hoặc chiêu dụ binh tướng ở lại giữ thành mà chỉ cốt dương oai diệu võ, thu vén của cải, tài nguyên trong kho rồi kéo quân trở về. Thành Gia Định bỏ ngõ cho nên Lý Tài lại hộ tống Tân chính vương chiếm thủ lại đặng đầu với Đỗ Thành Nhân đang hộ giá Thái thượng vương Duệ Tông quay về thành quách cũ.

Thấy thời cơ vô cùng thuận tiện cho việc thống nhất một nửa cơ đồ, Nguyễn Nhạc bàn định kế sách thật chu đáo rồi sai bào đệ Nguyễn Huệ trực tiếp điều khiển thủy binh đi vào Gia Định thành, Nguyễn Lữ dẫn kỵ binh xa mã đi đường bộ yểm trợ cho thủy quân đổ bộ ở Trán Biên. Quân của Lý Tài đóng trên sông Sài Côn (nay là Sài Gòn) bị thủy quân của Nguyễn Huệ tấn công đột ngột làm tan rã hàng trăm chiến thuyền, Lý Tài chống đỡ mãnh liệt nhưng không đủ sức và bị chết trong đám loạn quân. Nguyễn Lữ đem bộ binh tấn công đất liền giáp giới thành Gia Định làm binh sĩ của chúa Nguyễn tan rã mau lẹ, một phần vì thiếu sự tập luyện và tổ chức binh bị, một phần vì nể trọng uy danh của anh em nhà Tây Sơn nên quân binh chúa Nguyễn hầu như buông khí giới đầu hàng.

Khi bàn định kế hoạch trước lúc tấn binh, quan thần nhà Tây Sơn đều đưa ra quyết nghị phải tận diệt mầm móng còn sót lại của chúa Nguyễn để trừ hậu họa, do đó quân binh Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đuổi theo rất gắt để bắt cho được Tân chính vương và Thái thượng vương.

Bị truy đuổi quá gấp, Tân chính vương Nguyễn Phúc Dương phải chạy về Rạch Chanh rẽ qua Trà Tân vòng qua Ba Vác để chuẩn bị xuống thuyền trốn ra Bình Thuận, tuy nhiên kế hoạch bất thành thì Tân chính vương bị bắt giết cùng một số tùy tướng vào mùa thu năm ấy.

Thái thượng vương Duệ Tông từ Rạch Chanh chạy đến Tài Phụ rồi qua Cần Thơ, Long Xuyên thì cũng bị bắt cùng một số tôn thất nhà Nguyễn. Tháng mười năm Đinh Mùi thì Duệ Tông bị giết chết. Người cháu là Nguyễn Phúc Ánh nhờ giám mục người Pháp là Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc) giấu kín dưới mạn thuyền cho đến cuối năm Đinh Mùi mới dám cho lên đất liền, nhờ vậy mà Nguyễn Phúc Ánh mới thoát chết.

Lấy xong đất Gia Định Nguyễn Huệ kéo quân vào thành võ về dân chúng, sắp đặt kế hoạch trị dân đưa Tổng đốc Chu lên coi sóc nhân dân tức quan trấn thủ Gia Định thành.

Mùa Đông năm ấy có bão lớn và gió chướng chuyển hướng quá sớm, thuyền binh của Nguyễn Huệ phải đợi đến tiết trọng đông mới kéo binh về lại Quy Nhơn. Nguyễn Lữ đi đường bộ để chuyển quân về từ tiết mạnh đông năm ấy có mang về một số thổ sản và hạt giống để trồng tía tại thành Đồ Bàn; đó là loại mần cầu xiêm và măng cụt của đất Long Xuyên.

Tin thắng trận quá dồn dập đưa về cho Tây Sơn vương khiến thế lực Nguyễn Nhạc càng ngày càng mạnh mẽ, điều này làm cho các quan của chúa Trịnh lo ngại ngày đêm về mối nguy Bắc tiến của anh em nhà Tây Sơn. Vua Lê Hiển Tông được các quan tâu trình mọi việc trong nước nên đâm ra hoang mang về ngại vàng đang đặt trên nền móng không lấy gì làm vững chắc cho lắm. Mãi suy nghĩ nên vua Hiển Tông lâm trọng bệnh mà triều đình thì quá mục nát, không có những chính sách cụ thể để phát triển quốc gia mà các quan phân nhiều chỉ biết mỗi lợi riêng tư thiếu người nhiệt tâm lo lắng cho sự hưng vong của xã tắc.

\*

\*\*

Qua những chiến công vang lừng từ Phú Yên đến Gia Định đã khẳng định lực lượng Tây Sơn thật sự lớn mạnh từ tổ chức hành quân, điều khiển binh mã và kế hoạch chiến đấu già dặn kinh nghiệm, và nhất là Nguyễn Huệ đã chỉ huy những trận xung kích quyết liệt, mưu thuật binh bị xuất quỷ nhập thần làm cho đối phương khiếp đảm uy danh của anh em nhà Tây Sơn. Nhận thấy thời cơ vô cùng thuận lợi cả về chính trị, quân sự và kinh tế nên Tây Sơn vương thị oai, quyết định không thêm thần phục chúa Trịnh như xưa nữa mà chuẩn bị sự nghiệp đồ vương cho riêng mình.

Gió nồm vừa chấm dứt thì quân báo về cho Tây Sơn vương biết tin vui, hai lộ quân của các bào đệ Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ chiến thắng những trận đánh lớn ở đất Gia Định, võ về dân chúng trong thành, cắt cử các quan cai trị dân chúng, đặt ra luật lệ nghiêm minh để thi hành. Bờ cõi dưới sự kiểm soát của Tây Sơn vương kéo dài từ Quảng Nam đến tận Long Xuyên, Cần Thơ, một dãy đất hứa hẹn nhiều phước lộc do thiên thời, địa lợi và nhân hòa nên Nguyễn Nhạc tự cáo yết đất trời rồi lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Thái Đức, đổi thủ phủ Đồ Bàn của đất Chiêm Thành ngày trước ra Hoàng Đế thành vào năm Mậu Tuất (1778), sắc phong cho Nguyễn Huệ làm Long Nhượng Tướng Quân trông coi việc an dân đối nội, đối ngoại. Đồng thời, hoàng đế cũng sắc phong cho bào đệ Nguyễn Lữ làm Tiết Chế kiểm soát binh mã, quân lương.

\*



\* \*

Nói đến tôn thất nhà Nguyễn bị càn quét sau khi Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ giăng bủa khắp nơi, nhiều người trong dòng họ bị sát hại hoặc đổi họ để làm thứ dân cho an thân; duy chỉ sót người thanh niên mười bảy tuổi của dòng họ chúa Nguyễn còn sống sót, đó chính là Nguyễn Phúc Ánh, nhờ trốn xuống tàu thủy của giám mục Bá Đa Lộc đang neo thuyền ở sông rạch Cần Thơ. Mấy tháng sau tình thế lắng đọng, các quan tướng đất Nam hà tìm được Nguyễn Phúc Ánh cử làm Đại nguyên soái Nhiếp quốc chính để hội tụ quân thần khanh tướng triều chúa Nguyễn trong mục đích phục hoạt cơ đồ, chống Tây Sơn, nối ngôi nghiệp chúa.

Từ thành Hoàng Đế vua Tây Sơn đã nghe được tin Nguyễn Phúc Ánh gom góp tất cả binh tàn tướng bại nổi lên tại miệt Long Xuyên, Cần Thơ làm cho đất Nam hà lăm phen can qua chinh chiến, vì vậy Thái Đức hoàng đế sai Tổng đốc Chu, Phạm Ngạn và Tư khấu Uy dẫn hơn ngàn lính thiện chiến đem quân tiêu trừ.

Quân binh của Nguyễn Phúc Ánh chỉ mới kết hợp được vài tháng nên lực lượng còn khá lỏng lẻo, tuy nhiên cánh quân của Đỗ Thành Nhân lại rất hùng hậu nên sau đó tái chiếm lại thành Gia Định và ra sức phò tá đắc lực cho Nguyễn Phúc Ánh nhằm khôi phục giang sơn nhà chúa Nguyễn.

Kế hoạch không được ăn khớp khi quân Tây Sơn do các tướng Chu, Ngạn, Uy đưa quân vào bằng ba ngã Phiên Trấn, Sài Gòn và Trấn Biên không đồng bộ để thực hiện chiến lược nhất thời ba mặt giáp công, do điểm yếu đó mà phía quân Tây Sơn không đánh thủng phòng tuyến của Nguyễn Phúc Ánh. Trái lại, quân binh của Nguyễn Phúc Ánh do cai đội Lê Văn Câu, Nguyễn Văn Hoàng, Tống Phước Khuông phản công mãnh liệt giết chết Tư khấu Uy, đồng thời đẩy lui quân Tây Sơn ngược ra Quy Nhơn; nhân đó Tống Phước Khuông phối hợp với quân binh của Tống Phước Lương thừa cơ đem binh lấy thành Bình Thuận và thành Diên Khánh.

Nguyễn Phúc Ánh khôi phục được đất Gia định, củng cố binh lực rồi sai sứ sang nước Xiêm La thông giao, đồng thời sai Đỗ Thành Nhân và Hồ Văn Lân đem quân chinh phạt nước Chân Lạp nhằm bảo hộ đặng làm hậu thuẫn, đưa Nặc In là con của Nặc Tân lên làm vua xứ này rồi đặc cử Hồ Văn Lân ở lại coi sóc việc triều chính với Tân vương Chân Lạp.

Việc Nam hà đang phát triển một cách thuận lợi cho chúa Nguyễn đã không làm cho triều đình Tây Sơn nao núng, thực lực của Nguyễn Phúc Ánh như thế nào thì điệp báo của Tây Sơn đã nắm rõ nhưng Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ không nỡ để dân tình khốn khổ với chuyện chiến tranh triền miên, do vậy mà quân binh Tây Sơn nhân đây lo tập luyện tượng mã đợi thời thế thuận tiện xuất binh hòng tiêu diệt toàn bộ triều thần Nguyễn Phúc Ánh.

Năm Canh Tý (1780) Nguyễn Phúc Ánh xưng vương hiệu đặt triều nghi và chiêu dụ bá tính hợp lực gây dựng nghiệp chúa, phong cho Đỗ Thành Nhân làm chức Ngoại Hữu Phụ Chính Thượng Tướng Công cùng ban phát tiền bạc để khen thưởng binh lính.

Trong khoảng năm tháng ấy vua Xiêm La là Trịnh Quốc Anh có hiềm khích với tướng Chát Tri (1) và Sô Si nên muốn đẩy họ xa khỏi triều đình bèn cách sai hai anh em Chát Tri và Sô Si dẫn binh mã đánh chiếm nước Chân Lạp. Như đã nói ở trên, lúc này Chân Lạp đang được bảo hộ bởi Hồ Văn Lân nên chúa Nguyễn Phúc Ánh cử

---

(1) Chakhri

Nguyễn Hữu Thoại đem binh trợ giúp Chân Lạp.

Đang khi hai anh em Chát tri và Sô Si kéo quân qua Chân Lạp thì tại quê nhà, vua Xiêm La là Trịnh Quốc Anh bắt vợ con của Chát Tri và Sô Si giam vào ngục tối để làm con tin với ý đồ thúc ép Chát Tri quyết lấy đất Chân Lạp cho kỳ được.

Vừa nghe hung tin bay từ đất Xiêm, anh em Chát Tri và Sô Si liền giao kết với Nguyễn Hữu Thoại để đem quân ngược lại phía nam đánh Trịnh Quốc Anh hầu cứu vợ con. Chưa tới thủ đô Vọng Các thì nghe Trịnh Quốc Anh đã bị tướng Phan Nha Văn Sản nổi lên đánh chiếm triều đình và cướp ngôi vua. Chát Tri và Sô Si liền cho quân bao vây Vọng Các tiến vào thành giết chết Phan Nha Văn Sản, đồng thời sát hại luôn Quốc vương Trịnh Quốc Anh rồi Chát Tri tự lên ngôi hoàng đế xưng là Phật Vương, phong cho Sô Si là Đệ nhị Quốc vương. Do đó mối giao hòa, thân tín giữa vua Xiêm La Phật Vương và triều đình Nguyễn Phúc Ánh rất ư mặn nồng

Khi gặp hoạn nạn, Nguyễn Phúc Ánh đã được sự trợ giúp của Giám mục Bá Đa Lộc nên Nguyễn Vương nghĩ ngay đến việc cầu cứu giúp sức từ phương tây mà vai trò Bá Đa Lộc có thể làm được. Nghe tin chẳng tốt lành từ phương nam khi chúa Nguyễn có ý đồ cậy nhờ người ngoại quốc can thiệp vào nội tình đất nước, Thái Đức Hoàng đế vội hạ chiếu truyền Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ vào nam một phen nữa để tiêu diệt Nguyễn Phúc Ánh. Sau gần ba mùa đông yên tĩnh, giờ đây chinh chiến lại bắt đầu khởi động dưới sự chỉ huy trực tiếp từ vị tướng trẻ vang lừng Nguyễn Huệ.

Nói về Đỗ Thành Nhân sau khi được phong chức Ngoại Hữu Phụ Chính Thượng Quốc Công thì oai danh vang lừng đất Gia Định, bản chất của cái ngã quá lớn đã khiến vị tướng tài ba này tỏ ra tự phụ, chuyên quyền, áp bức và không nể trọng đến chúa Nguyễn, vì thế mà Nguyễn Phúc Ánh đã tìm cách giết chết Đỗ Thành Nhân trước khi quân Tây Sơn kéo vào Gia Định thành.

## CHƯƠNG VI

Đại thần Tây Sơn là Bùi Đắc Tuyên người thôn An Khương, xã Xuân Hòa, huyện Tuy Viễn có người con gái khá sắc sảo đã đến tuổi trăng tròn tên là Bùi Thị Loan. Để thêm vây cánh với hoàng gia, Thái Đức Hoàng đế tứ hôn cho Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ cùng Bùi Thị Loan nên nghĩa vợ chồng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc chưa qua những ngày trăng mật nhưng việc quân binh hệ trọng đã buộc Nguyễn Huệ dồn nỗ lực luyện tập võ nghệ cho binh sĩ và tìm thời gian rảnh để nghiên ngẫm binh thư Tôn Tử, phối hợp với loại võ công đặc biệt phát xuất từ vùng An Lão, Tam Quan, một môn võ thuật kết hợp giữa Thiếu Lâm Tự và võ Ta cùng sáng tạo những quyền cước độc đáo hầu thích nghi với chốn sơn lâm vốn nhiều thú dữ như cọp, báo, hùm, beo.

Để nâng cao những kỹ năng tuyệt công trong binh pháp và củng cố lực lượng thật tinh nhuệ, Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ thân hành cung kính mời các ẩn sĩ, mưu thuật chính trị cũng như những tay cao thủ võ lâm cùng nhau hợp tác và huấn luyện. Biết bao nhiêu anh tài, tuấn kiệt thấy cảnh đất nước tan hoang vì xâu xé, nạn tai sứ quân từng vùng lại nổi lên, ngai vua của triều Lê thì quá mục nát được dựng trên hư vị như một biểu tượng bù nhìn làm nơi mượn danh của nhiều phe phái chia chác quyền uy mà điển hình là hai chúa Trịnh-Nguyễn vẫn tranh giành thế lực cả bao nhiêu năm ròng, điều này đã khiến cho các danh sĩ tìm cách theo về với Tây Sơn rất đông qua ý hướng thống nhất sơn hà.

Trong đoàn quân của Long Nhượng tướng quân có nữ tướng Bùi Thị Xuân là một anh hoa nhi nữ, sức mạnh phi thường, tinh thông võ nghệ, mưu trí dũng lược và thường dùng đội chiến tượng với hơn một trăm thốt voi đã từng làm cho Nguyễn Phúc Ánh nghe danh bà đã võ mật khớp hôn.

Bùi Thị Xuân là vợ của tướng quân Trần Quang Diệu, một hổ tướng Tây Sơn đã có công đánh nam dẹp bắc, hạng mã công lao phi thường. Thân phụ của

Bùi Thị Xuân là Bùi Đắc Kế, bào huynh của Bùi Đắc Tuyên, như vậy Bùi nữ tướng là vai chị vợ của Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ.

Cứ mỗi chiều nắng nhạt nơi thôn Xuân Hòa, trên gò đình rộng lớn và phẳng phiu ước chừng hơn mười lăm mẫu, dân làng thường thấy vị nữ tướng đầu chít khăn đen, vai mang cung tiễn, áo quần gọn gàng trong bộ giáp trận thật uy nghi đã tập dượt trên trăm thớt voi để chờ ngày khởi binh xung trận.

Hoàng Đế thành được bao bọc bởi bờ lũy khá vững chắc, có đường hào chạy quanh như cách biệt nội ngoại cung đình với hàng trăm thớt voi sẵn sàng bảo vệ hoàng thành. Vòng ngoài cũng khá kiên cố, những bờ cây chắn gió thẳng tắp và xanh um cùng các đội vệ binh canh giữ nghiêm mật khiến cho vua Tây Sơn cảm thấy vững vàng với cơ đồ đang bắt đầu gây dựng.

Năm Tân Sửu (1781) khoảng tháng tư âm lịch khi gió nồm thổi từ hướng nam ra bắc thì Nguyễn Phúc Ánh vận động tàu chiến Bồ Đào Nha, đưa các tướng Châu Văn Tiếp, Nguyễn Hữu Thụy cùng quan tiết chế Bình Thuận là Tôn Thất Dụ, Tổng Phúc Thiêm điều khiển ba vạn quân, hơn trăm thuyền bè, ba đại chiến thuyền có trang bị súng thần công, thêm ba tàu chiến Tây Ban Nha yểm trợ tấn công Bình Thuận, Bình Khang và Phú Yên. Nhờ hỏa lực quá mạnh của tây phương thêm thời cơ lúc sức gió thuận lợi cho thuyền buồm căng chạy, quân Nguyễn vương thắng lợi khi vừa vào đất liền tiến đánh thành Phú Yên.

Hoàng đế Nguyễn Nhạc được cấp báo vội vã họp các tướng, cử Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ cùng nữ tướng Bùi Thị Xuân thống lĩnh bảy ngàn bộ binh, năm mươi thớt voi trực chỉ hướng Phú Yên nghênh địch. Đại quân Tây Sơn vừa tới mạn bắc bờ sông Đà Rằng đã gặp quân binh của chúa Nguyễn ngồi trên thuyền buồm kéo đến, Nguyễn Huệ truyền cho nữ tướng Bùi Thị Xuân cắt đặt năm mươi thớt voi xếp thành hình chữ nhật bao vây hai bên bờ sông đặng yểm trợ cho bộ binh tấn công thuyền Nguyễn Vương. Tờ mờ sáng Long Nhượng tướng quân đã đốc thúc toàn bộ lực lượng giao chiến, cung tiễn trên bờ bắn ra như mưa, đội cảm tử quân lặn xuống nước đục thuyền, đôi bên giao chiến ác liệt cho đến lúc chiều tà thì các chiến thuyền của Nguyễn Vương tan tác, số còn lại phải mở đường máu rút chạy ra biển để về lại đất Gia định.

Đêm hôm đó Nguyễn Huệ cho đốt đuốt khao quân chiến thắng và sáng hôm sau sai quân lính vớt hơn ngàn xác của cả đôi bên đem lên gò Nồng để chôn cất tử tế và đốt hương làm lễ chiêu hồn hết sức trang nghiêm. Dịp này Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ nói với ba quân rằng:

“-Ta không muốn việc đao binh kéo dài chỉ làm khổ dân lành vốn là người anh em một nhà. Nguyễn Phúc Ánh muốn khôi phục giang sơn trên cơ đồ đồ nát mà mượn tay ngoại bang thì qua mùa gió bắc sang năm ta sẽ quyết tiêu trừ một đợt nữa rồi an bang cho dân lành làm ăn sinh sống”.

Đầu năm Nhâm Dần (1782), Nguyễn Huệ chuẩn bị binh mã, tu bổ chiến thuyền, rèn thêm dáo mác, chế thuốc súng, luyện tập những thế võ bí truyền cho đội quân cảm tử xáp lá cà, vót thêm cung tên chờ ngày xuất binh.

Tháng ba năm ấy thì đưa con đầu lòng của Nguyễn Huệ ra đời đặt tên là Nguyễn Quang Toàn có khuôn mặt phương phi phúc tướng dáng vẽ hào hùng.

Nguyễn Huệ vừa đặt tên con xong thì nghe tin Nguyễn Phúc Ánh chuẩn bị binh mã tấn công quân Tây Sơn. Nguyễn Huệ liền dùng kế “tiên hạ thủ vi cường”<sup>(1)</sup> nên dốc toàn lực để hộ giá Thái Đức hoàng đế cùng hai trăm chiến thuyền dong cờ tiến quân vào nam. Long Nhượng tướng quân \_\_\_\_\_

*(1) Ra tay trước để giành thắng lợi*

Nguyễn Huệ làm hậu tập dẫn theo đội binh cảm tử và một số hồ tướng tài ba vừa hộ giá, vừa bao vây phía sau.

Như đã nói ở trên, Nguyễn Phúc Ánh nhờ Giám mục Bá Đa Lộc can thiệp nên một số nước phương tây lợi dụng việc giúp đỡ để tạo đầu cầu bước vào các nước phương đông cho việc truyền đạo, làm ăn và chiếm đất nên phái các chiến thuyền, súng đạn và những vũ khí tinh xảo dưới sự dẫn dắt của giám mục này. Đội thủy quân của Nguyễn Phúc Ánh tương đối khá hùng hậu, dàn trận trên sông nước có nghiên cứu hẳn hoi để chờ các chiến thuyền Tây Sơn vào trận đặng xáp chiến.

Mùa Hè năm Nhâm Dần (1782) thì hai trăm chiến thuyền của Tây Sơn đã vào cửa Cần giờ. Nguyễn Vương phối hợp với Tổng Phúc Thiêm mang gần bốn trăm chiến thuyền dang theo hình chữ bát đến khúc sông ngã bảy nghênh chiến.

Hơn nữa, lợi thế của chúa Nguyễn là nhờ vào sự yểm trợ của gần một trăm thuyền buồm chở người Trung quốc và một chiến thuyền của Manvel người Bồ Đào Nha điều khiển đi sau hỗ trợ về hỏa lực. Long Nhượng tướng quân lên mũi tàu quan sát tình hình và nghe báo cáo lại số quân binh cùng thuyền bè đối phương, dù gấp đôi số lượng chiến thuyền và hỏa công vững vàng của chúa Nguyễn, Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ vẫn không nao núng, đầy tự tin với sự điều binh vô cùng siêu phàm, Nguyễn Huệ động viên binh sĩ trước lúc xuất binh và truyền lệnh nghiêm minh cho từng người chiến sĩ, những người lính vốn đã gan dạ và có nhiều kinh nghiệm chiến đấu trên bộ và trên sông càng thêm tin tưởng.

Thủy binh Tây Sơn tuy yếu về hỏa lực và số lượng nhưng từ lúc khai hỏa, Nguyễn Huệ đã thúc dục binh tướng gan dạ xông thẳng vào thuyền đối phương xáp trận theo các bí kiếp tập luyện hàng ngày; phía hỏa công của Nguyễn Phúc Ánh không phát huy nổi vì sợ hãi uy danh của Tây Sơn, phần chưa tập luyện thành thục trên sông nước nên binh lính thật lúng túng với những kỹ thuật tây phương đầy tinh xảo.

Qua ba tiếng đồng hồ xông trận trên sông, Tống Phúc Thiêm liệu bề chống không nổi vội truyền khẩu lệnh kéo hết chiến thuyền rút lui. Thừa thắng xông lên, Nguyễn Huệ thúc ba quân lướt thuyền con tới chặn đầu, hai bên hôn chiến khoảng nửa giờ thì chiến thuyền của Manvel có trang bị đại bát và lựu đạn tiếp cứu chống trả kịch liệt.

Dù bị chướng ngại vật ngăn trở, quân Tây Sơn vốn có tiếng biến hóa lạ lùng, đội cảm tử quân lặn xuống sông rồi đồng loạt leo lên thuyền của người Bồ Đào Nha. Sự gan dạ, quả cảm và yếu tố quyết thắng ngoại bang đã khiến cho binh sĩ bất chấp thân công bắn ra như mưa, lớp này ngã xuống đã có lớp khác hăng say tiến lên, chẳng mấy chốc đội cảm tử đã vào được cabin, chém những địch quân đang hốt hoảng khiến Manvel không kịp trở tay bèn quyết định cho nổ tàu rồi tự sát.

Lửa cháy trên sông đã lan vào bờ làm cho những bụi cây dừa nước bén lửa. Thế trận càng ngày càng trở nên thuận lợi, quân Tây Sơn xông trận như bay nhảy trên đất liền, tiếng chỉ huy của các tổng binh la hét để tìm bắt cho được soái tướng Nguyễn Vương trên cùng một khúc sông đã làm cho binh sĩ Tây Sơn nức lòng, gom thu được thêm một trăm chiến thuyền rồi tốc lực đuổi bắt Nguyễn Phúc Ánh.

Hoảng sợ trước sự tan rã nhanh chóng của đội quân Tống Phúc Thiêm và Manvel, Nguyễn Phúc Ánh cùng vài người tùy tùng bỏ chạy về Ba Giồng rồi lui vào đất Chân Lạp trốn trong rừng Swayrieng. Biết được Nguyễn Phúc Ánh trốn tại đất Chân Lạp, Nguyễn Huệ đem binh tới đây chinh phạt khiến quân vương Chân Lạp phải chịu hàng phục Tây Sơn và cho người Việt chạy loạn tại xứ này được hồi hương về bản xứ.

Được tin Nguyễn Phúc Ánh tan tành không còn manh giáp, Tiết chế Bình Thuận là Tôn Thất Dự đem quân binh hợp lực với Trần Công Chương là kẻ dưới trướng của tướng Tàu Lý Tài vào nam cứu giá. Khi đến thôn Vườn Trầu, Trần Công Chương cho binh lính toàn là người Tàu núp dưới cầu Tham Lương chờ cho Phạm Ngạn là quan hộ giá vua Tây Sơn đi qua giết chết.

Thái Đức hoàng đế biết được đám người Tàu do Trần Công Chương điều khiển gây ra vụ sát nhân ở cầu Tham Lương nên cho binh sĩ Tây Sơn càn quét, giết hại những người Tàu từng ủng hộ Lý Tài và Trần Công Chương. Trận sát hại này khiến mấy ngàn người bị mất mạng và được đem chôn chung một mồ, sau này có địa danh là Gò Chung.

Trở lại với nước Chân Lạp sau khi đã hàng phục triều đình Tây Sơn xong, Nguyễn Huệ rút về đóng quân ở Bến Lức và Rạch Chanh để chuẩn bị tảo trừ những tàn dư của chúa Nguyễn. Trong khi đó Nguyễn Phúc Ánh nghĩ rằng, quân Tây Sơn đã kéo binh về lại Quy Nhơn nên tập trung các tướng trở về Giồng Lũ để khôi phục giang sơn nhà chúa.

Vụ sát hại ở Tham Lương mà quân Tây Sơn đã trả thù cái chết của quan hộ giá Phạm Ngạn khiến cho nhiều tướng Tàu tìm cách báo thù. Khi Nguyễn Phúc Ánh kéo quân về lại Giồng Lũ thì các tướng Tàu tình nguyện kéo theo phụ giúp rồi đánh thắng quân Tây Sơn đang còn đóng trại ở đây, tịch thu hơn trăm chiến thuyền và giết được đô đốc Nguyễn Học. Xong trận chiến này thì Nguyễn Phúc Ánh ra lệnh các tướng Tàu thừa thắng quyết tiến binh chiếm thành Gia Định.

Không ngờ trên thủy lộ kéo binh về Sài Gòn, Nguyễn Phúc Ánh bị khựng ở ngã tư Bến Lức vì Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ đoán đúng nước cờ của đối phương.

Thấy lá cờ đỏ thêu ba chữ “Tây Sơn Vương” phát phới trên nóc thuyền của đối phương, chúa Nguyễn đã ngần ngại canh phòng sự phản công và đốc thúc binh sĩ chuẩn bị ứng phó. Nào ngờ, sau một tiếng pháo lệnh vang lừng, quân binh Tây Sơn từ trong rừng tràm, rừng đước túa ra bao vây, Nguyễn Huệ và đại quân chỉ huy dùng thế dựa lưng vào mé sông quay lại đánh một trận long trời lở đất. Tiếng kêu la pha với những tiếng pháo đồng cùng âm thanh vèo vèo của cung tiễn làm cho thuyền bè của Nguyễn Phúc Ánh tan tành xiển liễn, chúa Nguyễn lúc này chỉ còn kịp xuống chiếc thuyền độc mộc vào rạch nhỏ nương náu, đợi đêm đen phủ trùm mới dám lướt chèo về sông Hậu Giang, chạy sang Rạch Giá, bơi qua Hà Tiên rồi cùng đoàn tùy tướng ít ỏi còn sống sót chạy trốn tận đảo Phú Quốc, cực nam của địa đầu đất nước.

Sau trận đùng độ vang lừng đất Gia Định, danh của nhà Tây Sơn dội cả một khoảng trời nam, Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ cho vớt xác đôi bên chôn cất rồi làm lễ cầu siêu vô cùng thành kính, xong xuôi việc cúng tế thì lệnh truyền ba quân kiểm điểm binh mã, sửa sang thuyền bè, đợi gió nồm thổi ra đặng hồi hương về lại Quy Nhơn. Để vỗ về bá tánh yên tâm làm ăn thịnh vượng, Nguyễn Huệ sắp đặt chức quan cai quản thành Gia Định, thúc đẩy việc an bang kinh tế, cử Đỗ Nhân Trập trấn thủ thành hầu hướng hóa nhân dân ngày thêm phát triển.

Tin tức về Nguyễn Huệ kéo binh trở lại Quy Nhơn khiến Nguyễn Vương mừng rỡ, quyết tổ chức lại binh mã để tập hợp các tướng sĩ khôi phục nghiệp chúa, sai Châu Văn Tiếp đem toàn bộ binh mã cùng súng thần công tấn công thành Gia Định. Gần nửa tháng trời mà Đỗ Nhân Trập không được cứu viện đành đóng cửa thành chống đỡ, lương thực cạn dần, binh sĩ thương tật nên quân Tây Sơn đành phải rút lui. Gia Định thành lọt vào tay cai quản của Nguyễn Phúc Ánh, chúa Nguyễn bèn cho tổ chức quân binh rất tinh nhuệ, phòng thủ kỹ lưỡng, mời giám mục Bá Đa Lộc làm cố vấn để giúp ý trong việc tiếp giao với các nước tây phương về việc mượn chiến thuyền và mua súng ống, đạn dược chống lại quân Tây Sơn.

Mùa thu năm Nhâm Dần (1782), Nguyễn Phúc Ánh đóng quân phía nam sông Sài Gòn và sai Dương Văn Trưng lập lũy Vàm Cỏ ở bờ phía nam để bảo vệ; phía bắc sai Tôn Thất Môn lập lũy Cá Trê, hai bên có cầu tre giao thông, ở giữa sông cho kết bè nứa chát thuốc nổ rồi nhữ quân Tây Sơn đi vào đặng tiêu diệt.

Năm Quý Mão (1783) Thái Đức Hoàng đế nghe tin thành Gia Định thất thủ và Nguyễn Phúc Ánh lại lập thành lũy để chờ quân Tây Sơn vào lưới. Vua Tây Sơn liền sai hai em là Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ hợp cùng ba trăm chiến thuyền, năm ngàn binh tinh nhuệ theo mùa gió tháng Ba âm lịch tấn công.

Đến cửa Cần Giờ thì Nguyễn Huệ cho quân do thám để nắm tình hình đối phương; quân Tây Sơn biết được giữa cầu tre có tên Giám quân họ Tô kết bè chát thuốc nổ, hai bên lũy Vàm Cỏ và Cá Trê thì quân binh thay phiên mai phục; Nguyễn Huệ suy nghĩ kế hoạch thật mau lẹ, phân đại quân ra làm hai ngả rồi lệnh truyền đến chư tướng:

- Tư khấu Nguyễn Văn Kim chỉ huy một ngàn quân đánh lũy Cá Trê phía Bắc.

- Đô đốc Lê Văn Kế dẫn hai ngàn binh đánh lũy Vàm Cỏ phía Nam.

- Nguyễn Huệ điều khiển hai ngàn tinh binh còn lại núp trong chiến thuyền đợi nước thủy triều dâng lên thì xông thẳng vào đại bản doanh của Nguyễn Phúc Ánh tại thành Gia Định. Khi gió đông thổi lên ào ạt, hỏa công của Nguyễn Lữ châm bùng cháy ngược theo đà tiến binh của quân Tây Sơn. Hai bên xông trận trong ánh lửa rợp trời, binh khí va chạm nghe rợn người mà tiếng hét của người bị chém còn kinh hoàng thản thốt. Cuộc chiến long trời lở đất một lần nữa lại diễn tiến trên cùng khúc sông Sài Gòn. Tiếng ghe thuyền va nhau vỡ tung như sấm sét vang dội cả một góc trời. Đô đốc Kế chém đứt cầu Giấy, nơi nối liền hai lũy Vàm Cỏ và Cá Trê. Tướng Tôn Thất Môn bị tấn công bất ngờ, chống đỡ được vài ba hiệp thì bị Tư khấu Nguyễn Văn Kim chém đứt đầu; thấy như vậy nên Dương Văn Trưng xuống thuyền chèo qua mé nam trốn chạy, không ngờ bị Lê Văn Kế bắt sống.

Tất cả thuyền bè của Nguyễn Phúc Ánh bị đốt cháy rụi, Châu Văn Tiếp một mình chạy thẳng qua Xiêm La; Nguyễn Phúc Ánh chỉ còn được sáu bảy tùy tướng với hơn trăm tàn quân đông thẳng ra Hà Tiên gặp Bá Đa Lộc, sau khi bàn xong kế hoạch phục thù, hai người cùng lên tàu chạy ra đảo Phú Quốc để củng cố thế lực.

Biết cuối hạ sang thu thì gió thuận mùa thổi ra, Nguyễn Phúc Ánh đoán chắc quân Tây Sơn rút binh trở về Quy Nhơn nên tung hết lực lượng để đánh một trận sanh tử báo thù. Chúa Nguyễn bèn tập trung binh tướng ở tại Đồng Tuyên phía đông nam thành Gia Định để chiêu mộ thêm quân binh, sửa sang chiến thuyền, rèn thêm khí giới; phong cho Nguyễn Kim Phàm làm Tiên phong tướng



quân, đồng thời mượn thêm một số lính Chân Lạp giao cho Nguyễn Huỳnh Đức chỉ huy hậu ứng; trung quân có Trần Đại Thế, Tả quân có Lê Hoảng, Hữu quân có Nguyễn Đình Quý tập trận rầm rộ vang động cả góc trời nam.

Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ đoán đúng như thần, rằng ý định của Nguyễn Phúc Ánh thế nào cũng quy tụ binh mã phản công một trận; do vậy mà một mặt quân Tây Sơn rầm rộ kéo nhau chuẩn bị quay về Quy Nhơn, mặt khác cho quân binh ẩn núp ở những bờ lũy có đừa nước mọc um tùm.

Nửa đêm hạ tuần tháng Sáu trời tối đen như mực, Nguyễn Phúc Ánh tiên binh khai hỏa đánh úp hậu quân Tây Sơn để phục hận. Không ngờ quân chúa Nguyễn vừa vào thế trận như chỗ không người thì tiếng pháo đại nổ âm vang, hàng hàng lớp lớp quân Tây Sơn xuất hiện tứ bề vây phủ kín mít.

Kế hoạch như thế này, số là ban ngày quân Tây Sơn cho rút binh, nhưng đợi khi mặt trời lặn xuống chân mây thì thủy quân ngoài khơi lại quay mũi kéo nhau vào bao kín mặt bể không cho đối phương tháo chạy.

Nghe tiếng pháo lệnh khai hỏa từ phía tiên phong tướng quân Nguyễn Kim Phẩm nổ vang thì Nguyễn Phúc Ánh mới giật mình biết vào bẫy sập, vừa hoang mang mà chưa nghe động tĩnh gì cả, Nguyễn định quay thuyền trở lại thì tiếng hò reo của quân Tây Sơn khắp bốn bề làm cho cánh trung quân của Trần Đại Thế lúng túng không biết cách nào chống đỡ. Vài giờ giao tranh thì phó tướng trung quân bị chém đứt đầu, Trần Đại Thế bị đâm nát óc và đám loạn quân bị không chế hoàn toàn. Cánh hữu quân kéo tới tiếp ứng thì Tây Sơn Đô đốc Kế chém một nhát làm cho Phó súy Nguyễn Đình Quý không kịp trở tay, ngã xuống nước chết trôi.

Nguyễn Huỳnh Đức dẫn đám lính Chân Lạp chạy qua phía nam thì gặp Hồ Đồng đem quân tới cứu. Hai vị tướng của chúa Nguyễn vừa phối hợp đề lo cứu giá nhưng bị Tư khấu Nguyễn Văn Kim đón đường vây bắt sống. Hàng ngàn binh lính của Nguyễn Phúc Ánh lớp bị chết do gươm đao hoặc bị rút xuống sông chết đuối.

Nguyễn Phúc Ánh thấy không còn cách nào chống cự, nhìn các viên tướng bị giết chết hoặc bị bắt sống không thể phò giá được nên phải tự mình nhảy xuống nước, bơi vào bờ, giả dạng làm dân để trốn về Mỹ Tho rồi đưa quyền thuộc chạy ra đảo Phú Quốc nương náu.

Nghe tin Nguyễn Phúc Ánh trốn thoát ra Phú quốc, lần này Nguyễn Huệ sai Thượng tướng Phan Tấn Thuận kéo một ngàn thủy binh và tám chục chiến thuyền dong buồm thẳng ra Phú Quốc phủ vây bắt cho được Nguyễn Phúc Ánh.

Trong thế cùng cực nguy nan như vậy, cai cơ Lê Phước Điền đề nghị với chúa Nguyễn dùng kế “Du long chuyển phượng”<sup>(1)</sup> mà trước kia Lê Lai mặc áo

hoàng bào xuất trận hy sinh cho Lê Lợi để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Minh.

Nghe xong lời tấu trình của tỳ tướng, Nguyễn Phúc Ánh cỡi vương bào cho Lê Phước Điền xông trận chịu chết.

Phan Tuấn Thuận kéo binh xông vào và chém chết Lê Phước Điền tướng là Nguyễn Phúc Ánh nên cho thu binh trở về.

Đến Gia Định thì Tây Sơn lại nghe Nguyễn Phúc Ánh còn sống trốn ở đảo Cổ Long trong nước Xiêm la bên cửa Komongsom, tức tức Nguyễn Huệ phái phò mã Trương Văn Đa đem binh vây kín đảo Cổ Long trùng điệp quyết bắt cho kỳ được Nguyễn Phúc Ánh.

*(1) Kế binh pháp Tôn Tử biến rồng thành phượng*

Cơ trời chưa nở hại nốt dòng chúa Nguyễn. Ngay tháng Bảy năm ấy lại có trận cuồng phong dữ dội nổi lên làm chiến thuyền của Tây Sơn bị đắm, thừa cơ hội giông tố, Nguyễn Phúc Ánh chạy sang đảo Cổ Cốt, Thổ Chu, và các đảo ven Rạch Giá, Hà Tiên ẩn núp.

Phò mã Trương Văn Đa kéo binh về lại Gia Định thành cùng Chương Tiễn Bảo trấn thủ và cho quân đánh dẹp những quân binh bại tướng của Nguyễn Phúc Ánh, tuy vậy tỳ tướng của Châu Văn Tiếp vẫn hoạt động hữu hiệu ở vùng Long Xuyên, mấy lần đánh dẹp nhưng không bắt được soái tướng của đối phương nên Trương Văn Đa chờ qua xuân khi nắng ấm trở lại thì sẽ hành quân tiêu trừ một trận. Hay tin, Châu Văn Tiếp vội chạy sang Xiêm La cầu cứu viện binh nhờ giúp đỡ.

Thế cùng lực tận, Nguyễn Phúc Ánh phải chạy hết đảo này qua đảo kia ẩn náu, thậm chí lương thực cũng không đủ ăn. Đến lúc ấy Nguyễn Phúc Ánh phải nhờ Giám mục Bá Đa Lộc cầu viện binh của Pháp để xin một ngàn rưỡi quân lính Tây phương, tàu bè, súng ống, đạn dược đặng chống lại với Tây Sơn. Để cho Pháp tin tưởng, Nguyễn Phúc Ánh đã phải gởi con trai là Hoàng tử Cảnh mới có bốn tuổi đi qua Pháp để chứng tỏ lòng thành của mình.

Một mặt, Nguyễn Phúc Ánh sang hội kiến với vua Xiêm La là Phật Vương vốn có mối giao hảo tốt đẹp vì trước đó Nguyễn Hữu Thoại đã giúp Phật Vương đánh đổ Phan Nha Văn Sai và Trịnh Quốc Anh là các hoàng đế Xiêm La để tự lên làm Vua.

Hơn nữa, khi phò mã Trương Văn Đa đem quân truy lùng bại binh của Nguyễn Phúc Ánh tại đất Chân Lạp thì gặp đoàn quân của Xiêm La đang xâm lấn Chân Lạp, nhân cơ hội ấy mà hai bên đụng độ nhau một trận sống mái buộc quân Xiêm phải kéo binh về bản quốc khiến vua Xiêm bực tức vô ngần và có ý hiềm khích nhà Tây Sơn.

Nhân thế đó thì Châu Văn Tiếp và Nguyễn Phúc Ánh cầu cứu xin quân viện để đánh Tây Sơn, vua Xiêm La là Phật Vương liền hưởng ứng ngay bằng cách sai hai đại tướng tài ba của Xiêm là Thiên Tăng và Thiên Sương thống lãnh năm chục ngàn đại quân gồm hai mươi ngàn thủy binh và ba chục ngàn bộ binh hộ tống Nguyễn Phúc Ánh và đoàn tùy tướng về nước với quyết tâm đánh bại Tây Sơn.

Quân Xiêm La như một đội quân đánh thuê, chém mướn; mặc tình dân nam đang sống trong cảnh khổ cực vì nội tình chiến tranh nhưng chúng tràn qua rồi ra sức cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ, phá phách cửa nhà, làm nhiều điều tàn độc đối với cư dân vùng Rạch giá, Ba thắc, Trà ôn. Chúng tiến đến miền đất Sa đéc như chỗ không người, cướp phá dã man các nơi chúng đi qua, không tha cho bất cứ người đàn bà, phụ nữ, trẻ em nào chúng có thể hiếp; tất cả những gì tội lỗi nhất chúng đều thực hiện để thỏa mãn dục tính và ra oai với người ngoại quốc. Dân chúng than oán thấu trời khiến quan địa phương của Tây Sơn phải rút về Gia định cố thủ, trong khi đó thì quan lại tùy tùng của chúa Nguyễn cũng không ngăn nổi những quấy nhiễu tàn ác mà bọn lính Xiêm la gây ra.

Nguyễn Phúc Ánh về gần đến Mỹ Tho thì cho dựng trại, tụ tập các tướng cũ lưu lạc khắp nơi dựng lợi dụng quân Xiêm thừa cơ đánh chiếm Vũng liêm, Ba lại, Trà lot để giải tỏa các tướng bị bắt giam trong các trận Đồng tuyên và Cần giờ năm trước.

Tướng Tây Sơn là Chương Tiền Bảo dẫn quân tới Mân Thít thì dựng đội quân hỗn hợp của Châu Văn Tiếp, hai bên lập tức khai pháo lệnh rồi xáp vào tử chiến, lúc thì phía Tây Sơn rút lui, khi thì Châu Văn Tiếp cố thủ nhưng tình thế trông như chưa phân thắng bại suốt hai ngày đêm không ngưng. Ngày thứ ba thì quân Xiêm La đem hỏa lực tiếp cứu bèn công phá tiền đồn, tướng quân Chương Tiền Bảo tử thương. Thấy chủ soái lâm nạn mà ngay lúc đó quân Tây Sơn đầu hàng cũng không tránh khỏi sự tàn sát dã man của quân Xiêm, chi bằng quân Tây Sơn liều chết để mở vòng vây đánh một trận kinh hoàng khiến cho tướng Châu Văn Tiếp bị thương nặng, phải chết sau đó ít ngày, quân Tây Sơn lui về Gia định.

Phò mã Trương Văn Đa vội cấp báo về Hoàng đế thành Quy Nhơn, gồm binh mã tạm thời án ngữ ở Vĩnh Long chờ cứu viện.

Được tin cấp báo có quân Xiêm La kéo năm vạn binh sang phò Nguyễn Phúc Ánh lại tạo bao chuyện cướp phá dân lành, hãm hại đàn bà, phụ nữ nên Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ tức tốc đem hai vạn tinh binh xuống thuyền theo đường biển cả trực chỉ nam phương trong tiết Quý đông năm Giáp Thìn (1784) để tiêu trừ bọn xâm lăng và trị tội đám vương thần ngu xuẩn.

Từ những con lạch nhỏ đổ nước về sông Tiền giang làm cho dòng nước chảy cuồn cuộn xuôi về Nam hải, thật là một cảnh trời mây non nước hữu tình

nếu như nơi đây không có chiến tranh thì ngư dân làm ăn trù phú biết bao. Nhưng cũng từ con sông đầy áp nước, quân Xiêm đã hãm hiếp phụ nữ, đàn bà cho đến chết rồi thả trôi lênh bênh trên dòng nước vô tình ấy khiến cho cả chủ tướng lẫn binh sĩ Tây Sơn nghẹn ngào, rơi lệ mà quyết tâm khử trừ bọn xâm lược dã man. Cũng tại nơi giao tiếp giữa sông lạch um tùm cây cối, Nguyễn Huệ lệnh cho thủy binh đổ bộ lên bờ, im lặng mai phục chờ phát pháo khai hỏa. Nơi đây người dân gọi là rạch Gầm và con lạch kia được biết địa danh là rạch Xoài Mút, quân Tây Sơn dùng thuyền nan câu cá với đội quân tinh nhuệ lướt nhẹ trên dòng, lính Xiêm La đang ra sức vơ vét của cải nên thấy vài ba chiếc thuyền nan của quân Tây Sơn xuất hiện thì cũng chẳng ăn nhập vào đâu so với đại quân năm vạn binh hùng từ phương nam kéo tới.

Nói về đại quân của tướng Chiêu Tăng và Chiêu Sương trú ngụ trên thuyền một cách êm ả suốt nhiều tháng ròng nên đâm ra ỷ lại, tưởng vùng đất hiền hòa này dễ bắt nạt đàn bà, con gái và dân lành nên chỉ biết say sưa nhậu nhẹt đêm ngày. Không ngờ khi Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ xuất hiện chỉ huy thì quân lính tây Sơn cũng chỉ có vài ba thuyền nhỏ vừa đánh, vừa chạy. Để thị uy oai danh của đại đế Phật vương xứ chùa vàng, Chiêu Tăng truyền hai vạn thủy quân rượt bắt những chiến thuyền Tây Sơn khiêu khích. Kinh nghiệm về uy lực của các danh tướng Tây Sơn khiến cho Nguyễn Phúc Ánh dè dặt và thận trọng nhưng với Chiêu Tăng và Chiêu Sương thì “thieu thân biết sợ lửa là gì?”.

Ngồi trên chiến thuyền nhìn sông nước yên bình trôi chảy, Long Nhượng tướng quân quyết rửa hận cho đồng bào bằng dòng nước trong xanh này, đó là ngày Mười tám tháng Giêng năm Ất Tỵ (1785), Nguyễn Huệ lệnh truyền cho ba quân ăn uống no nê rồi khiêu chiến. Quân Xiêm la thấy thủy binh Tây Sơn xuất hiện thì rượt đuổi, quân Tây Sơn rút lui vào lạch rồi đợi cho gần năm vạn binh Xiêm vào trận, Nguyễn Huệ cho phát pháo lệnh khai hỏa tấn công, như sao sa rơi rụng, quân sĩ hò la vang dội, trống thúc quân âm vang thúc dục, thương, đao, cung, kiếm một lượt xuất binh chém chết hàng vạn quân Xiêm La, đốt sạch thuyền bè của địch, đám quân Xiêm sống sót được vài ngàn lao xuống nước trốn vào lau lách và dứa nước rồi mò về Xiêm bằng đường thượng đạo, băng qua núi rừng Chân Lạp, vượt suối trèo đèo mới về đến đất Xiêm mà hôn vía, gan mật vẫn còn khiếp đảm đến lúc gần nhắm mắt lia đời mà có kẻ còn điếng lạnh thấu xương khi nhắc đến Long Nhượng tướng quân đất Việt.

Mưu lược như thần, tài trí ngang dọc vẫy vùng làm kinh hoàng vỡ mật bọn Xiêm La nuôi mộng xâm lăng nước Việt. Danh tướng Nguyễn Huệ đã làm cho quân Xiêm sợ hơn sư tử khiến Phật Vương hết dám nghĩ đến chuyện giúp chúa Nguyễn rồi lợi dụng lấn chiếm đất Việt.

Nguyễn Phúc Ánh thất bại chua cay, ê chề trong sự nghiệp phục hưng ngôi chúa. Lần này Nguyễn Phúc Ánh chạy ra Phú Quốc với vài tùy tướng tin

cần, tuyệt nhiên không còn tư tưởng đến thành Gia Định hay đất Phú Xuân mà ngày đêm chỉ mong ngóng tin tức của chuyến đi Pháp thương thuyết bởi Giám mục Bá Đa Lộc.

Đại thắng trận Rạch Gầm, Xoài Mút trên sông Tiền Giang làm chấn động cả nước Chân Lạp và Xiêm La, khiến các quốc vương xứ này bỏ ý định lấn sang chiếm đất, đặc biệt là Nguyễn Phúc Ánh khiếp sợ uy danh đến độ không còn mong phục thù gì cả nếu không có sự trợ giúp vũ khí, binh bị và quân đội từ các nước tây phương.

Quả thật, Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ đã nghiên cứu để phát hiện ra những sai lầm của đối phương ngõ hầu từ đó quyết đem hết tâm ý ứng phó kịp thời, chính xác. Đặc điểm xuất sắc nữa là tướng quân luôn vươn lên, dành quyền chủ động điều khiển thế trận theo cách biến hóa mưu lược của một bộ óc rất linh hoạt và sáng tạo. Tài năng quân sự của Long Nhượng tướng quân được bộc lộ rõ là một nhà chỉ huy thiên tài, uy tín của Nguyễn Huệ đã chấn động khắp nơi nên phía nam đất Việt nhờ vậy mà tình hình tạm thời an ổn, các quan Tây Sơn giữ thành bớt đi những quấy nhiễu lật lật, Nguyễn Huệ vỗ về dân chúng, trả lại sự bình an cho dân lành rồi làm lễ cầu siêu cho vong hồn tướng sĩ đôi bên được siêu thoát trước khi kéo binh trở về Quy Nhơn lo việc củng cố binh lực để đưa đất nước đến cảnh thống nhất, an bình thịnh trị.

## CHƯƠNG VII

Nguyễn Hữu Chỉnh (1741-1788) đỗ Hương Cống từ lúc mười sáu tuổi, thông minh tuyệt vời, hào hoa phong nhã, cơ mưu tài trí, biện bác lý luận vững chải mà tánh lại can đảm, lạnh lợi. Khi Hoàng Ngũ Phúc đóng quân tại Phú Xuân có sai Nguyễn Hữu Chỉnh đem sắc ấn, cờ, kiếm vào phong cho Nguyễn Huệ là Tây Sơn Trương Hiệu Trung Tiết Tướng Quân của chúa Trịnh từ Thăng Long gửi vào.

Do đi lại nhiều lần với triều đình Tây Sơn, Nguyễn Hữu Chỉnh có mối quan hệ mật thiết với Nguyễn Huệ.

Tháng Chạp năm Ất Mùi (1775), Hoàng Ngũ Phúc bị bệnh dịch mà mất tại Phú Xuân thì Nguyễn Hữu Chỉnh theo cùng Hoàng Đình Bảo.

Huyện Chân Lộc, Nghệ An là vùng duyên hải nơi quê Nguyễn Hữu Chinh lớn lên, do vậy mà việc thuyền bè, bơi lội cũng như những trò chơi trên sóng nước đã đào luyện một tráng sĩ tài năng và linh hoạt. Sau khi được trọng dụng và thân làm tướng thì Nguyễn Hữu Chinh thường được phái đi đánh giặc Bê nên khiến nhân dân vùng bê nể sợ uy danh và đặt cho cái biệt danh là chim dữ.

Nói về phủ chúa đằng ngoài thì Trịnh Sâm ngày đêm say đắm nàng hầu là Đặng Thị Huệ, người con gái đất Thăng Long có nhan sắc chim sa cá lặn nên chúa Trịnh sao nhãng việc triều đình. Vì được nuông chiều hết mực, Huệ nói gì thì Sâm cũng nhất nhất nghe theo, càng ngày thì biết Trịnh chúa say mê mình hết mực nên tỏ ra lộng quyền, xem thường phép nước. Huệ có người em trai là Đặng Mậu Lân tính khí ngang ngược mà lại rất hung tợn, cậy thế chị mà hà hiếp dân lành, làm điều bất lương phi pháp. Quân thần rất oán ghét nhưng không ai làm gì được bởi Trịnh Sâm nghe lời Huệ mà bao che.

Ít lâu sau Đặng Thị Huệ sinh được một đứa con trai, dĩ nhiên chúa rất cưng chiều và lấy tên cũ của mình lúc nhỏ đặt cho tên con tức là Trịnh Cán.

Huệ mưu với em là Đặng Mậu Lân, lúc đó đang cai quản quân binh cấm vệ phé con trưởng là Trịnh Khải để lập con mình là Trịnh Cán lên ngôi Thế tử nhà chúa.

Năm Nhâm Dần (1782) Trịnh Sâm băng hà để di chiếu lập Trịnh Cán làm chúa và Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo làm Phụ chính đại thần.

Trong phủ chúa đã có manh nha chia làm hai phe, kẻ theo phò Trịnh Khải, người theo Đặng Thị Huệ phò Trịnh Cán lên ngôi.

Đất Thăng Long chỉ dùng binh lính Thanh Hóa và Nghệ An coi sóc gọi là Ưu binh. Khi chuyện phé lập bất chính ở phủ chúa làm cho quân thần và nhân dân tím tím nói ra nói vào; tức mình nên đại thần Nguyễn Bằng mới bắt mất bèn vào phủ đánh trống cho binh lính đội Ưu binh kéo quân vây kín, giết chết Hoàng Đình Bảo rồi hạ ngục hai mẹ con Trịnh Cán và lập Trịnh Khải lên ngôi chúa năm Nhâm Dần (1782)

Nguyễn Hữu Chinh thấy chủ soái là Hoàng Đình Bảo bị kiêu binh sát hại bèn trốn vào Nghệ An bàn với quan trấn thủ Võ Tá Giao cử binh đánh Thăng Long và lập riêng xứ Nghệ An không phục tùng chúa Trịnh. Đại quan họ Võ nghe xong sợ hãi mặt mày xanh lét, không dám khinh xuất để bị mất đầu nên ngần ngại chưa biết xử sự ra sao, thấy thế Nguyễn Hữu Chinh bỏ vào Quy Nhơn theo đầu phục Tây Sơn vương là Thái Đức Hoàng đế để cùng mưu việc đại nghiệp sau này.

Từ thuở Đoan quận công Nguyễn Hoàng xưng chúa và khai mở đất Nam hà phía trong dãy Hoàng sơn cho đến thời đại Nguyễn Phúc Khoát vẫn lấy đất

Thuận Hóa gây dựng vương triều nghiệp chủ và Phú Xuân trở nên chốn kinh kỳ, đô hội phía đàng Trong. Tuy phần vinh về kinh tế, phát triển về học thuật, chùa chiền được khai mở khắp nơi để nhân dân có chỗ chiêm bái..v..v; duy chỉ có một việc bất xứng là quyền thần Trương Phúc Loan đã lộng quyền, không đem tài ra giúp dân, giúp nước, ngược lại còn vơ vét của cải, chia bè, kết đảng gây bao cảnh thương tâm để muôn dân lâm vào tình huống khổ ải, đồ thán.

Sự than oán dẫn đến sự chống đối từ phía nhân dân nên khiến cho chúa Trịnh Sâm đàng ngoài có cơ hội sai Việp quận Công Hoàng Ngũ Phúc đem ba vạn binh mã chiếm đóng Phú Xuân vào đầu năm Ất Mùi (1775). Thời gian này, triều đình Nam hà phía đàng trong lần lần mất ngôi và cơ đồ chúa Trịnh kéo dài quyền uy đến tận Quảng Nam.

Trong bối cảnh cực kỳ phức tạp giữa hai gọng kìm nam bắc, anh em Tây Sơn phải dùng mưu trí để hòa hoãn với quân Trịnh chờ đợi thời cơ củng cố binh lực cho một ngày tổng phản công.

Đất Thuận Hóa trải qua nhiều năm do Hoàng Ngũ Phúc trấn thủ rồi bàn giao cho Bùi Thế Đạt; đến năm Nhâm Dần thì tướng công Phạm Ngô Cầu được bổ nhiệm làm trấn thủ, cai quản vùng đất vốn được khai hóa bởi Đoàn quận công Nguyễn Hoàng.

Ngoài Thăng Long thì nạn kiêu binh do đám lính Ưu vệ xuất thân từ đất Nghệ An, Thanh Hóa cậy quyền, ý thế khi phò Trịnh Khải lên nắm ngai chúa, vì đó mà sự lên mặt hống hách với dân mỗi ngày một tích tụ đã gây bao cách oan tức bạo ngược, trái với pháp luật triều đình, mà ngược với luân thường đạo lý; dù là những việc làm phi đạo vô lương như thế mà không có quan tướng nào khắc trị để vờ về bá tánh.

Các phủ huyện và trấn thành phía đàng ngoài không còn sức can ngăn những đám người nổi lên cướp bóc, binh quân cũng không được tôi luyện nghiêm mật nên có nơi hòa theo đám bất lương mà đục khoét công quỹ triều đình.

Thành Phú Xuân từ ngày vào tay cai quản của đàng Ngoài thì cũng bị ảnh hưởng dây chuyền bởi đám lính ưa hà hiếp dân lành hơn là thi hành nghĩa vụ. Trước cảnh than oán của muôn dân dưới quyền thống trị của quan lại Bắc hà vô cùng tàn độc, những cuộc tranh giành quyền lực địa phương đã dẫn đến biết bao gia đình tan nát, giặc dã nổi lên như nấm, cướp bóc và chém giết đã là một sống của cả quan lại và dân chúng phía đàng Ngoài mà cả phủ chúa hay dinh vua cũng đều bắt lực.

Trước hoàn cảnh bi đát của hơn nửa nước như vậy mà tình hình phía nam tương đối ổn định hơn, Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ liền bàn với vương huynh là Thái Đức Nguyễn Nhạc nên cử binh ra đánh Phú Xuân.

Thái Đức Hoàng để thiết triều triệu tập bá quan văn võ để bàn kế hoạch tấn binh và hỏi ý các tướng xuất phát từ Bắc hà.

Nguyễn Hữu Chinh quỳ tấu trình địa hình Phú Xuân cùng những cơ mật bí hiểm trên các núi Hải Vân và chi tiết bản đồ địa dư chỉ vẽ các kho lương thực thiết yếu xây dựng hai bên bờ sông Hương. Khi được hỏi đến tài đức của tướng trấn thủ Thuận Hóa là Phạm Ngô Cầu thì Chinh liền trả lời:

-“ Khái tấu Hoàng thượng, quan trấn thủ là kẻ bất tài, vô tướng, ưa chuyện bói toán thần linh mà không chăm lo dân tình đang rên xiết, chỉ ngại nhất là Hoàng Đình Thê, phó tướng trấn thủ mà thôi, nhưng hai vị này cũng không thuận thảo cho lắm!”.

Nguyễn Huệ vừa nghe xong liền nghĩ đến xử dụng kế “di thi giá hoạ”<sup>(1)</sup> để tạo nghi ngờ giữa hai người vốn có hiềm khích với nhau, Phạm Ngô Cầu chủ tướng lại đần độn, tham lam và Hoàng Đình Thê phó tướng lại gan dạ trung kiên; việc này Nguyễn Huệ cảm tay Nguyễn Hữu Chinh ân cần nhờ thực hiện.

Mặt khác, Nguyễn Huệ cho mời một thuật sĩ bói toán người Tàu đang sống ở Quy Nhơn vào thành nhận lệnh...

Tháng Tư năm Bính Ngọ (1786) một chiếc tàu buôn từ Quy Nhơn cập bến Phú Xuân. Trên tàu, một thuật sĩ xuất hiện và đi về hướng thành Phú Xuân tìm gặp Quân Tào Phạm Ngô Cầu. Qua đôi tuần trà mời khách, Thuật sĩ đem nghề riêng khen Quân Tào là tướng Đại trượng phu, hậu vận sẽ tiến đến đệ nhất phẩm triều đình, quyền cao chức trọng, phú quý vinh hoa. Có điều

(1) Kế sách vu oan như đem vật quốc cấm bỏ vào nhà  
 người  
 bốn mạng năm nay bị La hầu chiếu mạng, tháng Tư, tháng Bảy gặp chuyện tiểu hạn, tai ương. Nếu tướng công lập đàn chay giải trừ tiểu hạn trong bảy ngày đêm thì phúc đức vô ngần, thọ tử Nam sơn, phúc như Đông hải.

Nghe lời bói toán có vẻ linh thiêng, Quân Tào Phạm Ngô Cầu hí hửng mời thầy ở lại lập đàn tràng lễ cúng trời đất. Thuật sĩ bói một quẻ tìm nơi lập đàn, quẻ ứng cung Càn thuận hướng Tây Bắc nên phải đến chùa Thiên Mục bên dòng sông Hương lập trai đàn khai đại lễ kỳ an. Việc cầu khẩn cúng tế cần phải ăn chay thanh tịnh, thành kính nhất tâm, thức đêm hầu lễ và tất cả quân lính trong thành cần phải chí tâm cùng cầu nguyện. Bảy ngày đêm thức khuya dậy sớm, phục dịch miệt mài lễ hội khiến phó tướng Hoàng Đình Thê bức rức khó chịu vô cùng.

Nguyễn Huệ cho thuật sĩ đi xong thì lập tức phân binh như sau:

Đạo thứ nhất do Tiết chế Nguyễn Lữ thống lĩnh thủy binh đánh vào mặt đông Phú Xuân, phá vỡ các công sự phòng thủ của quân Trịnh rồi chờ kết hợp với bộ binh tiến vào thành.



Đạo quân thứ hai do Tả quân Vũ Văn Nhậm chỉ huy kéo binh bọc hậu chặn đường tiếp tế từ Thăng Long vào, cố cầm chân không cho quân phi báo về Trịnh Khải, đồng thời đánh thốc vào lưng thành Phú Xuân.

Đạo quân thứ ba là đạo quân chủ lực do Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Hữu Chỉnh thống lĩnh bộ binh và kỵ binh theo ngả đèo Hải Vân đánh thẳng vào phòng tuyến phía Nam của Phạm Ngô Cầu, hai mặt giáp công bởi sự phối hợp với Tiết chế Nguyễn Lữ cùng trực diện xông thẳng vào công thành. Nguyễn Huệ phân công tác xong thì lập tức cử đại binh tấn phát.

\*

\*\*

Lễ cầu an giải hạn cúng sao đến ngày thứ bảy thì Phạm Ngô Cầu nhận tin quân Tây Sơn lấy được đồn Hải Vân, tướng giữ đồn là Hoàng Nghĩa Hồ tử trận cùng lúc ấy nghe cấp báo là thủy quân Tây Sơn vào tới cửa bể kết hợp với bộ binh tấn công trực diện nam môn Phú Xuân.

Phạm Ngô Cầu bèn triệu tập các tướng hội ý tìm phương chống đỡ thì phó tướng Hoàng Đình Thề tỏ ý bực dọc, các tướng khác thì hoang mang vì nghe oai danh Nguyễn Huệ từ phương nam khiến ai nấy sợ xanh mặt, kẻ bàn hòa, người bàn chiến mà chẳng đi đến quyết định nào.

Trong lúc bối rối chưa ngã ngũ ra sao thì Nguyễn Hữu Chỉnh viết bức thư đề gởi cho Hoàng Đình Thề với lời lẽ chí thiết, tâm tình kêu gọi hợp tác với Tây Sơn dựng mở cửa thành thì sẽ được vinh hoa phú quý. Bức thư lại không đưa cho Hoàng Đình Thề mà đưa thẳng đến Phạm Ngô Cầu; được bức thư, Cầu sinh tâm nghĩ là Hoàng Đình Thề làm nội ứng nên ém nhem bức thư rồi sai Hoàng Đình Thề kéo binh nghênh chiến.

Phó tướng Hoàng Đình Thề cỡi voi ra trận dựa lưng vào thành chống đỡ có tả hữu tướng quân đi kèm. Đạn pháo của Hoàng Đình Thề bắn ra như mưa nhưng quân Tây Sơn nhờ luyện tập dồi dào nên chống cự linh động; đến khi hết đạn nhưng Phạm Ngô Cầu đóng kín cửa thành không tiếp cứu cho Hoàng Đình Thề, vả lại mấy ngày đêm phải thức để hầu lễ tế đàn, phần thì tướng soái nghi kỵ lẫn nhau mà quân Tây Sơn thì danh vang khắp chốn nên chỉ qua hai canh giao chiến thì Hoàng Đình Thề đã bị loạn tiễn găm vào tim chết trên bành voi, toàn bộ quân binh liền tan rã chạy tứ tán.

Phạm Ngô Cầu khi biết tin Hoàng Đình Thề tử trận thì mới hay bị trúng kế “di thi giá hoạ”, kiểm lại binh mã thì chẳng thấm vào đâu mà các tướng của họ Phạm cũng toàn là hữu danh vô thực nên không còn cách nào hơn là treo cờ trắng, tự trói tay nạp mình cho Tây Sơn.

Nguyễn Huệ liền giải Phạm Ngô Cầu về Quy nhơn chịu tội chém. Binh lính dưới quyền của Phạm Ngô Cầu phần nhiều buông kiếm đầu hàng, có kẻ trốn

thoát chạy về quê; riêng dân chúng Thuận Hóa thì mừng vô kể vì bọn chúng đã gây thù chuốc oán với lương dân quá khủng khiếp nên hễ trốn chỗ nào đều bị nhân dân tố cáo thẳng với Tây Sơn.

Sáng tinh khôi ngày Mười một tháng Sáu năm Bính ngọ (1786) bầu trời trong xanh, gió từ bể đông thổi mát đất Thuận Hóa và thành đô rộn ràng như thấy hội hoa đăng chính là lúc Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ vào thành Phú Xuân thiết lễ cầu siêu chiến sĩ trận vong thật long trọng rồi nhân đó một mặt vỗ về dân chúng, mặt khác kêu gọi sĩ phu hợp tác để phò Lê diệt Trịnh. Trần Văn Kỷ, một danh sĩ Bắc hà liền hợp tác với Tây Sơn và đem nhiều mưu kế giúp Nguyễn Huệ làm nên nghiệp lớn!

Nguyễn Huệ khao quân rồi cùng các quan tướng bàn thảo kế hoạch an dân tại thành Phú Xuân; thấy như vậy thì Nguyễn Hữu Chính thưa rằng.

“-Tướng quân phụng mệnh Vương huynh tấn binh một trận mà lấy được Thuận Hóa như trở bàn tay, danh vang khắp chốn Bắc hà; phạm cái phép dụng binh thì một thời, hai thế, ba cơ hợp nhất mà đánh đâu chẳng được. Giờ thì Bắc hà mục nát, tướng thì lười, quân thì kiêu, triều đình không còn tôn ti, kỷ cương phép nước gì cả; nếu tướng quân nhân cơ hội này mà xuất binh đánh Bắc hà thì chúa Trịnh ắt phải tiêu vong mà cứu được muôn dân đang bị chèn ép. Tướng công đừng bỏ mất cái thời, cái thế, cái cơ thì uổng vô vàn”.

Nguyễn Huệ nghe Chính thưa xong liền nói:

“- Ở đất Bắc hà có nhiều nhân tài, không nên coi thường”.

Chính đáp:

“- Nhân tài Bắc hà không có ai ngoài Nguyễn Hữu Chính, nay Chính đã vào trướng Tây Sơn thì đất bắc còn ai nữa mà lo”.

Nguyễn Huệ cười lớn:

“- Đấy, người khác thì không ngại, chỉ ngại có ông đấy thôi!.”

Hữu Chính nghe xong thất sắc, vội chữa:

“- Tôi biết mình tài hèn nhưng cốt nói thế để tướng công đừng ngại và ngụ ý đất bắc không có ai đảm lược kinh bang tế thế mà thôi”.

Nguyễn Huệ thấy Chính biến sắc và luống cuống nên tìm lời ngọt ngào để trấn an viên tướng đa mưu này. Huệ nói:

“-Nhà Lê đã làm vua mấy trăm năm nay bỗng nhiên ta khởi binh cướp lấy, chưa chắc lòng dân sẵn sàng chịu quy phục ở mình!.”

Nguyễn Hữu Chính liền giải bày:

“- Đất Bắc hà có vua lại có chúa, tự cô chí kim coi là đại biến. Chúa Trịnh lấy tiếng phò Lê mà ức hiếp vua, không ai không biết. Người người muốn

nói lên mà không dám là vì cái thế mạnh của Trịnh đẩy thôi. Nay ta phò Lê mà diệt Trịnh thì muôn dân ai cũng tán thành”.

Nguyễn Huệ nói:

“- Ta phụng mệnh vương huynh cất binh đi đánh đất Thuận hóa chứ đâu có thừa lệnh tiến đánh Bắc hà, nếu trái lệnh ta e phạm tội kiêu mệnh chăng?”.

Nguyễn Hữu Chỉnh liền đáp:

“-Kiêu mệnh là tội nhỏ, việc tướng quân diệt Trịnh là công to, làm tướng ngoài quan ải lắm lúc không cần phải theo mệnh vua, điều đó rõ ràng, tướng quân đừng ngại!”.

Thật ra Nguyễn Huệ muốn thử nghiệm Nguyễn Hữu Chỉnh thế nào chứ việc tiến quân ra Bắc thì Nguyễn Huệ đã chờ đợi thời cơ từ lâu. Do đó, họp bàn chiến lược cùng các tướng xong, Nguyễn Huệ liền phân quân tiến ra Bắc lấy danh nghĩa “Phò Lê, diệt Trịnh” như sau:

Tiết chế Nguyễn Lữ ở lại thành Phú Xuân tổ chức phòng thủ và chờ đợi những sự cố cần thiết thì đem quân cứu viện ngay.

Nguyễn Hữu Chỉnh thống lĩnh một trăm năm mươi chiến thuyền vào cửa Đại An đánh lấy kho lương thực ở đồn Vị Hoàng, tỉnh Nam Định để nuôi binh và chờ đợi bộ binh ra tới sẽ phối hợp trực chiến.

Nguyễn Huệ và Vũ Văn Nhậm tận dụng binh lính ở Thuận Hóa kéo theo đường bộ tiến binh ra Thăng Long. Công việc sắp xếp đâu đó xong xuôi thì Nguyễn Huệ phái người bí mật ra Bắc để nắm tình hình và theo dõi lòng dân thế nào hầu ứng phó được thành tựu viên mãn.

Khi hay tin thành Phú Xuân đã bị thất thủ, quân Trịnh đang tràn đóng từ Dinh Cát đến sông Gianh đã bỏ hàng ngũ chạy tứ tung, hồn phi phách tán bị dân chúng Thuận Hóa rượt đuổi.

Nguyễn Huệ tiến binh đến Đồng Hới, tướng giữ ải cũng bỏ chạy về Bắc. Nguyễn Hữu Chỉnh đem binh đến Nghệ An, Thanh Hóa thì các quan trấn thủ là Bùi Thế Toại và Tạ Danh Thùy không ai dám ra cự nên quân Tây Sơn không bị trở ngại gì rồi kéo thẳng đến kho lương thực Vị Hoàng, quan coi đồn bỏ chạy nên Hữu Chỉnh lấy được kho lương, đốt lửa làm hiệu cho bộ binh của Nguyễn Huệ nhập vào để cùng tiến thẳng ra Bắc.

Triều đình chúa Trịnh đã mục nát, quân kiêu binh lộng hành làm cho nhân dân căm giận chỉ chờ đợi một đoàn quân nào đó xuất hiện để thay đổi cơ chế chính trị ở đây.

Vua chúa ở Thăng Long được tin Nguyễn Huệ chiếm đất Phú Xuân, nhưng cho đây là việc bình thường vì Thuận Hóa không phải là đất triều đình, xa cách Thăng Long thì có mất cũng không hại gì mà khỏi phải gánh nặng về kinh tế, lương thảo.

Đinh Tích Nhuận đem thủy binh đóng ở sông Luộc, án ngữ quân Tây Sơn không cho tiến vào Thăng Long. Nguyễn Huệ nghiên cứu thế trận, thấy gió đông nam thổi mạnh có thể dùng thuyền bè hơn trăm chiếc, phía trên có hình người bằng gỗ và bằng rơm rạ, đợi lúc màn đêm xuống cho thuyền trôi đến khúc sông có quân của Nhuận trấn giữ. Thấy thuyền địch tấn công, Nhuận cho dàn thuyền theo hình chữ nhất rồi lấy súng và tên bắn như mưa vào thuyền Tây Sơn.

Đoàn thuyền vẫn cứ tiến tới vì gió vẫn thổi mạnh, quân của Nhuận phải nhờ quan trấn thủ Sơn Nam là Bùi Thế Dân đem bộ binh yểm trợ. Khi ánh sáng của vầng thái dương tỏa rạng thì Đinh Tích Nhuận mới phát hiện là mình đã sử dụng hết đạn pháo và cung tên vì trúng kế của Tây Sơn. Vừa biết bị lừa thì đã quá muộn, quân Tây Sơn ào ào kéo đến như thác lũ làm cho Đinh Tích Nhuận và Bùi Thế Dân phải rút quân bỏ chạy, Long Nhuận tướng quân Nguyễn Huệ lấy được thành Sơn Nam mà không bị hao binh tổn tướng liền truyền hịch đến các lộ để trấn an và lấy nghĩa phù Lê diệt Trịnh đang kêu gọi dân chúng hưởng ứng rồi kéo quân thẳng đến Thăng Long.

Kinh thành nghe tin Tây Sơn kéo đại binh đến gần tới thì rung động, Trịnh Khải sai khiến quân binh chống đỡ thì bọn kiêu binh không nghe, chúa Trịnh vội kêu Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây đem binh về Thăng Long trấn thủ nhưng quân Tây Sơn đã tiến gần sát hoàng thành, bọn kiêu binh bỏ trốn khỏi hàng ngũ khiến hoàng thành hầu như bỏ ngõ. Nguyễn Hữu Chỉnh mai phục canh chừng quan cứu giá trên sông Tây Long, đánh tan thủy binh của Hoàng Phùng Cơ ở trên thượng nguồn, trong khi đó thì Nguyễn Huệ đã tiêu diệt bộ binh của Hoàng Phùng Cơ ở hồ Vạn Xuân là cửa ngõ tiến vào Thăng Long thành.

Trịnh Khải vội mặc nhung bào, leo lên voi thúc quân vào trận nhưng quân Tây Sơn vốn lão luyện chiến trường, bền gan vững chí đã làm cho quân Trịnh tan rã như nước đá dưới ánh mặt trời. Trịnh Khải đành trốn chạy lên Sơn Tây liền bị bắt sống giải về triều đình nhưng đi đến làng Nhất Chiêu thì chúa Trịnh đâm cổ tự tử.

Ngày Hai mươi mốt tháng Bảy năm Bính ngọ (1786) Long Nhuận tướng quân Nguyễn Huệ đặt chân đến cổng thành Thăng Long xuống lệnh cho binh sĩ không được quấy phá dân gian, rồi cùng các tướng họp khẩn định ngày yết kiến vua Lê ở đền Vạn Thọ.

Sau khi Trịnh Khải tự mình đâm chết thì quan binh phủ chúa cũng tan mát trốn lánh đó đây, Nguyễn Huệ truyền cho gia nhân lấy vương lễ triều nghi mà tống táng đàng hoàng như lúc thịnh thời khiến cho ai nấy đều cảm phục cái đức của Nguyễn tướng quân vô cùng khoan dung, độ lượng.

\*

\* \*

Hàng liễu rũ ngoài bờ hồ xanh biếc phản chiếu bóng thướt tha như mái tóc phiêu bông trên mặt nước êm đềm giữa mùa Vu Lan báo hiếu. Bước qua chiếc cầu có chạm khắc đôi sư tử là mặt phẳng sân rồng của đền Vạn Thọ, một dáng vẻ cổ kính uy nghiêm tiêu biểu cho quyền uy của các triều đại xuyên suốt cùng thời gian hàng sừng sững với tháng năm trong Thăng Long thành nội. Tuy có bốn mùa xuân hạ thu đông biến hiện nhưng cung điện vẫn âm thầm như bóng mờ trong sương đêm cạnh phủ chúa luôn hoa đăng rực rỡ. Có đến gần mấy trăm năm mà mưa nắng không xiên vào cung điện cho mãi đến đời vua Lê Trang Tông cùng những vị tiên vương triều trước, điện Vạn Thọ cũng chỉ tiêu biểu cho một kinh đô tinh thần hơn là quyền uy của dân tộc. Triều đình vận hành tất cả vấn đề nội, ngoại, binh, hình, hộ, công đều nhất thiết do phủ liêu đảm trách, vì thế mà mấy trăm năm đi qua Vạn Thọ vẫn rêu phong phủ kín, âm thầm như Đạm Ma tổ sư cửu niên điện bích chưa gặp thiện duyên.

Những mái ngói cong vắt lượn theo lưng rồng bởi kiến trúc độc đáo kết hợp hài hòa giữa hai nền văn minh Ấn Độ, Trung Hoa thể hiện một nét độc đáo của sự chuyển hóa dung dị thành nền độc lập riêng trong nghệ thuật văn hóa kể từ đời nhà Lý, nhà Trần lưu mãi cho đến ngày nay dù ít được trùng tu, sửa chữa.

Vua Lê Hiến Tông đang đau nặng, long thể bất an khi được tin tướng quân Tây Sơn Nguyễn Huệ nhập thành, lại thêm vụ chúa Trịnh Khải tự sát trên đường giải giao nên nhà vua nửa sợ nửa mừng.

Vua e sợ cũng đúng vì rằng ngôi cửu ngũ dễ lọt vào tay Tây Sơn nếu như Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ quyết ý, nhưng nghĩ lại thì vua cũng hoan hỷ vì rằng từ nay trở đi không còn bị Trịnh phủ ra oai thị quyền chèn ép vua Lê.

Buổi sáng đất Bắc nắng hồng tươi, Nguyễn Huệ đội mão vương long, mặc áo bào xanh, thắt đai nhị phụng, đi đôi hài tía trông đỉnh đạt oai phong biệt là dường nào. Đoàn tùy tùng không đếm đủ trên đầu ngón tay cũng chẳng mặc giáp trụ mà kiếm đao cũng không kè kè, khoan dung bước nhịp nhàng vào yết kiến vua Lê tại đền Vạn Thọ.

Nguyễn Hữu Chính đã quen đường lối như thuộc từng viên sỏi trên mỗi bước chân nhưng Nguyễn Huệ hơi ngỡ ngàng, vì lần đầu tiên thông dong trên chôn long viên mà bốn bề tiếng chim ríu rít chứ không phải âm thanh của kiếm đao va chạm lạnh lạnh dứt đầu.

Lê Hiến Tông không ngồi dậy được vì thần kinh tọa chưa được phục hồi, ngài cho vời Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ tiến vào tận sập ngự để chào hỏi và trò chuyện ra bề thân thiết. Vua Hiến Tông có nhiều sáng kiến canh tân quốc gia mà lại giỏi thơ văn, thi phú; ngắt một nỗi ai oán trong tâm khảm bấy lâu nay vì muốn thoát khỏi sự ràng buộc từ phủ Trịnh liêu nhưng quân bị không có thực quyền thì bao đời làm nên nghiệp cá. Dĩ nhiên vương cũng biết là phe cánh của chúa Trịnh giăng bủa dầy dầy, không một cử động nào trái ý để phủ chúa có

có truat phế vương gia như thay đôi dép. Hiễn Tông dùng lời lẽ ôn tồn đầy mỹ ý tiếp đãi Nguyễn Huệ như một đại vương thân thích lâu đời.

Trước lúc cáo biệt già từ, Long Nhượng tướng quân lấy lễ vương thần quỳ tâu lên thánh nhan hoàng thượng.

“-Muôn tâu bệ hạ, thần phụng mệnh hoàng huynh đem binh tiêu trừ Trịnh chúa cốt muốn cho ngôi thiên tử của bệ hạ được vĩnh cửu như núi Tu di đặng lương dân hưởng phước, bớt cảnh đồ thán làm than, đâu đâu cũng thái bình thanh trị, tuyệt nhiên thần không có ý dòm ngó gì đến ngôi cửu ngũ của bệ hạ, cúi xin bệ hạ dưỡng thần để long thể an nhiên tự tại!”.

Nghe Nguyễn Huệ đồng đạt tâu trình đầy quả cảm mà thấy nét mặt tinh anh thì Hiễn Tông hoan hỷ lạ thường liền chống tay gượng ngồi dậy rồi cầm vai Nguyễn Huệ ân cần phủ dụ:

“-Trẫm tạ ơn tướng quân! từ nay trẫm hy vọng dân Bắc hà sẽ bớt thống khổ bởi đám Trịnh quân kiêu căng, vô đạo mà xã tắc cũng yên vui lạc nghiệp, chung hưởng thái bình.

Vua lấy rượu hoàng hoa vô ưu mỹ tửu đãi Nguyễn Huệ, qua chung tửu thứ hai thì sắc diện Hiễn Tông trở nên hồng hào phương phi kỳ lạ, niên tuế của vua đã quá thất tuần mà thần trí Hiễn Tông vẫn còn linh hoạt.

Vua Hiễn Tông trò chuyện một đôi xem ra khá tận tình, Nguyễn Huệ được dịp thân cận nên cởi bày tâm sự và kể về những việc phá tan Xiêm La cũng như những kỳ tích thắng cảnh xinh tươi của non sông đất nước phía nam.

Lúc đó các quan triều thần chạy trốn hoặc ần núp để xem hư thật ra sao, cung điện chỉ lác đác vài vị quan nội giám hầu hạ vua Hiễn Tông, họ ra vào đền Vạn Thọ mà cũng không dám ưỡn ngực, nện gót như bình nhật trước đây để thị oai cùng bá gia bá tánh. Nguyễn Hữu Chỉnh thấy cảnh điêu hiu cô tịch bèn tâu với vua Lê đặng xin xuống chiếu tuyên triệu các quan tức tốc trở về điều hành quốc sự.

Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ yết kiến hoàng thượng suốt mấy canh giờ thì cảm thấy đầy đủ cho buổi sơ ngộ nên liền cáo lui cùng ba quân Tây Sơn đóng trại nơi mé nam thành Thăng Long, các tướng soái phần đông xuất phát từ vùng An Lão nên cảm thấy khó chịu với khí hậu kinh thành bèn họp bàn tìm cách phòng bệnh cho binh sĩ khỏi bị cảm cúm, truyền lệnh cho mọi người dùng tỏi và muối hòa tan nhỏ vào lỗ mũi.

## CHƯƠNG VIII

Ánh sáng vàng thái dương rạng rỡ vô cùng soi tia nắng nồng nàn vào tận chốn thâm u muôn thuở; hôm nay điện Kính Thiên có vẻ rộn rịp, cờ quạt, đèn, hoa được trang hoàng lộng lẫy mà nét mặt quan quân cũng hiển bày nỗi hoan lạc khó tả. Suốt mấy trăm năm trôi qua, dù Kính Thiên điện là nơi quy tụ văn võ uy quyền tối thượng để đưa ra pháp trị cho muôn dân thừa hành, nhưng vận nước chưa thông thành thử vài trăm mùa hoa cúc đơm bông mà Kính Thiên cứ âm thầm cửa đóng then cài như chốn sơn lâm thiên tự.

Cái trống châu rộng hơn hai thước được gióng lên ba hồi chín tiếng vang vang như nốt nhạc thiên đình vừa lúc vừng hồng đông tủa ánh quang minh chính giờ Dần đại kết, bá quan y mão chỉnh tề lần lượt kéo vào hoàng cung để dự cuộc thiết triều lịch sử vì mấy trăm năm nay hầu như không có cơ hội thực hiện. Nét mặt các quan văn đầy niềm hỷ lạc, hơn hờ khôn cùng vì thấy ngai vàng được phục hoạt từ nay nhưng các quan võ thì ra chịu đăm suy tư lự. Một số người trong bọn họ đã phò chúa Trịnh mấy mươi đời, bổng lộc của quốc gia mà họ tưởng như của riêng Trịnh chúa phát ban từ trong phủ liêu nguy nga tráng lệ.

Hoàng đế Lê Hiển Tông đội vương miện có lưỡng long triều châu bằng thạch ngọc dạ quang, chiếc long bào màu vàng rực rỡ đã quá lâu ít khi sử dụng mặc trở lại có vẻ thùng thình và đôi giày điếm cặp mắt rồng thiêng trùng trùng tôn nghiêm cho vị Hoàng đế Lê triều vốn mấy mươi năm ngồi trong chốn hữu danh hư vị.

Thấm thoát ngai vàng đã trụ trên ảo mộng quá bốn mươi lăm năm dài thì lẽ hội họp, đợi chờ của cả vua lẫn quan trong buổi thiết triều sẽ giải bày hôm nay trong không khí vừa trang nghiêm tôn kính nhưng không thiếu nụ cười mãn nguyện.

Trên ngai cao được thiết kế qua bao tiên vương đầy lẫm liệt oai nghi, Lê Hiển Tông đã lấy lại sự tôn nghiêm của một vị Hoàng đế Lê triều đưa mắt nhìn

một lượt trên các chóp mào nơi bá quan văn võ phủ phục hai hàng; trong chốc lát Lê vương thấy cuộc đời như một giấc chiêm bao.

Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ cùng chư tướng Tây Sơn như Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Hữu Chỉnh và bọn tùy tùng hơn ba mươi người bước vào điện Kính Thiên khi tiếng trống điểm đầu giờ Thìn của ngày Hăm bảy tháng Bảy năm Bính ngọ (1786)

Sau một màn tung hô vạn tuế, chúc thọ cho thánh thượng được trường tồn như núi Tu di và lời bình thân từ miệng vua ban, Nguyễn Huệ kính cẩn dâng sổ quân sĩ, sổ dân đinh của Tây Sơn để tỏ rõ cái nghĩa tôn phù nhất thống mong Lê triều từ nay có quyền tự chủ.

Vua Lê Hiển Tông mừng rỡ liền phong cho Nguyễn Huệ là Nguyên Soái, Phù Chính Dực Vận, Uy Quốc Công và có ý muốn gả cô con gái thứ mười sáu của mình, tức Ngọc Hân Công Chúa cho tân Nguyên Soái.

Ngọc Hân Công Chúa tục gọi là Chúa Tiên là con gái út vua Lê Hiển Tông chỉ vừa đôi tám, gương mặt như vàng nhật nguyệt, mắt phượng, mày tằm, thông minh, xuất chúng, lâu thông kinh sử, thạo âm luật và sành văn quốc âm. Mẹ là bà Nguyễn Thị Huyền, người làng Phú Ninh, tục gọi là làng Nành, tổng Hà Dương, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Từ nhỏ ở trong cung, công chúa đã tập rèn kinh sử và giỏi nghề thi văn nên được các quan văn võ trong triều nể phục.

Nguyễn Huệ đang lưỡng lự vì đã có gia thất tại Bình Định thì các quan tùy tùng cùng Nguyễn Hữu Chỉnh khuyến khích:

Chuyện hôn nhân là việc đại sự, hơn nữa tướng quân đang giao hảo tốt đẹp với Lê triều và được Hiển Tông ân cần tứ hôn cho, nguyên soái cứ việc thuận theo thiên ý để khỏi mất tấm lòng lân mẫn của hoàng thượng mà từ nay tướng quân thêm vây cánh như sư tử có khả năng bay lên trời chẳng khác rồng vàng vùng vẫy tứ phương.

Cuối cùng thì lương duyên do túc đế, giai ngẫu tự thiên thành nên đầu tháng Tám năm đó, hoàng cung đèn hoa rực rỡ, hôn lễ được long trọng cử hành khiến mọi giới sĩ phu Bắc hà đều lấy làm hoan hỷ, mấy trăm năm mới có cuộc hôn nhân vĩ đại xảy ra trong hoàng cung mà trai tài gái sắc hy hữu mới được tác duyên sắc cảm hảo hiệp.

\*

\* \*

Thái Đức hoàng đế Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn ngày đêm chờ tin thắng trận từ Thuận Hóa đưa vào, bỗng nhiên có quan thư lại quý ngoài sân trình tâu rằng, hỷ tín từ biên ải đang phi báo về thành nên thần bèn cấp thiết bái yết Hoàng thượng trình trao.



Nguyễn Nhạc đọc xong bức thư giật mình liền triệu các quan nghị sự để thảo luận thật hư hung kiết ra sao.

Khi các quan biết tin thắng lớn ở Phú Xuân và Nguyễn Huệ thừa thắng tiến binh ra bắc phò Lê diệt Trịnh thì ai nấy đều ái ngại vì rằng, đất Bắc hà có lắm nhân tài mà quân sĩ mang theo để đánh Phú Xuân, không dự định tiến quân ra bắc thì làm sao mà đánh thắng chúa Trịnh vốn hùng cứ Bắc hà mấy trăm năm nay.

Các tướng bàn nên đem binh yểm trợ, các quan khác lại bàn phải cho sứ báo gấp ngừng mọi việc tiến binh để chờ quân viện và nghiên cứu xem thực lực ra sao để tìm phương cách hữu hiệu thực thi.

Lập tức, Nguyễn Nhạc phái sứ thần tức tốc ra tại Phú Xuân can ngăn việc tiến quân... nhưng Nguyễn Huệ đã xuất binh phạt Bắc bảy tám ngày rồi.

Nóng lòng chưa biết hung kiết ở đất Bắc ra sao thì Thái Đức hoàng đế tiếp được tin thơ của Nguyễn Huệ rằng Tây Sơn đã lấy được Thăng Long và đóng quân tại ngoại thành hầu giúp vua củng cố ngai vàng sau nhiều trăm năm bị áp chế.

Nghe tin thế, Thái Đức Nguyễn Nhạc lo sợ Nguyễn Huệ nán ná lâu ở đất Bắc thì sinh ra sự biến, bèn đem năm trăm quân thiện chiến trực chỉ Thuận Hóa để nhập thêm hai nghìn binh của Nguyễn Lữ, bắt kể ngày đêm đi thẳng đến Thăng Long.

Tin vua Thái Đức ra Bắc đã làm triều đình nhà Lê hoang mang, lo sợ vì cơ nghiệp hoàng triều chưa được vững vàng. Tuy nhiên, đoàn quân của Tây Sơn rất nghiêm túc, kỷ cương minh bạch nên dân chúng tạm yên tâm. Vua Tây Sơn vừa tới ngoại thành Thăng Long thì cũng là lúc dân chúng được tin Hoàng đế Lê Hiển Tông sau một cơn đột biến đã băng hà.

Triều đình hội họp bá quan văn võ để tìm người kế vị. Vua Lê Hiển Tông khi biết mình không vượt qua cơn bạo bệnh nên có gọi người cháu đích tôn là Duy Khiêm vào trời lời truyền ngôi. Duy Khiêm vừa khóc vừa phục mệnh nên quần thần theo đó mà định lập Tân vương bèn mời nguyên soái Nguyễn Huệ thỉnh ý.

Lúc đó Nguyễn Huệ đã là phò mã đương triều nên có hỏi ý Ngọc Hân về tư chất Duy Khiêm và so với các vị hoàng tử khác thì có điểm nào trội hơn hay không; liền đó công chúa phẩm bình về hoàng tử Duy Cận là người có chí khí hơn, vì vậy mà buổi thiết triều chọn người kế vị, phò mã Nguyễn Huệ đã đề nghị lập thái tử Duy Cận lên ngôi cửu ngũ.

Quần thần nghe như vậy nên rất lo sợ vì nếu làm thế thì sẽ ngược lại lời trời của vua Hiển Tông còn chưa an táng; không biết phải giải quyết cách nào nên các người trong họ tôn thất đâm ra trách móc công chúa làm hại mưu kế lớn

của xã tắc. Ngọc Hân nghe xong cũng ngại cho việc sửa đổi này bèn xin với Nguyễn Huệ đồng ý lập thái tôn Duy Khiêm lên ngôi Hoàng đế, đổi tên là Duy Kỳ lấy niên hiệu là Lê Chiêu Thống.

Chưa được chuẩn bị làm vua khi Chiêu Thống lên ngôi lúc hai mươi hai tuổi, đặc biệt mấy trăm năm qua việc triều chính đều do phủ chúa định đoạt, giờ này uy quyền của Lê triều dần dần được phục hoạt nhưng Tân vương còn quá trẻ, chưa đủ kinh nghiệm nhiếp chính nên nhất thiết mọi việc quốc sự đều do các quan hợp lực giải quyết.

Khi vua Tây Sơn là Thái Đức hoàng đế ra tới Thăng Long thì lòng dân Bắc hà hoang mang tột độ; khi nghe tấu trình có vua Tây Sơn ở ngoài hoàng thành thì Lê Chiêu Thống thân hành cùng với bá quan ra tận cửa Nam Giao đón chào. Nguyễn Nhạc chưa biết thực hư thế nào, vả lại vua có tính đa nghi nên thẳng tiến đến doanh trại của Nguyễn Huệ rồi cho người đến tâu với vua Lê xin hẹn ngày khác tiếp kiến.

Sau khi gặp bào đệ Nguyễn Huệ xong và biết vua Lê cùng quần thần đang củng cố quyền uy sau mấy trăm năm bị nạn phủ liêu chúa Trịnh vận hành quốc gia, vì vậy mà Nguyễn Nhạc hơi tỏ ý xem thường. Mấy ngày sau Nguyễn Nhạc mời vua Lê Chiêu Thống sang phủ đường làm lễ tương kiến.

Phủ đường thiết trí như điện Kính Thiên với lọng vàng rực rỡ tôn nghiêm. Vua Thái Đức Tây Sơn ngồi giữa, vua Lê Chiêu Thống ngồi phía trái và phò mã nguyên soái Nguyễn Huệ ngồi bên tay mặt, hai hàng bá quan văn võ đứng châu thật bệ vệ để cùng triều thần làm lễ tương kiến.

Vua Chiêu Thống có ý nhường mấy quận để khao quân nhưng Nguyễn Nhạc đồng dạt trả lời:

Chúng tôi ra đây giúp nhà vua diệt Trịnh, nếu đất nước này của họ Trịnh thì một tấc đất cũng không tha nhưng của nhà Lê thì một gang cũng không dám lấy. Mong nhà vua giữ yên bờ cõi, đòi đòi giao hảo với nhau để cái phúc cho nhân dân hai nước thừa hưởng.”

\*

\* \*

Từ ngày Nguyễn Hữu Chỉnh ra tới Bắc hà, nhờ uy danh của Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ mà tiếng tăm của Chỉnh cũng phát lộ khắp nơi, ai nấy đều sợ uy và nể phục. Ngát ngưỡng ở cung đình được cúc cung trọng vọng nên khiến cho lòng tự mãn nổi lên mà cảm thấy rằng, đất này so ra vẫn không ai giỏi hơn mà võ cũng không ai địch nổi nên sự công cao, ngã mạn, hống hách và giảo quyệt cứ đà đó phát triển, xem thường các tướng, bất chấp luật pháp và đi trên khuôn thước quy ước.

Thái Đức Hoàng đế thấy không tiện ở lâu nơi thành đô nhà Lê, mà Nguyễn Hữu Chỉnh thì bắt đầu thói tự kiêu, tự đại nên vương gia bèn bàn luận với bào đệ Nguyễn Huệ hỏi quy cố hương rồi mật sai các tướng thu xếp quân thủy, bộ, kho tàng đặng nửa đêm hạ tuần tháng Tám lặng lẽ rút binh về Hoàng Đế thành.

Sáng hôm sau Nguyễn Hữu Chỉnh biết Tây Sơn đã bỏ về nam, phần sợ bị sự trả thù vì dân Bắc hà phao tin mình dẫn Tây Sơn ra Thăng Long; phần nữa Chỉnh có uy danh vì dựa Tây Sơn mà nay Nguyễn Huệ đã rời thành nội, nên vội vàng bỏ cả đồ đạc, chạy xuống chiếc thuyền buôn căng buồm vào Nghệ An theo vua Tây Sơn. Nguyễn Nhạc thấy thế không nỡ bỏ rơi Chỉnh bèn cho ở lại cùng Nguyễn Huệ trấn giữ đất Nghệ An.

\*

\* \*

Khi ra Bắc Nguyễn Huệ đã gặp được một võ tướng là Ngô Văn Sở đem quân theo giúp. Ngô Văn Sở là vị tướng có mưu trí và sức mạnh phi thường nên được Nguyễn Huệ phong làm Hữu Tướng Công coi sóc Binh bộ.

Nguyễn Nhạc về đến Hoàng đế thành ở Quy Nhơn thì tự xưng là Trung Ương Hoàng đế, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương ở đất Gia Định và Phong cho Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương từ Thuận Hóa trở ra. Ranh giới giữa Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc được phân định tại đèo Hải Vân.

Trong thời gian Nguyễn Nhạc ra đất Bắc đã có ý nghi kỵ Nguyễn Huệ muốn lên ngôi vua nên hai anh em đã xảy ra mối bất hòa. Đầu năm Bính Ngọ (1787) Nguyễn Nhạc lại sát hại cận thần là đệ nhị trại chủ Nguyễn Thung, người bạn chí thiết của Nguyễn Huệ bởi lòng Nhạc hẹp hòi, ích kỷ, không muốn cải tổ binh bị và xâm phạm đến gia thất của Nguyễn Huệ. Được tin buồn phiền ấy, Bắc Bình Vương nổi giận tự xưng là Chính Bình Vương đem quân từ Phú Xuân về vây thành Quy Nhơn trong vòng một trăm ngày. Hai bên quân lính kinh chống lẫn nhau cũng thiệt hại khá nhiều cho đến khi Nguyễn Nhạc lên thành kêu khóc mà bảo lớn rằng :

“-Nỡ lòng nào lại nôi da nấu thịt như thế!”.

Thấy việc binh đao quá tai hại cho binh sĩ, lại thấy cảnh Nguyễn Nhạc khóc than như vậy cũng khá thấm thía. động lòng trắc ẩn nên Nguyễn Huệ giải binh lui về Phú xuân lo củng cố quyền lực và luyện tập binh sĩ, voi ngựa cho thật tinh nhuệ.

\*

\* \*

Nói về triều đình vua Lê Chiêu Thống đặt nền tự chủ từ khi Long Nhượng tướng quân tiêu diệt chúa Trịnh, gom quyền bính sơn hà xã tắc vào tay

tân Lê vương để uy danh nhà vua từ từ thấm vào lòng dân chúng. Lê Chiêu Thống lên ngôi tuổi đời non trẻ nên mọi việc quốc sự triều chính nội ngoại đều do các quan văn võ định đoạt.

Mấy trăm năm triều đình nhà Lê bị ức chế bởi phủ liêu chúa Trịnh nên bao đời nay các vị tiên đế của Lê vương có danh vị mà không thực quyền, nhất nhất đều phát từ phủ chúa; đợi đến khi Nguyễn Huệ tiêu diệt Trịnh Khải thì thói ỷ lại của quan thần nhà Lê vẫn còn ảnh hưởng, cụ thể là khi quốc gia gặp loạn thì biến mất tăm hơi mà lúc nước nhà hiển vinh thì sum xoe áo mũ.

Rằm tháng Tám năm đó Bắc Bình Vương về đến Phú Xuân cho quân sĩ và nhân dân ăn tết Trung Thu tung bùng vì mùa màng bội thu. Tháng Mười mưa dầm gầy lụt lội thì nghe quân báo rằng dòng dõi chúa Trịnh còn sót lại là Trịnh Lê và Trịnh Bồng đang đánh phá để áp lực vua Lê và triều đình tái lập lại phủ chúa như xưa.

Các quan văn võ của Lê triều phần nhiều đều là kẻ yếu hèn, người bàn mưu lập lại dinh chúa, kẻ cương quyết dẹp bỏ phủ liêu, lại thêm Lê Chiêu Thống quá rụt rè, nhút nhác không có ý kiến quyết đoán việc lớn nên Trịnh Bồng đã về lại Thăng Long. Cực chẳng đã vua Lê phải phong cho Trịnh Bồng làm An Đô Vương, thiết triều phủ chúa, chèn ép ngôi vua, giành quyền cai trị như thời Trịnh Khải sinh tiền.

Bị hiếp bức mất hết quyền uy, Lê Chiêu Thống không biết làm thế nào hơn bèn xuống mật chiếu cho người vào Nghệ An vời Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân ra diệt Trịnh Bồng.

Khi Nguyễn Hữu Chỉnh chạy theo Tây Sơn, Nguyễn Nhạc thấy Chỉnh sợ Bắc hà nên cho giữ đất Nghệ An cùng với Nguyễn Duệ. Thời gian này Hữu Chỉnh chiêu mộ một số thuộc hạ binh sĩ riêng, ngày đêm luyện tập cho tinh thông, nhân lúc tiếp được mật chiếu của Lê Chiêu Thống, Chỉnh liền kéo hết binh mã ra giúp vua Lê diệt Trịnh. Trịnh Bồng đem quân chống cự, được mấy mươi hiệp thì phải bỏ chạy, Hữu Chỉnh vào yết kiến Chiêu Thống và chiếm giữ binh quyền ở đất Thăng Long.

Đuổi họ Trịnh đi rồi, Nguyễn Hữu Chỉnh được Vua phong cho chức Đại Tư Đồ Bằng Trung Công.

Khi được phong Đại Tư Đồ xong, Hữu Chỉnh ra sức chiêu dụ anh tài Bắc hà ra hợp tác để mưu cầu chuyện lợi ích cá nhân.

Điềm qua danh sĩ Bắc hà, Chỉnh ngán nhất có một danh nhân là Ngô Thời Nhậm tục là Phó tự Hy Doãn hiệu là Đạt Hiên đang trí sĩ ở đất Hà Đông ngoại ô thành Thăng Long.

Ngô Thời Nhậm là kẻ thông thiên bát học, đỗ tiến sĩ đầu trào, làm quan lớn cho triều đình nhưng vì nạn kiêu binh ở phủ chúa mà từ quan lánh nạn ở Sơn Nam.

Nguyễn Hữu Chỉnh nghe danh nên quyết tìm cho được Hy Doãn Công.

Rừng cây bạch đàn phủ bóng mát lối vào thiền thất như bước vào cảnh non bông tiên giới, Hy Doãn Công từ ngày rời khỏi quan trường thì dùng tiếng chuông câu kệ niệm Phật cầu an, chán mùi trần thế. Đến tại am thiền ở đất Sơn Nam, Nguyễn Hữu Chỉnh bước vào nói lớn:

- Hy Doãn Công ở Bắc hà có một không hai, sao ngài theo thói thường mà ản chui vào xó rừng nở nhìn non sông nghiêng ngã?. Ta nay vâng lệnh trời, phò Lê diệt Trịnh để an bang tế thế nên chi bằng ngài giúp tôi như Tề Hoàn, Tấn Văn dùng thiên tử mà sai khiến thiên hạ. Ngài thi thố tài năng ở chốn rừng núi này thì ví giúp được những ai?

-Thưa Bằng Trung Công! ngài có dạy quá lời không đó? tôi trộm nghĩ, đất Bắc này thiếu gì đệ nhất anh hùng? hơn nữa giang sơn Đại Việt là của chung bởi bá tánh bá gia chứ nào phải của riêng ai?. Máy trăm năm nay vua bất xứng, chúa không vừa, sinh linh đồ thán thì có thi thố tài năng cũng làm được việc chi với đời.

Đôi mắt Chỉnh hơi cau lại, cái mũi kết quặp xuống và đôi chân di động dưới nền đất vốn không được mài nhẵn, đoạn lớn tiếng nói:

-Ta thấy ngài là kẻ đáng ngại ở đất Hà thành, ta tiếc cho ngài không đem cái chí cả để bao trùm vũ trụ, tiếc quá! tiếc quá!

- Ngài dạy quá lời, tôi đã ản chốn thôn dã quê mùa, lòng cầu Phật đạo, như ngài đây duyên may về với Tây Sơn, làm được đại sự là diệt Trịnh phò Lê an bang cho thiên hạ. Với suy nghĩ hạn hẹp của tôi, ngài khuông phò Bắc Bình Vương thì uy danh sẽ bao trùm vũ trụ mới đúng vì Tây Sơn binh mã nghiêm minh, quy củ, lấy dân làm căn bản, xem sự an nguy của xã tắc làm đường lối đấu tranh thì nghiệp đế ắt không xa với Bắc Bình Vương là mấy. Tôi nay nói vậy là lấy cả chân tình ra đó, ngài có phật ý thì tôi xin chịu. Ngược lại ngài lấy bình phong của vua Lê mà làm lạc hướng đại nghĩa thì có ích gì? mong tướng quân hiểu cho.

Thuyết phục Hy Doãn Ngô Thời Nhậm không được, Nguyễn Hữu Chỉnh định hạ sát nhưng nghĩ lại không xong bèn nuốt giận tặng Hy Doãn quyển kinh tầm độc được, với ý nghĩ Nhậm sẽ chết khi thấm nước bọt dờ từng tờ kinh.

Ngoài kia trời đã ngã bóng về chiều, ánh nắng dịu mát tiễn bước chân Bằng Trung Công về lại triều nghi với lòng bức rức, để lại am thiền sự thanh tịnh màu nhiệm của kẻ quyết bỏ danh lợi, phù phiếm trần gian mà gởi thân nơi cửa Phật đà. Cuốn sách ấy Hy Doãn Công thận trọng đem chôn sau vườn sợ hậu thế

vô tình thấm nước bọt kết liễu sinh mạng vì nhất cử nhất động của Chính làm sao qua mắt được một thiên sư vốn tâm bất động giữa dòng đời biến động.

\*

\* \*

Hoàng cung vua Lê vẫn phủ rêu phong từ mấy trăm năm qua ít có lần tu sửa lại càng khiến cho khung cảnh của chốn đế đô tăng thêm cổ kính, âm u. Khi Nguyễn Hữu Chính kéo quân ra Thăng Long để tiêu diệt Trịnh Bồng, giúp Lê Chiêu Thống khỏi sự áp chế từ phủ liêu, đáng lẽ công trạng của Chính phải được tôn vinh trọng nể, ngược lại Chính tự cao, tự mãn coi mình là kẻ công đầu nên ngày càng tỏ ra xem thường vua Lê, ngạo mạn đối với các quan và làm nhiều điều trái luật pháp. Chính lôi kéo sĩ phu Bắc hà ngày đêm bàn mưu tính kế, chiêu tập binh mã, rèn đúc vũ khí, cố tình lập lại cơ chế mới mà Chính sẽ mượn danh thiên tử để gây dựng nghiệp bá riêng mình.

Khi Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ kéo binh từ Quy Nhơn về lại Phú Xuân thì hay tin Chính đang làm mưa làm gió ở đất Thăng Long. Vốn đoán được những hành động bất minh của Chính từ thời còn trú quân ở ngoại thành khi Lê Hiển Tông vừa mới băng hà, rằng một ngày nào đó Chính sẽ tạo phản để tóm thù nghiệp bá; và quả thật ngày đó đã đến...!

Cứ đà này lần nữa lâu ngày thì sanh ra biến loạn nên Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhậm, một dũng tướng của Tây Sơn đem bộ binh ra Thăng Long trừ khử Nguyễn Hữu Chính. Đầu mùa đông năm Đinh Mùi (1787) Vũ Văn Nhậm cho ba quân tướng sĩ bủa vây tứ phía, ép binh sĩ của Chính vào thế lòng chảo rồi đánh róc vào Thăng Long, phá quân Chính tan nát.

Vua Chiêu Thống hoảng sợ đến sự an nguy của ngai vàng vội cùng tôn thất Lê triều chạy lên Cao Bằng, giáp giới nước Tàu ẩn tránh. Nguyễn Hữu Chính một mình một ngựa chạy đến Yên Thế thì bị tướng Nguyễn Văn Hòa dụng binh bọc hậu chặn đường thoát thân, ép Nguyễn Hữu Chính sa vào độc đạo có vách núi hiểm trở làm tường chắn quanh, túng kể Chính phải bỏ ngựa chạy tháo thân nhưng quân binh Tây Sơn mai phục cản mật đánh bắt được Bằng Trung Công giải về Thăng Long xử chém đầu.

Vũ Văn Nhậm giết xong Chính, an bang thành Thăng Long, vỗ về và khai thông tự sự cho nhân dân hiểu rõ nội tình và phái người tìm vua Lê Chiêu Thống phục vị nhưng bỏ cáo khắp nơi mà vua Lê không thấy tăm dạng; nước một ngày chẳng thể không vua nên Vũ Văn Nhậm cùng bá quan bèn tôn Sùng Nhượng Công Lê Duy Cận lên làm Giám quốc để thu phục nhân tâm.

Thật ra phò mã Vũ Văn Nhậm là tướng của Nguyễn Phúc Ánh trước kia về đầu hàng với Tây Sơn nên Nguyễn Huệ lúc nào cũng lưu tâm quan sát sợ tạo phản bất thành linh. Vì vậy khi sai Vũ Văn Nhậm ra Bắc trừ khử Nguyễn Hữu

Chính, Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ đặc cách cho Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân làm Tham Tán Quân Vụ đi kèm để giảm bớt sự độc tài, chuyên quyền độc đoán.

Thành Thăng Long được xây dựng từ thời nhà Lý đã hội đủ mọi tinh hoa của đất nước như văn hóa, nghệ thuật, văn học tích tụ. Chính vì vậy Thăng Long đã trở thành trung tâm của châu thổ sông Hồng cũng như toàn nước Đại Việt.

Thăng Long chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử phát triển nền văn minh dân tộc, ảnh hưởng của nó bao trùm đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và tôn giáo trong vườn hoa văn hóa muôn sắc muôn màu ấy. Thăng Long là một chiếc nôi của nền văn hiến ngàn năm, nó tiêu biểu cho sức sống dân tộc với sự giao cảm giữa người và cảnh vật chung quanh.

Cái hấp dẫn tuyệt vời về quyền uy, danh vọng và môi trường văn hóa Thăng Long đã khiến cho Vũ Văn Nhậm say mê sự chiến thắng nên khi xong nhiệm vụ lại tỏ vẻ ngạo mạn, cống cao, hống hách chẳng khác nào Nguyễn Hữu Chỉnh ngày xưa, Nhậm có ý lập Lê Duy Cận làm Giám quốc chẳng qua là để thâm tóm quyền hành nằm trọn trong tay Nhậm với mưu đồ đại sự, biết đâu có ngày dẫn đến việc soán đoạt ngai vàng. Thấy sự lộng hành của Nhậm có phần khuếch trương, ảnh hưởng đến quân binh Tây Sơn vốn có tiếng là nghiêm minh, chính trực. Ngô Văn Sở can gián không được lập tức báo cho phò mã Nguyễn Huệ hay tin để tìm cách trừ đại hoạn mai sau.

\*

\* \*

Trấn thủ Nghệ An là Nguyễn Duệ phản bội Chính Bình Vương, bất tuân thượng lệnh đem quân vào đầu Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn. Nguyễn Huệ vừa dẹp xong để rảnh những kẻ lòng Ngô đầu Sở; thanh gươm chưa kịp tra vào vỏ thì nghe tin Vũ Văn Nhậm chuyên quyền lộng hành nơi đất Bắc.

Núp dưới bình phong của Giám quốc Lê Duy Cận, họ Vũ cảm thấy như rỗng đang vùng vẫy trên chín tầng mây nên tự đúc ấn chương, chuyên chế độc đoán, mưu đến chuyện chống lại Tây Sơn khôi phục nhà Lê và tôn phò chúa Nguyễn.

Sau khi phủ nhận tước hiệu Bắc Bình Vương và tự xưng là Chính Bình Vương, Nguyễn Huệ lặng lẽ đem các tùy tướng kiệt xuất từ Phú Xuân ra Thăng Long chỉ có mấy ngày. Đợi nửa đêm tối trời, Nguyễn Huệ cho dũng sĩ cao thủ Hoàng Văn Lợi đột nhập tư dinh đâm Vũ Văn Nhậm chết ngay tại giường rồi chôn xác phía sau phủ chúa.

Thật ra, Vũ Văn Nhậm là tướng có tài và mưu lược tinh ma nhưng uy quyền và vây cánh chưa được dồi dào để tạo phản. Nếu Chính Bình Vương không dùng kế sách bất ngờ này thì khó mà diệt Vũ Văn Nhậm một cách mau lẹ.

Dân chúng Bắc hà còn chưa hay tin triều đình thay ngôi đổi chủ mấy bận, lòng người còn hoang mang không biết tin ở miệng nào thì kịp lúc Nguyễn Huệ cho hịch truyền an bang thiên hạ.

Khi lưu lại đất Thăng Long, Nguyễn Huệ muốn tìm hiểu về vùng địa linh nhân kiệt này nên bách bộ trên hương lộ để thám thía những di tích, kỳ quan văn hóa và nếp sống thâm lặng của người nông dân. Chính Bình Vương cảm nhận được cái oai hùng của các đấng tiên liệt đã chống ngoại xâm đến nỗi nó in sâu vào thịt da người phương nam. Thật ra Thăng Long đã trải qua những cuộc thăng trầm đầy máu xương và tủi nhục. Dù vậy, nó vẫn còn hiên ngang qua nhiều thời kỳ binh lửa bị đốt phá, sang bằng bình địa. Chính Bình Vương tính nhằm đã có hơn mười lần chống ngoại bang nhưng kia, nó vẫn sừng sững như một cái đống đổ đẽ rồi những tùy tướng của mình cũng không kiếm nổi tham vọng cá nhân như Chinh, như Nhậm cuối cùng cũng bị diệt vong. Thăng Long được xây dựng từ năm 1010 để rồi hơn năm mươi năm sau Lý Thường Kiệt đánh tan quân Tống xâm lược năm 1077. Rồi Trần Hưng Đạo đại vương ba lần chiến thắng quân Nguyên Mông (1257-1258), (1284-1285) và (1286-1288). Quân Tàu còn muốn lăm le thì quân Chiêm Thành dưới sự chỉ huy của Chế Bông Nga, từ năm 1370 đến 1390 đã xâm nhập vào đốt phá kinh thành Thăng Long bốn lần.

Chưa hết, cuộc chiến tranh xâm lược tàn khốc của giặc Minh, tiến hành vào năm 1406, và chấm dứt với cuộc kháng chiến chống Minh của Lê Lợi (1418-1428) đã làm cho Thăng Long lửa cháy ngập trời. Bụi ngùi nhìn Thăng Long biến dịch qua bao thăng trầm của vận nước, Nguyễn Huệ bước chân lạc vào rừng trúc bao giờ không hay để rồi nhìn trước mặt một bóng cà sa đang tĩnh tọa tham thiền. Bước chân xao động những chiếc lá mới vừa lìa cội thì cũng là lúc vị thiền sư này mở mắt xả thiền. Chính Bình Vương Nguyễn Huệ mấy lần gạn hỏi pháp hiệu thiền sư nhưng dường như lão tăng này không bận tâm đến thế tục mà chỉ giới thiệu một danh sĩ Bắc hà là Ngô Thời Nhậm.

Quả thật, dù chưa được diện kiến nhưng nghe các danh sĩ không tiếc lời ngợi khen họ Ngô là “dòng văn học Bắc hà, thông thạo việc đời” nên Nguyễn Huệ cho người đem thư tới am thiền cầu thỉnh với lời lẽ trân trọng bậc hiền tài. Vì đại sự quốc gia cần được an bang tế thế nên khi nhận được thư mời với lời lẽ chân tình, giản dị nhưng đầy tâm ý cho quê hương xứ sở, Ngô Thời Nhậm chịu rời bỏ tề xá, gác lại tiếng chuông, bài kinh hôm sớm để thay thế cho ngòi bút tuyệt luân giúp đỡ Nguyễn Huệ trong việc chính đại quang minh phụng trì tổ quốc. Trong bữa tiêu yến sơ giao ở Vạn Thọ lầu, Nguyễn Huệ ân cần nâng ly chúc mừng Hy Doãn Công bằng câu nói tự tâm:

-“Có lẽ ý trời muốn để giành đại nhân cho ta được thêm trí tuệ mà hành xử đúng nghĩa trị quốc, giúp đời!”



Hy Doãn nhân đó mà giới thiệu thêm một số anh tài đất Bắc như Phan Huy Ích, Ninh Tấn, Nguyễn Bá Lân cho Chính Bình Vương được nhiều kẻ sĩ phò tá. Chuyến đi đất Bắc lần này Nguyễn Huệ đã chứng kiến một Thăng Long mà từ triều Lý, triều Trần gồm một khoảng không gian có thể tính từ sông Hồng ngang qua sông Tô Lịch và từ Hồ Tây chạy đến Hồ Gươm. Phía Bắc có sông Hồng bao bọc, phía nam sông Tô lịch trở thành cái hào tự nhiên, nối liền với sông Kim Ngưu làm bờ lũy cho cửa Nam giao. Mặt đông Thăng Long có sông Cái, Nhị hà và phía Tây có núi Nùng, núi Khám, núi Xưa, núi Bát Mẫn, núi Voi, núi Cột Cờ, núi Cung, núi Vạn Bảo, núi Trúc bao bọc kiên cố. Điềm này là một địa dư quan trọng khiến vị tướng lừng danh Tây Sơn in vào trong trí não để có cơ hội tham vấn cùng Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích về chiến lược, chiến thuật bảo vệ hoàng thành một cách hữu hiệu.

Mùa hè, tháng Sáu trời nóng chói chan, cơn giông đầu mùa không mang lại trận mưa nặng hạt mà chỉ kéo theo cái oi bức khó chịu, các tùy tướng của Chính Bình Vương lại muốn lui quân về lại Phú Xuân, nên Nguyễn Huệ giao quyền hành cai quản toàn cõi Bắc hà cho Đại tư đồ Ngô Văn Sở, Nội hầu Phan Văn Lân, Chương phủ Nguyễn Văn Dũng, Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết lo toàn bộ việc quân. Lễ bộ Tả Thị Lang giao cho Ngô Thời Nhậm coi sóc việc chính trị.

Khi về gần tới Nghệ An dưới chân núi Thiên Nhẫn, Nguyễn Huệ nghe tin có bậc đại nho ẩn cư trên đây tên là Nguyễn Thiếp hiệu La Sơn Phu Tử nên muốn thỉnh ông ra giúp nước.

Nguyên La Sơn Phu Tử húy là Minh, tự là Quang Thiếp, sinh năm Quý Mão (1723) niên hiệu Lê Bảo Thái thứ tư tại huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Ông sinh trưởng trong gia đình vọng tộc, con cháu Lưu Quận Công và thuộc dòng văn học uyên bác nên từ nhỏ Nguyễn Thiếp đã nổi tiếng là văn tài lỗi lạc, vì thế lúc hai mươi một tuổi ông đã đỗ Giải Nguyên và hai mươi sáu tuổi đậu kỳ thi Hội, tuy nhiên Nguyễn Thiếp lại không màng công danh hoạn lộ mà lại muốn chu du đây đó hoặc ẩn cư học đạo. Hoàn cảnh mẹ già cần chăm sóc dưỡng nuôi buộc ông phải ra nhận chức Huấn Đạo ở huyện Lương Sơn rồi bổ làm Tri Huyện huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Năm 1768 ông cáo quan về vườn vì thấy cảnh vua Lê suy nhược mà chúa Trịnh lộng hành, muốn can gián mà nào có ai nghe theo. Sau khi treo áo mũ từ quan, ông lui về ẩn tu tại núi Thiên Nhẫn. Dù quyết chí tu hành nhưng danh tiếng của Nguyễn Thiếp ai ai cũng trọng, nhiều lần chúa Trịnh Sâm mời ra hợp tác nhưng ông từ chối.

Chính Bình Vương Nguyễn Huệ thân hành lên núi Thiên Nhẫn mời ông ra giúp nước. Nguyễn Thiếp niềm nở tiếp đón nhưng lại thoái thác rằng “già nua, dốt nát, lại thêm bệnh đau lưng, mõi gối nên không thể giúp gì cho vương được.”

Nguyễn Huệ hỏi Nguyễn Thiếp rằng:

-Tiên sinh cho chúng tôi là đám người bình dân, ít học, không đủ khả năng mưu đồ quốc gia đại sự, dẹp loạn yên dân?

La Sơn Phu Tử trả lời:

-Bỉ nhân không có những nhận thức sai lạc như thế. Lịch sử ngàn xưa chứng minh Lưu Ban Hán Cao Tổ cũng là người bình dân, Lưu Huyền Đức xuất thân là người thợ giày, Bình Định Vương Lê Lợi là người nông dân áo vải Lam Sơn; do đó sự thành bại không phải từ bình dân hay quý phái mà chính do tài đức và phương pháp làm việc của ngài. Bỉ nhân đã từng là thần tử nhà Lê, đạo làm người của nho gia không cho phép thờ hai chúa.

Nguyễn Huệ hỏi:

-Tiên sinh nghĩ sao về hai chữ anh hùng ?

-Như ngài có thể thành một anh hùng cái thế, nhưng cũng có thể là gian hùng nếu việc làm chẳng được quang minh. Tiên sinh trả lời tự nhiên.

Nguyễn Huệ hỏi:

-Như vậy là thế nào? anh hùng và gian hùng của cuộc thế này ra sao?

-Rõ như ban ngày, họ Trịnh là thứ quân phiệt soán đoạt, phế lập vua Lê nên ngài trừ khử họ Trịnh để phù Lê là một hành động anh hùng. Ngược lại chờ nội bộ lung củng để giành ngôi, cướp nước thì quả là gian hùng.

Dù có ân cần cung thỉnh mấy phen, La Sơn Phu Tử nhất định không chịu xuống núi; Nguyễn Huệ ngưỡng mộ sự thông suốt bằng trí tuệ nơi con người đặc biệt này nên vái chào từ giã mà lòng còn nhiều tơ vương ở bậc hiền tài. Nguyễn Huệ chỉ mong La Sơn Phu Tử giúp cho quốc gia đại sự bằng cách thức đẩy nền văn học phát huy.

Chính Bình Vương kéo quân về Phú Xuân thì trời bắt đầu sang mùa giông tố, mưa lại đến và bão táp kéo qua làm cho nhà cửa ngập lụt và mùa màng hư hại, do đó quân binh một số phải giải ngũ để về nhà cùng vợ con lo việc canh tác cày cấy, chuẩn bị lương thực cho nghĩa quân và vun xới cho gia đình được hạnh phúc sung mãn.

## CHƯƠNG IX

Thời tiết giao mùa nên khí hậu lúc nắng lúc mưa làm cho quân sĩ tiến binh ra phương bắc gặp nhiều trở ngại, dù vậy Vũ Văn Nhậm là một tướng tài đã khích lệ lòng quả cảm của sĩ tử khiến cho bước chân bắc tiến càng thêm hăng hái, do thế mà khi tiêu diệt Nguyễn Hữu Chỉnh xong thì oai danh của Tây Sơn vang lừng làm cho ai nấy đều khiếp vía, mất hồn. Vua Lê Chiêu Thống cùng một số quần thần, cung tần hốt hoảng chạy lên vùng Mục Sơn thuộc miền Yên Thế rồi ngược về Thanh hóa để chiêu dụ và kết nạp các thuộc tướng hòng khôi phục lại ngai vàng. Tiếc thay, quần thần trước đây là một đám dua nịnh nên khi gặp hoạn nạn thì lại trùm chần nhăm mắt, ít kẻ trung kiên đứng ra phò trợ, vua Lê thấy thế bèn kéo nhau lên Lạng sơn để khôi phục lại giang sơn dù chẳng lọt vào tay ai. Tuổi đời chưa chín chắn để biết mối hại đô hộ của bắc phương từ hàng ngàn năm trước, Lê Chiêu Thống nghĩ nông cạn đến cách nào khôi phục cơ ngơi của mình với bất cứ giá nào, do vậy mà vua sai Lê Quýnh đưa tôn thất Lê triều là Hoàng thái hậu cùng Hoàng hậu sang Kinh bắc. Vua cùng Lê Ban ở đất Thanh Hóa nghe theo lời Lê Duy Đoan nên cầu viện Thanh triều. Lê Chiêu Thống liền sai hai người bề tôi tin cẩn là Tham tri Chánh sự Lê Duy Đán và Phó đô Ngự sử Trần Danh Án theo đường núi trốn qua Tàu ra mắt Tri phủ Thái Bình xin tiến dẫn đạt lời cầu viện của vua Lê lên Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh và Tổng đốc lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị.

Ngị bèn làm tờ sớ dâng về triều đình nhà Thanh nội dung như sau:

-“Họ Lê vốn thần phục nước Tàu, nay lại bị giặc lấy mất nước, mẹ và vợ tự quân sang cầu cứu, tình cũng nên thương. Vả nước Nam vốn là đất cũ của

Tàu, nếu sau khi cứu được nhà Lê thì đất An Nam thuộc về ta luôn thể, thuận cả đôi bên”.

Vua Càn Long chuẩn y lời tấu trình và sai Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh hai mươi vạn tinh binh sang Đại Việt, mượn cớ giúp vua Lê đánh Tây Sơn nhưng thực chất là âm mưu đặt nền đô hộ.

Nước Tàu mấy ngàn năm vẫn nuôi mộng xâm lăng Đại Việt. Các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần đều chống lại mộng bá quyền của bắc phương. Đến triều đại nhà Thanh được có của tôn thất nhà Lê chạy sang cầu cứu thì hoàng đế Mãn Thanh cực kỳ mừng rỡ, thuận cho Tôn Sĩ Nghị lấy binh của bốn tỉnh là Quảng đông, Quảng tây, Quý châu và Vân nam đem sang đánh Tây Sơn tổng cộng gồm ba chục vạn quân chia làm ba đạo tiến thẳng vào Đại Việt theo các ngã sau.

Đạo thứ nhất do Tổng binh tỉnh Vân nam và Quý châu là Trương Triều Long và Lý Hóa Long kéo sang qua ngõ biên giới Tuyên-quang.

Đạo thứ hai do Thái thú Điền Châu Sầm Nghi Đống chỉ huy tiến sang  
ngã Cao Bằng.

Đạo thứ ba do Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị và Đề đốc Hứa Thế Hanh kéo sang mạn Lạng Sơn.

Ba cánh quân qua tới biên thùy Hoa Việt thì gặp Lê Chiêu Thống cùng các tùy tướng đón rước chỉ đường để tiến vào Thăng Long thành. Thế giặc như vũ bão lại có các quan triều Lê giúp sức hướng dẫn nên chẳng bao lâu Tôn Sĩ Nghị đã vào tới thành Thăng Long giữa trung tuần tháng Mười một năm Mậu Thân (1788). Các bộ tướng của Tôn Sĩ Nghị đóng ở hai bên bờ sông Hồng Hà, bắc cầu phao bằng tre từ mé này qua mé bên kia để dễ dàng đi lại.

Quần thần của Tây Sơn như Đại tư đồ Ngô Văn Sở, Ngô Thời Nhậm dùng kế hoãn binh cầu hòa nhưng Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị bác khước, Ngô Văn Sở bèn nhóm văn võ lại quyết nghị. Tướng quân Nguyễn Văn Dũng đề xuất dùng phục binh đánh địch; Ngô-Thời-Nhậm-can-ngăn:

-Quân địch mới tới, sức còn mạnh khí đương hăng, lại khoa trương thanh thế làm kinh động nhân dân. Nếu ta đem binh ra khỏi thành sẽ bị chúng sát hại. Cự binh sĩ của bắc hà thì nhuệ khí vốn đã nhụt, thừa cơ trốn hết. Chừng ấy ta muốn đánh thì không hơn, mà muốn giữ cũng khôngặng, chẳng phải là thượng sách; chi bằng ta tạm rút hết quân thủy bộ vào đóng giữ từ Tam Điệp ra đến cửa biển, đồng thời cấp báo về Phú xuân để Chính Bình Vương huy động đại quân cùng nhau quyết chiến.

Ngô Văn Sở nói:

- Giặc đến chưa đánh đã chạy, tôi e đắc tội với Chính Bình Vương chăng?

Ngô Thời Nhậm đáp:

- Lương tướng thời xưa, lương sức giặc trước rồi mới định việc công hay thủ. Nay ta đem toàn quân lui về, chẳng qua là cho chúng ngủ nhờ một đêm, sáng ngày đuổi chúng cũng không muộn.

\*

\* \*

Sáng tinh mơ đầu tháng mười một trời Hà thành vẫn còn vương đục trong màn sương của tiết đại hàn. Đoàn quân Mãn Thanh dưới cờ lệnh của Tôn Sĩ Nghị đã kéo vào Thăng Long như chỗ không người, dân chúng thấy thế đều bàng hoàng sững sốt không ngờ nội tình của Đại Việt đã ra nông nổi thế này? Những hồi trống đại châu đã vang lên từng hồi như tiếng thét vang lừng của non sông đang đi vào khúc quanh oan nghiệt. Giờ thìn, các quan lại vốn phục tùng Lê vương đã tề tựu trước cửa nam giao để nghe Tôn Sĩ Nghị tuyên đọc tờ sớ của vua Càn Long nhà Thanh phong cho Lê Chiêu Thống làm An Nam Quốc Vương. Một số các quan văn võ khác thấy cảnh quân lính Mãn Thanh dương dương tự đắc thì khởi tâm tủi hổ, nhục nhã cho vận nước tự dung đón giặc vào nhà nên chỉ biết im lặng từ quan hay về chốn thôn trang tu tỉnh.

Dù thân là quốc vương Đại Việt nhưng Lê Chiêu Thống phải châu chực bên dinh Tôn Sĩ Nghị để xin ý kiến việc quân hàng ngày. Các thư từ, văn kiện phải đề niên hiệu Càn Long nhà Thanh chứ không dùng niên hiệu của vua Lê nước Đại Việt nên bao nhiêu nhân sĩ, trí thức, nho gia đều cảm thấy nhục nhã, tê tái với đất nước vốn sản sinh bao anh hùng đầu đội trời, chân đạp đất mà chưa hề quy lụy ngoại bang, mất hết cái hùng khí với bốn ngàn năm văn hiến.

Những bậc hiền tài, ẩn cư hay thiện tri thức chán cảnh trần thế mà cũng động lòng trắc ẩn nên phải buông lời than thở rằng: “ nước ta từ khi có đế vương đến giờ chưa thấy vua nào hèn hạ đến thế, tiếng là vua của một nước mà phải theo niên hiệu Càn Long, việc lớn nhỏ đều trình báo quan Tàu Tôn Sĩ Nghị thì có phải nước ta đang bị đô hộ và nội thuộc rồi chẳng???”

Đã thế, Lê Chiêu Thống còn lấy uy quyền của Tôn Sĩ Nghị, bắt những cựu thần Tây Sơn giết hại để báo thù làm cho thành Thăng Long trở thành một nơi chém giết oan cừu vô cùng bi đát.

Quả như thò tay vào túi, Tôn Sĩ Nghị lấy Thăng Long một cách dễ dàng và từ vua quan đến cung nữ Lê triều hầu hạ từng giờ khiến họ Tôn càng ngày càng trở nên kiêu mạn, ăn chơi phè phỡn không có biện pháp quân kỷ nghiêm minh nên quân Thanh tha hồ cưỡng đoạt, phá hoại tài sản dân lành, hãm hiếp phụ nữ và biết bao nhiêu điều quấy nhiễu tàn độc xảy ra từng phút trên mảnh đất văn vật mang đầy tình tự quê hương. Bỗng nhiên, thành Thăng Long mất hết những nhuệ khí linh thiêng của kinh đô đế nghiệp Lý Trần, thay vào đó là nỗi kinh

hoàng của nhân dân khi chứng kiến nạn thù hận chém giết, cướp bóc hãm hại giữa những người cùng huyết thống đệ huynh không tài nào cản nổi.

\*

\* \*

Đất trời lòng lộng một màu xanh phủ kín Phú Xuân sau mùa mưa nên trăm hoa bùng nở chuẩn bị sang xuân, tiết trời trở nên ấm hơn và lòng người cũng hoan hỉ để chuẩn bị cho cái tết thanh bình lần thứ ba kể từ ngày Bắc Bình Vương trấn thủ thành Phú Xuân.

Nguyễn Huệ dậy thật sớm, chấp tay đi trên bờ lũy trường thành có trồng nhiều hàng cây dương liễu, vừa suy nghĩ đến việc thống nhất sơn hà như thế nào để toàn dân Đại Việt trở thành một khối thống nhất hùng tráng đủ sức chống lại họa xâm lược từ phương bắc cứ lăm le dòm ngó nam phương.

Kể từ hôm diệt trừ Vũ Văn Nhậm chặn đứng sự manh nha lộng quyền, kiêu mạng thì Bắc hà được giao phó trông coi văn võ bởi quan Đại tư đồ Ngô Văn Sở và Ngô Thời Nhậm dưới sự giám quốc của Sùng Nhưộng Công Lê Duy Cận; dù vậy nhưng lòng dạ của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ cũng chưa thật an tâm, vì rằng Lê Chiêu Thống không biết sống chết thế nào, giang sơn Đại Việt thì chia năm xẻ bảy như loạn sứ quân mà sát nách thì giặc Tàu ngày đêm dòm ngó.

Đêm hôm qua khi Ngọc Hân công chúa vào tư phòng Nguyễn Huệ than vãn về triều thần nhà Lê trong cảnh hoang mang chưa vững cách an bang thiên hạ bởi hàng vài trăm năm bị lấn áp bởi phủ chúa gian manh, Lê Duy Cận thì không đủ tài cao đức trọng mà Lê Chiêu Thống thì nhẹ dạ, uơ hèn ưa nghe chuyện nịnh bợ làm vui. Thấy công chúa lo toan việc vương triều quá đổi nên để trấn an và xua tan nỗi bận lòng, Nguyễn Huệ an ủi và khuyên lơn công chúa đừng phiền lòng lo nghĩ và tự hứa sẽ không để Lê triều suy vi làm tàn hại cả khối quốc gia, dân tộc.

Gió xuân thổi nhẹ khi ánh thái dương chợt lóe lên tia sáng đầu tiên trong ngày làm mát lạnh mái đầu người trượng phu đang thả hồn thần thức với mảnh đất quê hương; nhìn về bắc môn như cất tiếng chào mừng Thăng Long xa xôi diệu vợi, Nguyễn Huệ bỗng phát hiện từ phương xa một chấm đen di động như bóng mờ của con tuấn mã phi nước đại dương lá cờ phát phới đề hai chữ “hỏa báo” bằng tất cả bình sinh tiến về Phú Xuân khiến tâm tư Nguyễn Huệ bồi hồi, lo lắng.

Chấm đen lộ dần và người kỵ mã cũng đã lộ rõ nét khăn trang hồi hải, Nguyễn Huệ vội vàng bước xuống thêm ngọ môn khoanh tay đứng chờ tin tức.

Thắng cương dừng ngựa, tuấn mã đã rã rời với bốn vó như tuột máu cùng thân mình lấm tẩm mồ hôi. Kỵ sĩ đưa tay dụi mắt, tháo chiếc áo đầy bụi đường rồi hấp tấp chạy tới điểm canh trình thư hỏa tốc.

Nguyễn Huệ không phải chờ đợi, người bước đến bên chàng kỵ sĩ rồi đưa tay vỗ nhẹ lên vai đẩy về kính phục, đoạn Nguyễn Huệ cho phép cấp báo. Nhìn oai phong của vị đại vương từng đánh đông dẹp bắc mà bàn tay cùng nụ cười thân ái với một tên lính thư bình thường, kỵ sĩ vội vàng quỳ xuống chẳng dám ngần mặt lấp bắp tấu trình:

-Muôn tâu đại vương, quân Mãn Thanh đã đem ba mươi vạn tinh binh tiến vào Thăng Long. Đại tư đồ Ngô Văn Sở phải rút toàn bộ quân sĩ về lại Tam Điệp án ngữ và sai thuộc cấp tức tốc đêm ngày không nghỉ chỉ mong gặp đại vương thật sớm để cấp báo đặng xin viện binh chống cự.

Nguyễn Huệ cau mày rồi cảm tờ sớ của quan tư đồ xem lại như chưa tin vào lời tâu của người phi báo.

Gió sớm mai man mát quyện hương thơm của những búp sen từ sông Hương thoang thoang mùi hoa dề ngây ngất lòng người. Ai nấy đều chìm trong phút giây thanh bình an lạc, nhất là cảnh thành trì bấy lâu đã làm cho Phú Xuân vui hưởng hòa bình. Bỗng nhiên chín hồi trống giục giã nổi lên dồn dập từ trong đại điện thành Phú Xuân làm cho mọi người choàng tỉnh khỏi cơn mê hoan lạc.

Các quan văn võ hốt hãi kéo đến khi mặt trời vừa mọc ở phương đông được chặng con sào, vốn từ rất lâu chưa có lần nào khẩn cấp để phải chín hồi trống trời lên như tiếng thét của non sông rừng núi. Bấy lâu nay tiếng chuông chùa Thiên Mụ và tiếng trống bát nhã của sắc tứ già lam đầy trầm hùng thanh thoát như những nốt nhạc thiên đình đưa tâm thức chúng sanh gần bờ giải thoát, nhưng quả thật hôm nay khác lạ, phải là điềm bất tường mới đánh trống triệu họp bá quan. Trên nét mặt, trên vàng trán và cả trên đôi mắt nghi ngờ mà các quan tự hỏi, không biết hung kiết ra sao cho quốc gia dân tộc mà vẻ nghiêm trang, lo lắng đã phủ lên từng bệ đá, mỗi ngọn cây của Phú Xuân thành.

Đợi cho các đại thần an vị đâu đó xong thì Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ mới nghiêm nghị thông báo sự kiện đại biến ở kinh thành Thăng Long và việc quân ta kéo lui về Tam Điệp.

Các quan bàn tán xôn xao, vàng trán bấy lâu nay ít thấy đường nhăn nếp nhí mà kể từ phút giây triệu tập đến giờ đã khiến nhiều khuôn mặt dạn dày thêm mấy tuổi; có vị cho là Ngô Văn Sở rút quân làm mất nhuệ khí, có người nóng nảy muốn leo lên lưng chiến mã thề sống chết với giặc Mãn Thanh ngay tức khắc. Nguyễn Huệ nghe hết mọi nỗi phẩm bình liền bảo:

-“Ta nghĩ các người là hạng vũ dũng chỉ biết gặp giặc là đánh, không biết lúc nào nên tấn, lúc nào nên thoái; việc rút quân về đèo Tam Điệp chắc là mưu của Ngô Thời Nhậm để bảo tồn lực lượng, đây là tuyệt kế chứ không phải là vừa.”

Các quan được dịp hun lòng nhiệt huyết hòa với các triều đại vua Trần đã từng chống quân Nguyên, vua Lê chống quân Minh còn đậm nét trong trang sử Đại Việt khiến bá quan văn võ đồng thanh hô lớn:

“- Thề quyết chiến!”

Quần thần trên dưới một lòng quyết chiến và cho rằng Lê Chiêu Thống đã “cống rắn về cắn gà nhà”, rước quân Tàu qua đô hộ nước nam nên đồng tôn xưng Chính Bình Vương Nguyễn Huệ thế thiên hành đạo đưa dân tộc thoát vòng nô lệ, dẹp lũ ngoại xâm tạo nền móng độc lập cho quê hương xứ sở.

## CHƯƠNG X

Khi Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ khởi binh từ Quy Nhơn ra Thăng Long tiêu trừ chúa Trịnh ngang qua vùng núi Nghệ an, Hà tĩnh nghe đại danh của một nhân vật đặc biệt đang ẩn cư trên núi Thiên Nhẫn sau khi từ quan, người đó lại là một trung thần đầy đức độ từng can gián chúa Trịnh không được tiếm ngôi vua Lê, một nhân vật thuộc dòng dõi vọng tộc, con cháu Lưu Quận Công nhưng sớm liểu đạo muốn xa lánh mùi trần tục lụy. Người đó chính là La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp; vì thế mà Nguyễn Huệ rất cảm kích muốn thân hành tới nơi am thất để cầu hiền, thỉnh ý bậc thức giả đem tài trí hộ quốc an dân.

Lần thứ nhất khi đoàn binh đi vòng qua chân núi Thiên Nhẫn, Nguyễn Huệ cho dừng quân và thân hành theo mép rừng tiến về thiên thất nơi có những hàng liễu quanh năm rũ lá chơ vơ. Sau khi diện kiến và tâm sự những trở trở của nước non, Nguyễn Huệ tha thiết mời tiên sinh hợp tác. Dù quý trọng sự nghiệp hưng binh của Bắc Bình Vương nhưng La Sơn nhất định từ chối vì tự cho là mình chính là thần tử của nhà Lê. Dù vậy khi nhìn tướng pháp của Nguyễn Huệ, trong lòng La Sơn phu tử đã thấy khác lạ của một bậc xuất chúng, với đặc điểm nổi trội nhất là tóc quăn, tiếng nói sang sảng như chuông ngân, cặp mắt sáng như



chóp, có thể nhìn rõ mọi vật trong đêm tối là những thân tướng hiêm hoi của bậc phi phàm.

Lần thứ nhì khi rút quân về lại Phú Xuân thì Nguyễn Huệ cũng thân hành lên vấn an tiên sinh tại thảo lư vào buổi xế chiều. Đồi bên tương đắc kể cho nhau nghe những ưu tư về tiền đồ dân tộc, và rồi Nguyễn Huệ cũng mong được La Sơn phu tử hợp tác cho viên ngọc minh châu được dịp bừng sáng nhưng cũng bị sự khước từ.

-Đã hai lần diện kiến đối âm mà tiên sinh nhất mực chối từ việc khẩn khoản này, phải chăng ngài cho chúng tôi bình dân không đủ khả năng mưu đồ quốc gia đại nghiệp, dẹp loạn yên dân? Nguyễn Huệ d hỏi.

La Sơn phu tử chậm chạp đáp:

-Bỉ nhân đâu lẽ nhận thức sai lầm đến thế. Xưa kia Lưu Bang Hán Cao tổ là người bình dân, Lưu Huyền Đức là người thợ giày, Bình Định vương Lê Lợi là nông dân áo vải đất Lam sơn mà đem lại thái bình cho trăm họ thì ngày nay tài đức và độ lượng của đại vương cũng sáng chói một phương. Ngặt nỗi hiện thời bỉ nhân vốn thờ vua Lê nên đạo làm người khiến không đi hai hàng một lượt.

Ngậm ngùi chia tay vì không vời được Nguyễn Thiếp vào Phú Xuân giúp nước, Nguyễn Huệ cầm tay La Sơn phu tử ân cần chúc phúc, ước mong có duyên tao ngộ để cùng nhau đem tài trí hưng bang tế thế, giải cứu sơn hà. Nắng chiều nhàn nhạt xuyên qua tàng lá đưa từng sợi tà dương in thành mảng cô liêu trên suốt dặm đường. Tiên sinh cũng cảm nhận được cái chí khai thiên phá thạch của con người nông dân áo vải này, nhưng cung cách nhà Nho vốn tôi trung chẳng thờ hai chúa, vì vậy mà dù tâm phục tới đâu cũng khó cho La Sơn phu tử, con người của cửa Khổng sân Trình dễ gì lay động được tâm can một khi người đã quyết.

\*

\* \*

Đại quân Tây Sơn đầy khí thế với một lòng quyết bảo vệ non sông, nhân dân nghe tin đoàn hùng binh tiến ra Bắc tiêu diệt bè lũ xâm lăng, bán nước nên ai nấy đều tự nguyện đóng góp lương thực, thuốc men và khuyến khích trai làng tòng quân giết giặc.

Tờ mờ sáng đầu tháng chạp năm Mậu Thân, đại binh đóng quân ở núi Bàn Sơn để lập kế hoạch hành quân thì bỗng nhiên có một lão ông trông hình thái tiên phong đạo cốt chống gậy đòi gặp cho được Bắc Bình Vương.

Nghe quân báo, Nguyễn Huệ biết có hiền tài giúp sức nên vội vã y áo chỉnh tề bước ra nghênh tiếp. Ai ngờ, vừa thoáng thấy tiên sinh, vương vui mừng quên cả giữ lễ nên tiến gần cầm tay lão trượng, hoan hỷ cất lời chào mừng:

-Ôi chà, thế nào ta cũng ghé thăm tiên sinh khi ngang qua Nghệ Tĩnh, ai ngờ chưa đến Thiên Nhãn mà người tri kỷ đã chống gậy đến đây, hay quá! hay quá!

Nét mặt còn dính bụi đường, La Sơn phu tử đáp lễ bằng sự nghiêm trang, chậm rãi:

-Hai lần trước, sở dĩ tôi từ khước lời Ngài vì vua Lê còn đó. Nay Lê Chiêu Thống rước voi về giày mả tổ là hành động của tên phản quốc thì bĩ nhân nhất định theo ngài để hưng quốc an dân, giúp ngài tiêu trừ giặc Mãn Thanh, đem an lạc cho cơ đồ dân Việt.

Nguyễn Huệ quá đỗi vui mừng liền mời tiên sinh ngồi vào ghế quân sư chẳng khác nào Lưu Bị đời hậu Hán mời được Khổng Minh Gia Cát Lượng (1).

Tiếp đó, La Sơn phu tử bày mưu:

-Cổ nhân có nói: “sư xuất vô danh, sự cố bất thành” nghĩa là xuất quân không có chính danh nên đại sự không thành; nay đại vương thân hành ra đất Bắc để đánh giặc Mãn Thanh cứu nước, vì thế để muôn dân quy về một mối thì đại vương phải hành động như một Hoàng đế danh chính ngôn thuận, nhất hô bá ứng thì trăm họ mới hết lòng phò tá mà cùng nhau đuổi giặc, trừ nguy.

Mùa đông, sáng sớm và ban đêm đều có sương mù mờ mịt, mưa nhè nhẹ nhưng dai dẳng suốt ngày, cái lạnh pha chút ẩm thấp làm cho người ta thích tìm sự bình an, ấm áp nghỉ ngơi; nhưng ngày Mười hai Tháng Chạp năm Mậu Thân thì khác hẳn, vì

---

(1) Gia Cát Lượng (181–234) là quân sư, đại thần của nước Thục thời hậu Hán. Ông là một chính trị gia, nhà quân sự, học giả. Ông đã tạo ra các chiến thuật như: Bát trận đồ, Liên nỏ, Mộc ngưu lưu mã, chẻ ra đèn trời (Khổng Minh đăng) và món bánh bao. Gia Cát Lượng được biết tới nhiều qua tác phẩm Tam Quốc Diễn Nghĩa.

đại sự cứu nguy dân tộc khỏi nạn xâm lăng, Nguyễn Huệ cho lập đàn ở núi Bàn Sơn tế cáo trời đất lên ngôi hoàng đế lấy hiệu là Quang Trung thống lĩnh tất cả thủy bộ đại binh tiến nhanh ra Bắc.

Kế hoạch của quân sư đưa ra là đại binh phải “hành quân thần tốc” để kịp thời gian không cho địch trở tay. La Sơn phu tử nghe báo cáo quân địch lên đến hai mươi vạn hùng hậu thì liền tâu với vua rằng:

-Đại quân của Hoàng đế kéo từ Phú Xuân ra đây chưa đủ túc số để chống lại Mãn Thanh, giờ này về lại đảng trong chiêu binh thì mất đi thời gian tính, vậy ngay tức khắc xin Hoàng đế tuyển mộ trai tráng ở đất Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh vì nơi đây anh hùng hảo hớn cũng nhiều mà đất thượng võ xưa nay từng nổi tiếng. Thuở vua Trần đánh quân Nguyên Mông đã mộ binh chốn này nên có câu “hoan diễn do tôn thập vạn binh” (1) là vậy.

(1) Năm 1285 Hưng Đạo Vương vâng mệnh điều quân dân các lộ Hải Đông, Vân Trà để đánh quân Nguyên. Người theo rất đông. Vua khen qua câu thơ: *Cối kê trừ sự quân tu ký, Hoan Diễn do tôn thập vạn binh là Cối Kê chuyện cũ người nên nhớ, Hoan Diễn còn kia chục vạn quân*

Nghe vậy, vua Quang Trung truyền ba quân nghỉ ngơi nửa tháng tại Nghệ An để tuyển mộ thêm binh sĩ và đúc bánh đa làm lương khô chuẩn bị chuyển quân. Khi trai tráng trong các xứ tuyển mộ khá dồi dào, La Sơn phu tử trình bày thêm chiến lược và chiến thuật hành quân như sau:

-Hai mươi vạn quân Thanh kéo sang nước ta quá dễ dàng, chúng đang kiêu căng, khinh địch và ngạo mạn, doanh trại chưa thiết lập xong, phong thủy đông giá trở trời cũng tác động đến cơ thể từng tên giặc. Vậy chiến lược và chiến thuật của ta là tốc chiến quyết tốc thắng.

Binh thư đã dạy: “Dĩ dật đãi lao giả thắng”, (1) do thế mà ta phải “công kỳ vô bị, xuất kỳ bất ý giả tất thắng”. (2) Xưa nay chiến lược đánh phủ đầu cần phải “tiên phát giả chế nhân, hậu phát giả chế ư nhân”. (3)

Vua Quang Trung gật đầu cho là chí lý, bèn hỏi tiên sinh cách nào nhanh nhất để tiến quân ra Thăng Long thành.

La Sơn phu tử ngẫm nghĩ giây lát rồi chậm rãi đáp:

(1) Lấy khỏe để thắng mệt. (2) Tấn công kẻ thù lúc chúng không phòng bị, hành động khi chúng không ngờ tới (3) Trước ra tay đánh gục kẻ thù. Sau đột nhập được vào trong thì có thể kiến cơ hành sự tiến hành đại kế.

-Tâu hoàng đế, theo dự liệu của giặc Mãn Thanh và bọn bán nước cầu vinh thì ít nhất đầu tháng Hai quân ta mới đến đất Bắc, hãy tạo bất ngờ cho chúng chẳng kịp trở tay, chỉ có chạy thật mau không ngừng nghỉ, hai người khiêng một thay đổi hàng giờ mà bảo đảm tốc độ liên hoàn không dừng lại.

Tuyệt vời! vua Quang Trung lần nữa gật đầu tán thưởng, liền đó Ngài cho binh lính chia mỗi tổ thành ba người, lấy tre bện thành những chiếc võng để hai người khiêng một dạng giảm đi sự mệt nhọc mà liên tục tiến quân ra Thăng Long.

Riêng tượng binh và kỵ binh thì vua Quang Trung phái nữ tướng Bùi Thị Xuân điều động một trăm thớt voi, hai trăm con chiến mã theo đường núi tiến ra Bắc suốt ngày đêm không nghỉ, bảo đảm rằng nữ tướng Bùi Thị Xuân cùng tượng binh đến được phía nam thành Thăng Long trước vài ngày đón chờ bộ binh dạng hợp lực cùng nhau phá thành.

Khí thế toàn dân đang chờ đợi một minh quân lãnh đạo non sông, vua Quang Trung bèn ban huấn dụ cho bá gia bá tánh cùng hưởng ứng chống ngoại xâm, đồng thời nhờ thế mà mộ được hơn mười vạn trai tráng tòng quân; cờ Tây

Sơn phát phối hiên ngang theo đại lộ đến đèo Ba Dội núi Tam Điệp là địa điểm giữa tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình thì gặp Đại tư đồ Ngô Văn Sở và Vũ Văn Nhậm cung đón.

Nhìn thấy nét lo âu trên khuôn mặt của các vị đại thần, vua Quang Trung bước tới khen Vũ Văn Nhậm là người đầy mưu trí, bảo tồn được tính mạng của binh sĩ, phải nhìn để tránh sức mạnh ban đầu của chúng, chỉnh đốn hàng ngũ rút về nơi hiểm yếu, trong thì nâng lòng quân kích thích, ngoài thì khiến lũ giặc kiêu căng. Nhân gần đến ngày nguyên đán năm Kỷ Dậu, hoàng đế cho quân binh ăn tết trước, căn dặn binh sĩ cùng bá quan rằng:

-“Chúng nó sang phen này là mua lấy cái chết đấy thôi, ta ra đi chuyến này, thân coi việc quân, đánh giữ đã có định mẹo rồi, đuổi quân giặc về Tàu chẳng qua mười ngày là xong việc”.

Đoạn, ngài xoay qua phía Vũ Văn Nhậm và các quan văn, tướng võ vua nói tiếp.

-Chúng là nước lớn gấp mười lần nước ta, sau khi thua, thế nào cũng xấu hổ mà tìm cách báo thù, như thế thì đánh nhau mãi mãi không thôi, dân chúng lầm than ta đâu nở thế. Vậy đánh xong trận này ta phải cậy tài của tiên sinh Ngô Thời Nhậm dùng ngòi bút để đình chỉ việc chiến tranh. Dội mười năm nữa nước Việt trở nên phú cường rồi, thì ta không cần phải kiêng dè chúng nó nữa!”

Nói xong, vua Quang Trung bố trí chiến thuật, chia quân ra làm năm đạo như sau:

- Đạo quân thứ nhất do đô đốc Nguyễn Văn Tuyết thống lĩnh thủy quân với ba trăm chiến thuyền đi cánh hữu tiến vào sông Lục đầu đánh tan quân Lê Chiêu Thống đóng tại Hải Dương và hỗ trợ cho bộ binh đánh thẳng vào phía đông thành Thăng Long.

- Đạo quân thứ hai do đô đốc Nguyễn Văn Lộc dẫn bộ binh phía hữu tiếp ứng đội quân thứ nhất kiêm thống lĩnh hai trăm chiến thuyền vào sông Lục Nam rẽ ngược lên Phượng nhãn, Long giang qua Yên thế chặn đường rút lui của giặc để thu khí giới, quân lương và giữ hướng bắc không cho địch tiếp tế.

-Đạo quân thứ ba do Đô đốc Nguyễn Văn Bảo chỉ huy đội tượng binh và kỵ binh hỗ trợ cho đạo quân chủ lực đánh thốc vào hướng tây nam đồn Ngọc Hồi, kéo đó tiến binh theo đường Sơn Minh đánh bọc hậu dứt điểm đồn Ngọc Hồi tại làng Đại Áng, huyện Thanh Trì.

-Đạo quân thứ tư do Đô Đốc Nguyễn Khắc Long chỉ đạo theo cánh tả trực chỉ hướng tây bắc qua Chương Đắc đánh thẳng vào quân Điền Châu của Sâm Nghi Đống đang đóng tại gò Đống Đa mở đường tấn công Thăng Long thành.

- Đạo quân thứ năm là chủ lực quân do chính vua Quang Trung điều khiển có Đại tư mã Ngô Văn Sở và Nội hầu Phan Văn Lân làm tiên phong đánh hướng nam thành Thăng Long là mặt phòng thủ chính yếu của quân Mãn Thanh.

Sau khi phân bố các đạo quân xong, vua Quang Trung truyền hịch xuất binh:

*“Quân Thanh kéo sang xâm lấn, các người đã nghe tin ấy chẳng? Trong vòng trời đất chia theo phận sao Dực, Chấn; nam bắc vẫn riêng một non sông. Người nước Bắc không phải nòi giống ta thì tất phải khác dạ. Từ đời Hán về sau họ cướp đất đai ta, tịch thu cá thịt, vợ vét của cải, nông nổi ấy không sao chịu được; người nước Nam quyết nghĩ cách đánh đuổi chúng đi.*

*Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ vì không chịu bó tay ngồi nhìn quân xâm lăng tàn bạo nên phải thuận lòng người, dấy nghĩa quân đánh thắng rồi đuổi chúng về. Sau khi đó thì nam, bắc rõ lại phân ranh, bờ cõi yên ổn, vận nước lâu dài, nên từ nhà Đinh tới nay chúng ta không phải chịu cái khổ Bắc thuộc; việc chung muôn dân có lợi lộc, được thua chuyện cũ rành rành ra đó.*

*Nay nhà Thanh không coi gương Tống, Nguyên, Minh lại âm mưu chiếm nước Nam ta đặt làm quận huyện, vậy ta phải vùng lên mà khử trừ đi!”*

Ba quân tướng sĩ đồng thanh hô vang lừng:

-Quyết chiến! Quyết chiến.

Vua Quang Trung hạ lệnh xuất binh vào đêm trừ tịch, nổi trống, đốt lửa khí thế hào hùng, tiến binh ào ạt. Lợi thế của tổ ba người thì kẻ nằm trên võng đọc to khẩu quyết võ công cho hai anh khiêng học theo khỏi mệt, nhờ thế mà chặng đường hành quân, các tân binh hiểu được các thế võ công cần thiết vừa thủ cho mình mà cũng có công năng diệt được quân Thanh mau chóng. Thấy khí thế hùng hừng rực cháy, vua Quang Trung phủ dụ quân sĩ rằng: “ngày mừng Bẩy tết Kỷ Dậu chúng ta sẽ vào thành Thăng Long ăn tết.”

Sau ba ngày đêm theo đường bộ đến Giản thủy, quân Tây Sơn gặp quân lính của Lê Chiêu Thống và tiền binh Mãn Thanh đóng tại đồn Giản Khẩu cản trở, quân Tây Sơn thần tốc, táo bạo đánh một trận tan vỡ và đích thân vua Quang Trung giống trống cho ba quân đuổi theo đến huyện Phú Xuyên thì bắt sống hết thầy chẳng sót một tên. Do đó, không có quân địch nào khả thể chạy về báo cho Mãn Thanh đang đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi biết được.

Nửa đêm ngày mừng Ba tết năm Kỷ Dậu, quân Tây Sơn vây kín đồn Hà Hồi rồi dùng chiến thuật phủ dụ, dùng loa kêu gọi giặc Thanh đầu hàng. Vì tiếng hò la pha lẫn tiếng trống trận, phèn la làm cho địch quân khiếp đảm phải mở cửa thành xin hàng, giao tất cả quân lương, vũ khí khiến ngày xuân nở hoa tại Hà Hồi không rơi một giọt máu.

Giờ Dần ngày mừng Năm, quân Tây Sơn đã tiến đến Ngọc Hồi thì bị quân Thanh bắn súng đại bát như mưa. Sau khi bao vây bốn hướng, vua Quang Trung duyệt xét tình hình chiến sự bèn sai ba người lính làm một tấm ván có bện thêm rơm rạ và nước tránh lửa rồi xung phong tiến vào theo sau là hai chục người cầm binh khí, giắt dao nhọn tiến theo. Thân hành vua Quang Trung lên bành voi, cho đánh trống thúc chiến liên hồi khiến ba quân hăng máu ào ạt như thác lũ tiến đến cửa đồn rồi ngã ván tràn vào xáp chiến. Quân Mãn Thanh tan vỡ, đập lên nhau chạy trốn, xác nằm ngổn ngang, máu chảy lai láng; đến giờ Ngọ thì quân Tây Sơn chiếm được Ngọc Hồi.

Theo kế hoạch đã định, đô đốc Nguyễn Khắc Long đánh úp vào Khương Thượng ở đồn Đống Đa tiêu diệt đội quân của tri phủ Điền Châu là Sâm Nghi Đống khiến viên tri phủ này không biết làm sao hơn là phải treo cổ tự tử.

Đô đốc Hứa Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long, tá dực Thường Duy Thăng và một số tướng Mãn Thanh bị chém chết ngay tại doanh trại hoặc tự sát tại các đồn khi quân Tây Sơn bao bọc tứ phương.

Điều trớ trêu vô cùng tủi nhục là khi hay tin Tôn Sĩ Nghị đem binh vào Thăng Long, thì ở Nam hà Nguyễn Phúc Ánh mừng rỡ vô cùng liền cho tướng Phạm Văn Trọng và Lâm Đề mang thư sang triều đình Mãn Thanh tỏ lòng hoan nghênh thần phục, lại đem năm mươi vạn cân gạo giúp quân Thanh lưu trú Bắc hà, nhưng hỡi ôi! thuyền ra đến cửa biển thì bị bão tố hoành hành làm đắm toàn bộ giắc mòng nô lệ của Nguyễn Phúc Ánh.

Trong khi đó, cung thành Thăng Long đèn hoa rực rỡ, Tôn Sĩ Nghị đang uống rượu thưởng xuân với đào non gái đẹp, ngày đêm bất kỳ nữ múa hát âm vang, rượu bê đào mỹ tửu hâm nóng hết bầu nọ, hủ kia và trâu bò cứ xẻ thịt nướng lên làm đại yến; Lê Chiêu Thống thì ra sức trả thù như trường hợp của Hoàng đế Lê Duy Lưu và phò mã Dương Hành bị chặt chân quăng giữa chợ vì có liên hệ đến Tây Sơn. Từ các đời tiên đế chưa có một mùa xuân nào ô nhục, điều tàn mà hương khói các đền đài cũng âm u lạnh lẽo.

Đêm mừng Năm tết Kỷ Dậu, ánh trăng lưỡi liềm nhỏ xíu không đủ tỏa ánh sáng huyền hoặc xuống nhân gian, nhưng chị Hằng vẫn lơ mờ chiếu rọi đủ đưa bước chân đoàn nghĩa quân Tây Sơn tiến đúng lộ trình để vây hãm kinh thành.

Nửa đêm hôm đó Tổng đốc lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị vẫn còn ngà ngà say, vị nồng của rượu, vị mặn của thực phẩm cùng với men tình choáng váng đã khiến cho thần trí của bốn quan xâm lược quay cuồng; hung tin báo về đồn Hà Hồi thất thủ, đồn Ngọc Hồi bị đại quân Tây Sơn tàn sát, Sâm Nghi Đống treo cổ tự tử, Hứa Thế Hanh và các tùy tướng bị giết không còn manh giáp khiến Tôn Sĩ Nghị khiếp đảm tinh thần, tay chân run rẩy, đại tiểu tiện bầy nhầy, không kịp thẳng yên cương, chẳng còn giờ mặc giáp bào, bỏ quên cả ấn tín và mật chỉ của

vua Càn Long, ôm lưng ngựa cùng vài tên kỵ sĩ chạy thoát thân qua sông Hồng Hà.

Quân Mãn Thanh nghe tin chủ soái bỏ trốn bèn vội vã tranh nhau vượt cầu phao bắc ngang hai bên bờ sông Hồng, quá tải nên cầu bị sập đổ, khiến hàng ngàn quân Thanh sụp xuống dòng nước đang cuồn cuộn trôi, số bị chết đuối, số còn lại bị bắt tính không kể xiết.

Hai đạo quân Vân Nam, Quý Châu của Mãn Thanh đóng tại Sơn Tây nghe hung tin về chủ soái Tôn Sĩ Nghị tháo chạy, các đại tướng đều tử trận nên vội vàng rút quân tháo lui. Không dễ dàng như vậy, Vua Quang Trung đã cho Đô đốc Nguyễn Văn Lộc phục kích hai bên đường rút binh, khi hai đạo quân xâm lược hốt hải tháo lui thì bị Tây Sơn đón đánh một trận toi bời hoa lá làm cho hàng chục ngàn tên xâm lược đưa tay đầu thú, số còn lại lén núp trên rừng rồi mò về biên giới mà vẫn chưa hết sợ. Riêng Tôn Sĩ Nghị trốn chạy tới Quảng Tây mà vẫn còn hồn phi phách tán, chưa biết quân Tây Sơn tài tình ra sao và dùng lối thần tốc thế nào đánh một trận kinh thiên động địa như vậy?

Lê Chiêu Thống cũng bám sát Tôn Sĩ Nghị chạy theo về Tàu rồi phải sống cuộc đời ô nhục vì triều đình Mãn Thanh buộc phải ăn mặc theo phong tục Bắc phương, bị khinh rẻ vì nhu nhược và ngu muội nên ôm nỗi thống khổ nhục nhã mà băng hà ở Quế Lâm vào trung tuần tháng Mười năm Quý Sửu (1793) hưởng dương 28 tuổi.

Áo bào của vua Quang Trung đen cháy vì thuốc đạn, giày vớ đều bị rách tươm và cổ họng đắng chát bởi gào thét thúc ba quân hăng say tiến chiếm mục tiêu; các đại tướng Tây Sơn đang kiểm xem binh sĩ, băng bó nghĩa quân, thu hoạch chiến công chuẩn bị tập hợp toàn quân tiến vào nội thành Thăng Long kịp chính Ngọ ngày mừng Năm tết Kỷ Dậu để mở tiệc khao quân, ca khúc khải hoàn, phủ dụ toàn quân ăn mừng tết chiến thắng.

Dân chúng Hà thành vui mừng không kể xiết, đặt bàn hương án cung kính đón chào; từ ngày Lê Chiêu Thống rước giặc vào nhà thì dân lành đau nhói, cầu trời khấn Phật ngày đêm cho có một Phù Đổng Thiên Vương xuất hiện. Giác mơ đó đã thành hiện thực đang xảy ra với bao niềm hân hoan, ái mộ.

Đoàn quân vừa ngang qua cung điện Kính Thiên, những cảnh đào đỏ chói vẫn vô tình hé nhụy như chứng kiến cuộc rút chạy nhục nhã của vua Lê cùng bọn tùy tùng đuổi theo vó ngựa của kẻ xâm lăng, vua Quang Trung rút gươm chặt đứt một nhánh đào uơm nụ thật đẹp giao cho đô đốc Nguyễn Văn Tuyết cấp tốc mang về thành Phú Xuân trao tận tay Ngọc Hân công chúa để báo tin thắng trận huy hoàng.

Ngọc Hân công chúa nhận được cảnh đào còn chưa nở lộc đơm xuân liền reo mừng báo tin cùng bá quan trong thành niềm tự hào cảm động vô biên.

Tin chiến thắng Ngọc Hồi, Đống Đa loan truyền mau lẹ làm cho bá tánh Đại Việt cảm kích và hoan hỷ như chưa từng có niềm vui nào sánh bằng.

Dân chúng đất Thăng Long trở lại cảnh thanh bình, không còn một tên xâm lược cũng như bè lũ bán nước của Lê Chiêu Thống lẫn quân đầu đây. Trời đang độ ngày xuân nhưng tiết lạnh vẫn còn nhức nhối, binh sĩ hai bên thương tật khá nhiều mà gò Đống Đa thì xương quân lính Mãn Thanh chất cao như núi, vua Quang Trung nhen ngòi cho cuộc chiến xâm lăng bèn truyền lệnh sai quan Thị Lễ lo tổ chức đàn tràng kỳ siêu bạt độ các vong linh chết trận vừa rồi. Tiếng trống trầm hùng cùng hồi chuông gọi hồn dân tộc vang vọng cả bầu trời mới vừa giải phóng, nghi thức tế cáo chiêu hồn được tổ chức hết sức trang nghiêm dưới trướng điện Kính Thiên vào giờ Ngọ ngày mùng Năm, đích thân vua Quang Trung đọc bài văn tế để an ủi linh hồn của bao chiến sĩ vì chủ soái của mình mà hy sinh trận mạc, lời văn đầy cảm khái, ý đạo tràn nghĩa tình khiến lòng thành của bao quan quân sĩ tứ ngập niềm cảm xúc, bi ai.

## **CHƯƠNG XI**

Hoàng đế Quang Trung rảo bước trên những con đường đất đỏ Thăng Long không còn thâm u trầm mặc như xưa, nhà vua cảm nhận được sinh khí nhộn nhịp ngựa xe, chân người, và cây cối hữu tình dù bây giờ chỉ là khoảnh khắc lặng thinh. Không gian bao la và cao rộng mà tổ tiên Đại Việt đã đổ biết bao máu xương gầy dựng cơ nghiệp này. Niềm biết ơn dâng lên ngàn ngút vì trong từng ngọn cỏ, cành cây, giọt nước sương mai hay âm ba vang động đều mang dáng dấp của bao triều đại đi qua mà sự lao tâm khổ nhọc của tiền nhân để phấn đấu từng phút giây gìn giữ quê hương là một chiến tích hào hùng in đậm nét trong mỗi hạt bụi, cành hoa. Vua Quang Trung đang nghĩ đến Lê triều đôi ba trăm năm rồi thương cho thân phận một vị vua chỉ vì quyền lợi cá nhân hay gia đình nhỏ nhặt mà quên đi cái di hại ngàn đời của dân tộc lớn lao.

Hoàng đế không ung dung bước vào Thăng Long như Lê Chiêu Thống mà phải hy sinh hàng vạn binh hùng tướng mạnh mới tự tại rảo bước chung quanh,



quả thật một chiến công nào cũng xây trên xương máu hàng vạn lương dân, hành xử không khéo là mối nguy cho sơn hà xã tắc.

Hoàng đế còn đang thả hồn về nguồn cội các vua Hùng mở nước thì phía sau nghe tiếng hò hét của quân binh đang tuốt kiếm dẫn đoàn tù binh Mãn Thanh về nơi tập kết; nhìn vào đôi mắt thâm quầng và gương mặt lấm lét, khiếp sợ của đám quân xâm lăng trong những bộ áo quần lem luốt, vua Quang Trung chỉ thị cho đội cận vệ phải đối xử tử tế, xuất kho lấy áo quần thơm tạt cho mặc, nhà bếp nấu cơm cho đám tàn quân ăn uống no đủ đợi chờ ngày dùng làm “địch vận” thả về cố quốc. Nhân đó vua cho loan truyền những lời phủ dụ đến các tầng lớp nhân dân để bớt sự hoang mang, đồng thời kêu gọi những binh sĩ Mãn Thanh còn trốn tránh đó đây nhớ mau mau ra hàng để được hưởng khoan hồng mà triều đình nước Nam sẽ đưa xuống thuyền hồi quy bản quốc.

Lệnh truyền đã xong và quân Tây Sơn phục mệnh thi hành, nhà vua bước vào thư phòng, nhìn trên bàn giấy có vô số mật thư, ấn soái của Tôn Sĩ Nghị và một tờ mật dụ của vua Càn Long nhà Thanh viết cho Tôn Sĩ Nghị như sau:

*“Nghe lời tâu của Khanh, trăm cho phép đem binh mã ra cửa ải nhưng phải từ từ đừng vội vã; trước phải truyền hịch ra oai, rồi cho các quan nhà Lê về nước để chiêu tập lực lượng và tìm ra Duy Kỳ đương đầu với Nguyễn Huệ. Theo dõi họ chọi nhau mà đoán chừng những phương cách để đối phó.*

*Nếu dân Nam còn mến vua Lê thì Nguyễn Huệ ắt phải thua và lui binh, bấy giờ cho Duy Kỳ tiến quân đuổi bắt còn Khanh thì kéo quân theo sau hỗ trợ, thế là không khó nhọc mà lại sớm thành công.*

*Nhược bằng nước Nam nửa theo phe này, nửa vọng phía kia thì Nguyễn Huệ chắc không chịu lui thì Khanh nên đưa thư chỉ bảo họa phúc để xem Huệ xoay trở thế nào?*

*Khi nào thủy quân của ta từ Phúc Kiến và lưỡng Quảng kéo ra biển khơi, Khanh cứ đánh lấy Thuận hoá, Quảng Ngãi trước rồi thúc quân tiến lên khiến Nguyễn Huệ thọ địch ở cả sau lưng lẫn trước bụng ắt phải đầu hàng. Lúc đó ta cứ nuôi sống cả hai; từ Thuận hóa vào nam thì cắt chia cho Huệ, còn từ Nghệ an ra Bắc thì chia cho Lê tự tôn. Ta đóng đại binh ở giữa, cai quản cả hai rồi sẽ tính kế về sau.”*

Đọc xong tờ mật dụ, vua Quang Trung mỉm cười rồi quay sang Ngô Thời Nhiệm nói rằng:

“-Trẫm xem tờ chiếu Càn Long chẳng qua lấy có để chiếm nước ta. Nay đã bị đánh tan một trận tất phải xấu hổ, chẳng chịu yên thân. Trẫm nghĩ giá như hai nước cứ đánh nhau thì chỉ khổ cho muôn dân; vậy Khanh nên dùng lời nói

khéo để khiến cho can qua hết nạn binh đao. Việc này không có tay khanh thì chắc khó thành!”

Ngô Thời Nhiệm dâng kế nên dùng lối địch vận bằng cách trả tù binh Mãn Thanh về nước để gây uy thế cho Đại Việt và làm nhụt chí những quân sĩ muốn qua xâm lăng Đại Việt.

Do đó, vua Quang Trung liền cho tập hợp các hàng binh của Mãn Thanh và phủ dụ rằng:

“Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị của các ngươi, tài đong đầu rá, nghề mọn thêu may, không biết phép chủ yếu trong việc dùng binh, vô có đem ba mươi vạn quân ra ngoài quan ải, vượt núi, leo đèo, chui sâu hiểm địa, xô dân vô tội đưa các ngươi vào mũi tên, ngọn giáo, thấy đều là tội tên Tổng đốc của các ngươi. Trẫm một phen cờ lệnh vẫy lên, quét sạch lũ ngươi như quét đàn kiến, lũ ngươi thua tan, chết hại hàng vạn; những kẻ bị bắt tại trận buộc thế bức bách phải hàng; lẽ ra chiếu quân luật phải đem chém cả để răn đe phừng bạo ngược. Thế đức hiếu sinh của trời đất, ta bao dung che chở, tha chết cho các ngươi!”

Bọn hàng binh này là khối lượng nhân chứng lớn để khi về nước sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực hoặc chủ hòa một khi binh Thanh có ý phục thù.

Vua Quang Trung đã đoán ý không sai tí nào, khi hay tin Tôn Sĩ Nghị bỏ cả ấn tín chạy về đến Quảng Tây và toàn bộ đại binh tan rã, các đại tướng phần thì chết, phần thì tự sát nên vua Càn Long nổi giận lôi đình vì thua trận một cách nhục nhã, bèn cử ngay Phúc Khang An làm Lưỡng Quảng Tổng Đốc, định đem 500 ngàn quân vào Đại Việt đánh trả thù.

Phúc Khang An nghe bọn tàn binh về tâu lại rằng uy vũ vua Quang Trung như vàng nhật nguyệt, chỉ huy ba quân như lấy trứng trong áo, giọng nói như sấm tử hống, võ nghệ siêu quần quả là bậc anh hùng kiệt liệt.

Hoảng sợ uy danh của vua Quang Trung, lại nghe tàn binh diễn tả làm Phúc Khang An sợ hãi vô cùng, lòng không muốn cử binh trả thù rửa nhục nên tìm cách can ngăn Càn Long bãi binh. Phúc Khang An qua đến Quảng Tây nghe tiếng quân Nam thế mạnh, nên sợ và có ý muốn hòa, bèn sai người đưa thư sang nói việc lợi hại và bảo phải làm biểu tạ tội để cho yên việc binh đao.

\*

\* \*

Dân tộc Đại Việt có một nền văn hóa từ thuở vua Hùng, trải qua nhiều triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần đến đời hậu Lê này là một tổng hợp về văn học và nghệ thuật được thoát thai từ dòng tri thức bao gồm cả phong tục, tập quán, đạo đức, pháp luật, tín ngưỡng và thói quen do công sức của từng cá nhân thu đạt được trong đời sống hàng ngày và lan dần ra xã hội. Nền văn hóa Việt tộc có một

chiều sâu đủ chứng minh được rằng đất nước này có một lịch sử lâu đời, không phải chỉ quanh quẩn trong một dải đất có một biên cương hình chữ S mà nó còn lan rộng và ảnh hưởng đến cả các dân tộc láng giềng như Chân Lạp, Chiêm Thành và Tàu nữa. Nền văn hóa này được kết tinh trong một chuỗi dài lịch sử biến động, phát triển tuần tự theo thời gian và diễn biến không ngừng... Chính nền văn hóa đó đã khiến vua Quang Trung không dùng cái kiêu hãnh của kẻ chiến thắng mà sử dụng sự khiêm cung, hòa ái cốt tạo nên chốn thái bình, an lạc cho muôn dân. Vua Quang Trung ý thức rõ từng nỗi đau của binh sĩ đến nỗi nhục của vua Càn Long bèn sai Ngô Thời Nhậm thảo bức thư như bản án hạch tội Tôn Sĩ Nghị quá tàn ác với dân Nam và vượt cái giận sĩ nhục của nước lớn mà hình ảnh Càn Long bị chế diễu như quân cướp nước xâm lăng tiểu quốc. Ngô Thời Nhậm vốn là bậc thức giả đất Bắc hà không cần đấng đo liềm mài mực, đốt lò hương trầm thơm ngát rồi chấp bút viết một mạch như sau:

*“...Những mong Sĩ Nghị nghĩ lại, họa may có thể lấy ngọc lụa thay nạn can qua, xoay binh xa làm hội xiêm áo. Không ngờ Sĩ Nghị nhắm mắt tiến binh nhưng vừa xảy ra giao tranh đã tan hàng rã ngũ, xô dè lẫn nhau mà chết. Binh đao là chuyện bất đắc dĩ của thánh nhân...những chuyện phạm đến cương thường, Tôn Sĩ Nghị không tâu rõ từng việc một. Hấn che lấp tai mắt nhà vua đến nỗi làm cho sự việc rối ren đến thế!”*

Ngoài những bức thư vừa hùng tráng, vừa trách móc, vừa nói cái đức của thánh nhân kết hợp với vận dụng bá quan trong triều đình Mãn Thanh can ngăn Càn Long bỏ ý định tiến binh; đồng thời Phúc Khang An cũng không dám động binh nên viết sớ tâu trình lên vua Càn Long để bãi chiến:

*“Nam Bắc bớt được nạn can qua, rõ là phúc lớn cho sinh linh và cũng là vận may cho kẻ biên thân.”*

Rồi các quan Mãn Thanh đúc kết lịch sử tiền nhân nên quả quyết *“-Từ xưa đến giờ, Trung Quốc chưa bao giờ đắc chí ở cõi nam phương. Chính các triều đại Tống, Nguyên, Minh rút cuộc cũng đều thua hỏng, gương ấy không xa, hãy còn sờ sờ ra đó nên dù Phúc Khang An có đem vài muôn binh sang Đại Việt cũng dễ tan tành manh giáp.”*

Vua Càn Long nghe xong, lòng cũng rã rời, không ngờ đất Nam kia có kẻ siêu phàm nhập thánh đến như vậy? lại nữa, các quan nghị bàn nên hòa tốt hơn là chiến nên vua Càn Long đi đến quyết định bãi binh, lá cờ *“Cửu Tinh Binh Mã”* được hủy bỏ và Tôn Sĩ Nghị bị giáng chức làm thường dân.

Sau khi dùng lối ngoại giao tuyệt kỹ để giảm tối đa khả năng đem binh qua Đại Việt, kết quả triều đình Mãn Thanh phải ngậm đắng, ôm hận chua cay trong mộng ước thôn tính phương nam.

Mọi việc tạm ổn, vua Quang Trung giao lại đất Bắc hà cho Tư đồ Ngô Văn Sở, Phạm Văn Lân cử cất việc binh và Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích lo chu toàn ngoại giao với phương bắc đặng giữ bờ cõi khỏi nạn can qua.

\*

\* \*

Từ ngàn năm nay nước Đại Việt dù có chiến thắng oanh liệt những đội quân hùng hậu bắc phương thì vẫn giữ cách khiêm tốn để cho người Tàu khỏi động lòng tham mà đem binh tràn qua biên ải. Các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần đến hậu Lê thấy đều coi Trung Hoa như một cơn ác mộng, nhưng cũng ép mình cho khỏi xảy đao binh bằng cách xin phong vương và triều cống đặng Đại Việt được quốc thái dân an.

Phát xuất từ ý niệm tích cực ấy nên vua Quang Trung chợt nghĩ đến chuyện bá tánh Đại Việt gánh chịu nạn đao binh triền miên, bèn tìm cách cho quốc gia thịnh trị khỏi nạn can qua nên sai Ngô Thời Nhậm làm ngoại giao để Thanh triều công nhận vua Quang Trung là Hoàng đế nước Đại Việt.

Trước hết, Ngô Thời Nhậm quan hệ mật thiết với Phúc Khang An đang làm Tổng đốc lưỡng Quảng và dùng vị tướng Tàu này cho mục đích hóa giải mộng báo thù của vua Càn Long, đồng thời tìm cách cho bọn Lê Chiêu Thống cùng đám tùy tùng bỏ đi mộng khôi phục ngai vàng Lê triều. Nguyễn Quang Hiển là cháu của vua Quang Trung đại diện nước Nam bàn chuyện hơn thiệt với Phúc Khang An về việc phong vương cho vua Quang Trung. Khang An viện các lý lẽ hiện thực để chứng minh rằng nước Nam là đất của người Nam, phương bắc không nên đụng đến làm chi; cuối cùng vua Càn Long phải nuốt giận mà thuận cho vua Quang Trung làm An Nam quốc vương, nhưng để giữ cái thể diện nhục nhã trong trận xâm lược vừa rồi, vua nhà Thanh đưa ra hai điều kiện:

Thứ nhất là lập đền thờ Đệ đốc Hứa Thế Hanh tại nước Đại Việt để thờ cúng.

Thứ hai là vua Quang Trung phải thân hành sang triều cống để được phong vương vào năm tới nhân dịp bát tuần khánh thọ của vua Càn Long.

Dĩ nhiên nước Đại Việt phải tạm chấp nhận nhưng Ngô Thời Nhậm lại dùng mưu buộc Càn Long phải phong vương cho vua Quang Trung trước khi ngài qua chúc thọ bát tuần của thánh hoàng.

*“Quốc trưởng Quang Trung chưa được nhận phong mà sang năm cùng với Quốc trưởng các nước khác nhất tề cùng vào chúc mừng đại Hoàng đế thì không khỏi bất tiện.”*

Lời lẽ như vậy thì không cách nào chối từ nên vua Càn Long chịu lép vế ban chỉ dụ phong vương cho Quang Trung hoàng đế rồi tự tay viết bảy chữ

trong chiếc áo cảm bào để dâng tặng ngài. Chiếc áo cảm bào thật đẹp với dòng chữ "Xa tâm triết trực, đa điền thử" (1)

Vua Càn Long đặc phái hai vị đại thần mang tờ sắc đến nước Nam tuyên phong.

---

(1) Trục xe bị gãy, ngoài ruộng nhiều chuột đồng).

---

Vua Quang Trung thật lòng không cần vương tước của Thanh triều làm gì nhưng cốt để yên dân nên bèn cho con thứ là Nguyễn Quang Thùy ra Thăng Long nhận sắc phong vương.

Tinh thần độc lập, khí khái, kiêu hãnh của vua Quang Trung đã làm cho thần dân Đại Việt hãnh diện, bá quan văn võ kính nể tôn phò. Các quan triều đình có nhắc đến chuyện lập đền thờ Hứa Thế Hanh cho có chuyện rồi cũng lờ chuyện đó, vì Hứa tướng quân là kẻ xâm lăng Đại Việt không xứng đáng thờ phượng tại đất Nam.

Đến mùa xuân năm Canh tuất là dịp bát tuần khánh thọ vua Càn Long, các Quốc trưởng được Thanh triều phong vương đều đến Trung Quốc để làm lễ chúc thọ.

Lễ ra vua Quang Trung phải thân chính đến tận triều đình Mãn Thanh theo nghi thức khánh chúc trường thọ nhưng ngài lại khước từ vì sĩ diện Đại Việt bèn dùng kế "du long chuyển phượng" thực hiện việc ngoại giao này.

Ngô Thời Nhậm ra sức tìm được một người có gương mặt đoan chính hao hao giống vua Quang Trung tên là Phạm Công Trị, cháu phía ngoại gọi Quang Trung bằng cậu. Sau khi huấn luyện nghi thức triều gia khá thuần thực, Phạm Công Trị thân hành cùng đoàn tùy tùng trên một trăm người gồm Hoàng tử Nguyễn Quang Thùy, Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn và một đoàn nhạc vũ công biểu diễn mười tiết mục độc đáo làm quà chúc thọ Càn Long theo phong tục dân Nam. Ngoài ra, phái đoàn còn mang theo hai thớt voi, một số quý vật và hải sản hiếm hoi để làm vui lòng Càn Longặng kéo dài thời gian không cho ý nguyện phục thù của đám con cháu Hứa Thế Hanh, Sầm Nghi Đống xía vào trong những kỳ luyện binh rèn kiếm.

Sở dĩ hai thớt voi được mang đi triều cống là chủ ý của vua Quang Trung muốn phái đoàn vừa đi chậm rãi theo voi, vừa vẽ các mục tiêu, bản đồ, đôn trại của hai tỉnh giáp giới nước Đại Việt để sau này tiến hành công cuộc Bắc phạt một khi cơ hội chín muồi trong khoảng vài năm sắp đến.

Giả vương Phạm Công Trị được Phan Huy Ích soạn thảo văn thư thác danh Quang Trung gửi về cho thế tử Quang Toán căn dặn việc nước. Chính

những văn từ không niêm theo lệ nhà Thanh đọc trước này đã làm cho Càn Long cùng triều đình Mãn Thanh khâm phục vô cùng.

Sự kính nể của triều đình Mãn Thanh khiến vua Càn Long tưởng lầm rằng Quang Thùy là con trưởng nên sắc phong Thế tử và tặng hà bào hương khí là loại đồ thơm gói ướp hương cùng lụa là gấm vóc thượng hạng. Khi giả vương cho biết là Quang Thùy chỉ là thứ nam, Thái tử Nguyễn Quang Toàn mới là trưởng bối nên Càn Long thêm một phen tặng ngọc quý và phong cho Quang Toàn là “An Nam Quốc Vương Thế tử”.

Tài danh Phan Huy Ích dùng văn thơ đối đáp với Càn Long thật tuyệt vời, chữ viết như rồng bay mà ý tứ cao xa đầy huyền vi thâm diệu; do đó mà chuyến đi chúc thọ đạt được sự chí thành khiến Hoàng đế Thanh triều hứng chí tự tay rót rượu mời các quan Đại Việt cùng uống, bắt đội nhạc công Trung Quốc ăn mặc theo lối Đại Việt và học ngôn ngữ Việt để làm hài lòng phái bộ quan Nam, vì mến mộ như vậy nên vua Mãn Thanh ban tặng bao quà cáp để ghi nhớ cuộc tao phùng với người mộ điệu, thật là xưa nay chưa có một cuộc chúc thọ nào hưng phấn, trọng vọng, trí thức cho Càn Long bằng phái bộ Đại Việt đầy thông minh, tinh xảo.

Dù phái đoàn giả vương đã làm cho triều đình Mãn Thanh nể phục nhưng vua Quang Trung vẫn điềm nhiên toạ thị ở tại thành Phú Xuân đương kim hành xử của một vị Hoàng đế mưu lược, lập Ngọc Hân công chúa làm Bắc Cung Hoàng hậu, phong Quang Toàn làm thái tử, lấy thành Nghệ An là nơi quê hương tổ phụ đặt làm kinh đô đại điện hay còn gọi là Phượng Hoàng Trung Đô vì ở giữa Thăng Long và Bắc thành, ngày đêm lo việc củng cố lực lượng, mở mang học thuật văn hóa, dùng chữ Nôm làm quốc ngữ, sắp đặt lại xã hội đương thời, khuyến khích chăn nuôi, canh nông trồng trọt và nhất là chiêu hiền đãi sĩ để chọn anh tài đứng ra giúp đời, giúp nước. Vua Quang Trung không mệt mỏi trong công tác tập luyện quân binh chuẩn bị một ngày tốt đẹp đem đại quân tràn qua biên giới phía bắc đặng tấn công lưỡng Quảng hầu sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt lớn hơn, rộng hơn.

Đương lúc Quang Trung Hoàng đế lo việc mở rộng đất nước, khuyến khích canh tác cho trù phú, khai dụng học thật văn chương đến mọi giai tầng xã hội thì tại phía nam, Nguyễn Phúc Ánh đem binh tấn công Gia Định thành để lập lại triều nghi cơ ngơi nhà chúa.

Số là sau khi vụ việc bất hòa giữa hai anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ kéo dài mấy tháng đi đến xung khắc kịch liệt ở Quy Nhơn, nhưng rồi cũng đã được giải quyết xong, Chính Bình Vương phải trở lại Phú Xuân trấn giữ và không có cơ hội vào nam vì thế kẹt bởi Trung Ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc án ngữ ở giữa.

Nguyễn Lữ là Đông Định Vương giữ đất Gia Định cùng với quan Thái phó Phạm Văn Tham ổn định nội trị, kiến thiết ngoại thành. Khi Nguyễn Ánh mộ được binh mã kéo về đánh thành Gia Định thì thế lực vô cùng hùng mạnh bởi sự trợ lực từ ngoại bang với vũ khí tinh xảo, Nguyễn Lữ phải lui về Lạng Phụ đất Biên Hòa trấn thủ để cho Thái phó Phạm Văn Tham cố thủ giữ thành.

Nguyễn Phúc Ánh bèn dùng kế ly gián, giả bức thư của Hoàng đế Nguyễn Nhạc truyền lệnh cho Nguyễn Lữ phải tìm cách sát hại Phạm Văn Tham. Thư lại đến tay Thái phó nên Phạm Văn Tham kinh hãi liền kéo quân ra Lạng Phụ để giải bày lý lẽ thiệt hơn.

Nguyễn Lữ vốn ngại Nguyễn Phúc Ánh vì nhiều mưu mô lại được Linh mục Tây là Bá Đa Lộc ngày đêm giúp sức, liệu bề thắng không xong mà thấy Thái phó kéo quân binh có cờ trắng dẫn đầu tiến về phía mình, Đông Định Vương tưởng là Thái phó họ Phạm đã đầu hàng với Nguyễn Phúc Ánh, đem quân chống lại Tây Sơn nên Nguyễn Lữ vội bỏ thành Biên Hòa, xuống thuyền căng buồm chạy về Quy Nhơn.

Thuở thiếu thời Nguyễn Lữ theo anh là Nguyễn Huệ thụ giáo với võ sư Nguyễn Văn Hiến, nhưng Nguyễn Lữ thể trạng mỏng manh nên được thầy Hiến chân truyền cho môn Miên quyền. Nhân dịp quan sát dân chúng thường đá gà giải trí nên Nguyễn Lữ đã nghiên ngẫm và sáng tạo ra Hùng Kê quyền từ gốc Miên quyền<sup>(1)</sup>, một bài võ áp dụng việc đá gà như lấy yếu có thể đánh mạnh, lấy thấp có thể đánh cao, lấy nhỏ có thể đánh lớn và lấy ít có thể đánh nhiều, chủ yếu sử dụng cho phù hợp với thể tạng cũng như vừa vặn với thân hình bé nhỏ của người Việt.

Ngay sau khi sáng tạo Hùng Kê quyền lập tức được các nghĩa quân Tây Sơn tập luyện và ứng dụng rộng rãi bởi tính hiệu năng của nó. Vào trận, trường quyền như

---

(1) *Yếu có thể đánh mạnh, Thấp có thể đánh cao,  
Nhỏ có thể đánh lớn, Ít có thể đánh nhiều.*

giông như bão liên tục phủ xuống nhưng Hùng Kê quyền vẫn cứ ung dung xuyên qua xuyên lại tựa chú gà con lanh lẹ trước một chàng gà to lớn hung dữ nhưng chậm chạp, để rồi khi đối thủ lộ sơ hở thì chỉ cần một chiêu của Hùng Kê quyền đá gục đối phương.

Đông Định vương Nguyễn Lữ xuống thuyền trở lại Quy Nhơn giữa mùa Vu Lan năm Đinh Mùi (1787) để chịu tội cùng anh, rồi lên ngựa trở về Kiên Mỹ thăm lại cố hương. Qua tiết Trung thu năm ấy, hai anh em Tây Sơn vương cúng giỗ tiên hiền rồi chia tay nhau, Hoàng đế Nguyễn Nhạc theo nghiệp bá đề bành trướng thế lực đất Quy Nhơn, riêng Nguyễn Lữ một thân một ngựa ra đi nơi mây

ngàn hạc nội, rồi mười năm sau đó một dịp tình cờ chuyển quân ngang qua đèo Hải Vân, Nguyễn Văn Dũng gặp được một thiền sư chống gậy trúc khoang thai du hành trên đỉnh non cao hao hao giống Đông Định Vương thuở nào; quân binh thừa hưởng bài võ Hùng Kê quyền truyền thụ từ vị tổ sư Nguyễn Lữ như di sản quý giá giúp Tây Sơn bao phen chiến thắng ngoại xâm cùng nhau nghiêng mình kính cẩn tiễn chân vị thiền sư bước vào chốn thanh tịnh chân như, rũ bỏ chuyện tranh bá đồ vương, hơn thua, được mất.

\*

\* \*

Thái phó Phạm Văn Tham vào thành Biên Hòa thì vợ lẽ mình bị xí gạt liền quay ngược, kéo binh đánh thốc vào bản doanh Nguyễn Phúc Ánh, dù mấy lần đại thắng nhưng không đủ quân lương, phần thì Đông Định Vương hỏi quy bản địa nên không đủ sức giữ lại Gia Định thành. Hơn nữa Nguyễn Phúc Ánh lại được nhiều tướng Tàu ra giúp đỡ, vì vậy đất Gia Định không bao lâu lại lọt vào tay Nguyễn Phúc Ánh, vương bèn lo chỉnh đốn lại thuế khoá, khuyến khích nông nghiệp, lập ra luật pháp rồi chuẩn bị binh mã tiến đánh Tây Sơn.

Thành Quy Nhơn tức Hoàng Đế thành do Trung Ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc cai quản cũng chỉ lấy việc thủ thành làm căn bản. Sau những chuyện bất hòa giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ được giải quyết xong thì đất Quy Nhơn đã không còn là nơi quy tụ nhân tài mà các anh hùng kiệt kiệt thì hầu hết đến với vua Quang Trung, hoặc vào Nam hợp tác với Nguyễn Phúc Ánh.

Nhạc càng ngày càng già và không có nhiều sáng kiến sửa đổi về phương diện quân binh, hành chánh, kinh tế, quốc phòng...trái lại hay có tính nhỏ nhen, tị hiềm cá nhân nên tự cô lập bản thân và triều thần. Sự cố thủ để hưởng nhàn tại thành Quy Nhơn đã giúp cho Nguyễn Phúc Ánh đem quân tấn công mấy lần khiến cho Đông Định Vương phải chạy về Hoàng Đế thành mà Nguyễn Nhạc cũng không tìm cách liệu bề chống đỡ.

Vua Quang Trung biết sự lợi hại ở Nam hà và Nguyễn Phúc Ánh đã khôn khéo lợi dụng ngoại bang để giành lại ngai vàng nên Vua đang chuẩn bị kế hoạch hợp tác ngoại giao với Lào và Chân Lạp để khỏi bị Nguyễn Phúc Ánh liên kết chống lại Đại Việt, mặc khác Vua còn cho chuyển quân bằng đường thủy từ Phú Xuân bọc ra cửa bể tiến vào Sài Gòn, Biên Hòa giúp Đông Định Vương chống lại Nguyễn Phúc Ánh, sự cầu kết giữa các nước phương tây với kỹ thuật khoa học ngoại bang mưu giúp Nguyễn Phúc Ánh lấy lại ngai vàng hồng trao đổi một phần lãnh thổ hoặc tự do truyền đạo Ki Tô khiến ngoại lai xả thân bằng mọi cách để đối chọi với Tây Sơn.

Chính những nỗi khắc khoải ưu tư cho cơ đồ Đại Việt, vua Quang Trung quyết ra sức tổ chức một đội quân hùng mạnh không những để đối phó với



Nguyễn Phúc Ánh đang trong, mà còn huấn luyện binh mã thật tinh nhuệ để tiến binh đánh chiếm Quảng Đông, Quảng Tây làm nền tảng độc lập, hùng cường, bất cần những sự phong vương định tước của triều đình Mãn Thanh, hẳn nhiên chính Đại Việt sẽ ngang hàng với các cường quốc láng bang trong đó có Trung Hoa.

Vua Quang Trung đặc biệt chú trọng đến vấn đề tổ chức binh đội để dễ luyện tập, kiểm soát và sử dụng đúng chức năng từng toán, từng tổ. Ngài chia quân đội ra làm nhiều đạo quân như tiền hậu quân, tả quân, hữu quân, trung quân. Mỗi đạo quân gồm nhiều cơ, mỗi cơ chia làm nhiều đội với hàng ngũ chỉnh tề, kỷ luật hết sức nghiêm túc trong khi tập luyện hoặc xuất binh đánh giặc cũng vậy.

Vua Quang Trung đốc thúc các tướng luyện tập binh đội theo kinh nghiệm thực tiễn dựa trên các trận đánh với Nguyễn Phúc Ánh hoặc với Mãn Thanh trong trận Đống Đa để lấy sở trường của từng đạo quân.

Lối đánh thần tốc trong các trận địa mà chính vua Quang Trung chỉ huy đã áp dụng đều thành công và chiến thắng vinh quang.

Lối đánh theo pháp thủy quân được luyện tập cho những đạo quân chính quy nên tạo được uy thế cho vua Quang Trung mỗi lần xuất binh. Đặc biệt những lần kéo quân vào Nam hà diệt Nguyễn vương, vua Quang Trung đều dùng thủy binh tấn công một cách chớp nhoáng; vang dội chiến công đó khiến các nước láng bang e ngại và kiêng nể uy danh vua và triều thần nước Đại Việt.

Lối đánh du kích cũng được vua Quang Trung nghiên cứu kỹ lưỡng và tận dụng trong các địa thế hiểm hóc như trận tuyến Rạch Gầm, Xoài Mút, Đống Đa... nên đội quân đặc nhiệm này được huấn luyện xuất quỷ nhập thần về lối dàn dựng cách phục binh du kích đã góp phần không nhỏ trong sự chiến thuật đẩy lùi ngoại xâm, đem độc lập thật sự cho non sông.

Ngoài ra tượng binh và kỵ binh là những đội hình được huấn luyện gay go, kiên nhẫn và linh hoạt nên đại sự hoàn thành và vinh quang vô cùng to lớn cho Quang Trung Hoàng đế đã là kết quả của những khổ nhọc tập luyện không ngừng dù mưa to gió lớn. Linh hồn của các đội kỵ và tượng binh chính là nữ tướng Bùi Thị Xuân, vị nữ tướng kiệt hiệt hùng anh đã dày công uốn nắn hàng trăm thớt voi và hàng vạn quân binh trong công tác chiến đấu phá công thành không mệt mỏi.

Pháp luật nghiêm minh trong quân ngũ đã giúp cho vua Quang Trung thành công to lớn trong bất cứ trận đánh nào, Việc quân lương lại là bộ phận tối cần thiết được vua Quang Trung luôn nhắc nhở như là sự quyết định của thắng bại trong chiến đấu, do đó, hỏa lực Tây Sơn được dồn vào đạo quân công phá các kho lương của địch để làm hậu thuẫn khi các đạo quân khác tấn công phá thành. Về khí cụ quân nhu, vũ khí đều do sự sáng kiến tận tâm trang bị bởi các loại cổ truyền

như gươm, đao, giáo, mác đến những cỗ súng đại bát thần công và các loại thuốc súng tự chế hoặc tịch thu từ ngoại bang đang ủng hộ cho Nguyễn Phúc Ánh.

Thật ra, hỏa lực, vũ khí của Nguyễn Phúc Ánh hơn hẳn quân đội Tây Sơn nhờ sự giúp đỡ của Pháp, nhưng những lần xấp chiến thì quân Nguyễn vương đều thua chạy bởi sự khéo léo dụng binh của chư tướng soái Tây Sơn đầy can trường và tinh thần độc lập vì chính nghĩa của nhân dân hơn là sở cậy ngoại bang.

Mưu lược lỗi lạc và tính toán đúng chiến thuật của vua Quang Trung là yếu tố quyết định trong tất cả các trận chiến dẫn đến thành công lớn, một phần do các tướng chỉ huy Tây Sơn luyện tập võ nghệ phi thường, huấn luyện binh mã suốt những thời gian không chiến tranh, trau dồi tính kiên nhẫn, gan dạ cho ba quân tướng sĩ dưới điều kiện thời tiết khắc nghiệt và phong thủy của núi rừng ngăn trở từ Hoàng Sơn chạy vào Quy Nhơn; phần còn lại và quan trọng hơn tất cả là yếu tố lòng dân qua sự vận chuyển lương thực trong nhiều trận đánh đã được toàn dân ủng hộ. Điềm son chói lòa của Nguyễn Huệ không chỉ là chuyện quân sự điều binh đánh giặc mà còn vận dụng khả năng chính trị, tâm lý và đạo đức để toàn dân tham gia đại cuộc.

Trong khoảng thời gian rất ngắn từ khi lên ngôi Hoàng đế, vua Quang Trung đã thiết lập được một xã hội trật tự, thống nhất và phú cường mà trước kia vốn là một xã hội thiếu tôn ti, ỷ lại, lợi dụng quyền uy của một nhóm người bất lương để buôn dân bán nước.

Ngai vàng mục nát của các trào vua Lê là cái cớ của bao nhiêu đám sứ quân trưng cờ phò Lê mà hại dân hại nước. Đàng ngoài thì chúa Trịnh nắm toàn bộ quyền bính trong tay, thậm chí có quyền phế vua hay bức tử Hoàng đế; còn đàng trong các chúa Nguyễn cũng lợi dụng chiêu bài phò Lê mà kéo dài cuộc chiến trên mấy trăm năm. Các nhóm “sứ quân” khác cũng y như thế mà hùng bá một cõi khiến giang sơn đất tổ bao phen chấn động binh đao.

Vua Quang Trung lên ngôi Hoàng đế có nghĩa là cái ngai vàng Lê triều kia đã phải thu bóng để thời gian lặng lẽ trôi đi, vì chính nó là mấu chốt của sự cục bộ, tham lam, ngu ngốc và ích kỷ.

Nét nghệ thuật dưới sự lèo lái của vua Quang Trung là một thời kỳ vàng son cho văn học độc lập, vua Quang Trung bắt buộc toàn dân học chữ Nôm, một thứ chữ riêng của người Đại Việt, Các áng văn, thơ, thi, phú, sắc phong đến việc thi cử, học hành, quan kiện đều lấy chữ Nôm làm gốc.

Những bài hịch kẻ tội quân xâm lăng hoặc kêu gọi toàn dân tham gia đánh giặc là những áng văn Nôm biểu lộ ý chí bất khuất, độc lập của dân tộc Đại Việt, cũng trong quãng thời gian ngắn ngủi, đại đế Quang Trung đã đốc thúc xây dựng những công trình văn hóa khác như Phượng Hoàng, Trung Đô ở Nghệ An

để biểu lộ sức sáng tạo thật sự của triều đại Tây Sơn. Sự kiện tập trung các đền miếu chùa chiền trong làng thành những tu viện lớn trong quận huyện cũng là sự cố gắng cải cách tôn giáo có ý nghĩa, để kiến tạo một xã hội lấy tín ngưỡng hướng thiện làm chỉ nam đạo đức nhân bản, không bị mê tín tà linh và lệ thuộc lối suy tư từ phương bắc là biểu trưng nét độc đáo thuần khiết của Đại Việt dưới triều đại Tây Sơn qua hình thái tôn giáo trong lòng dân tộc.

\*

\* \*

Đại đế Quang Trung xuất thân từ vị anh hùng áo vải đất Tây Sơn, tay trắng lập nên sự nghiệp lẫy lừng, đánh tan hai đầu quân xâm lược...tất cả công lao ấy là do sự tài tình trong nghệ thuật lãnh đạo anh minh vì mục đích tối hậu cho tổ quốc. Nhưng phần chính yếu là vua biết lấy nền tảng dân tộc làm trụ cột cho cuộc đấu tranh; do đó, vua Quang Trung lãnh đạo toàn dân chống ngoại xâm điển hình qua trận Xoài Mút đuổi Xiêm La và trận Đống Đa tiêu diệt Mãn Thanh, cả hai sự chiến thắng oanh liệt này quyết định vận mạng tồn vong của quốc gia do toàn dân quyết tâm chiến đấu và định hình sự độc lập bất khả phân.

Để đưa nước nhà đến chỗ hùng cường và trọn vẹn lãnh thổ không những về phía nam mà hướng bắc cũng cần phải phát triển. Do đó kế hoạch Bắc phạt đã xuất hiện rất sớm trong đầu vị anh hùng áo vải Tây Sơn từ khi vua Lê còn đang chễm chệ trên ngai vàng mục nát.

Trải qua bao triều đại thịnh suy giữa một giải giang sơn cẩm tú, nước Đại Việt luôn là mục tiêu mà nước Tàu thường xuyên đem binh đánh chiếm, những chứng tích lịch sử rành rành rằng triều đại các vương tộc thường thường thủ thế để giữ nước, bảo vệ chủ quyền hơn là phản công qua tận đất Trung Hoa hạch tội, ngoại trừ anh hùng Lý Thường Kiệt đời Lý đã làm cho nhà Tống thất điên bát đảo khi Ngài đem binh tấn chiếm các tỉnh phía nam Trung Hoa. Với tinh thần đó, vua Quang Trung không muốn Đại Việt bị xem thường do bởi thành kiến từ những triều đại trước kia mà Bắc phương thường đem binh lấn áp, ngay từ những buổi giao thời vua chịu tạm thời chấp nhận cho Càn Long phong vương để thăm dò lực lượng đối phương, kéo dài thời gian nghiên cứu địa hình và củng cố binh lực, khi yếu tố phục thù đầy đủ và lòng dân đã bao phen ủng hộ thì vua Quang Trung quyết định đánh chiếm lưỡng Quảng đặng mở mang bờ cõi.

Bá quan văn võ thấy vị Hoàng đế của mình có sáng kiến uy vũ đại nghiệp cho dân tộc nên hết lòng phò tá, bộ Lại xem xét số dân định đích thực để trong ba người dân chọn lấy một người lính, với cách vận dụng phép nhập ngũ thế này thì quân binh Tây Sơn đã lên đến mấy muôn chiến sĩ.

Triều đình cấp phát loại thẻ chứng minh thư tục gọi là “*Thiên Hạ Đại Tín*” (1) ghi rõ tên tuổi, quê quán từng người để dễ kiểm soát một cách chính xác

hầu chọn lựa dân quân luyện tập võ nghệ cho kế hoạch đánh Tàu. Các đạo quân được tuyển thì ngày đêm rèn luyện kiếm cung, người nông dân lo canh tác lúa gạo lương thực, kẻ già yếu ở nhà thì vót cung tên, tầm vông, cọc nhọn; ai nấy đều nao nức chuẩn bị cho một cuộc Bắc tiến hầu tỏa ánh sáng kiêu hùng làm rạng rỡ quốc dân Đại Việt.

Kế sách chuẩn bị trước khi chính thức tuyên chiến, vua Quang Trung khuyến dụ

(1) *Một Loại căn cước với lý lịch rõ ràng.*

các doanh gia bành trướng thị trường đến Quảng Tây, Lạng Sơn rồi cho dân Đại Việt qua đường biên giới vào sâu nội địa nước Tàu buôn bán, hành nghề. Khi vua Quang Trung viết thư nhờ Phúc Khang An chuyển biểu đòi lại bảy châu trong đất lưỡng Quảng, buộc vua Càn Long phải chấp nhận lời biểu ghi rõ: “Chỉ vì phần đất cõi nam đang làm phen dậu, bốn bề giáp ranh với vùng đất mà sử sách đã minh định” đến một bước kế tiếp là “xin đất lưỡng Quảng làm kinh đô nước Nam”, cả hai đề nghị trên đều được Thanh triều chuẩn y thuận chấp.

Để thăm dò thêm sự phản ứng của vua Càn Long nhà Thanh, Hoàng đế Quang Trung đặc cử Tướng quân Võ Văn Dũng đi sứ cầu hôn công chúa đương triều để tìm hiểu ý nghĩ vua Mãn Thanh đồng thời đòi lại những đất đai đã mất dưới đời Lê Mạc, bãi việc cống người vàng là một quốc hận đáng kể cho dân Việt từ đời vua Lê Lợi...không ngờ sứ đoàn của Đại Việt đến kinh đô Trường An đã được vua Càn Long ân cần tiếp đãi trọng hậu và thuận y đề nghị hôn nhân chọn ngày lành gả công chúa Thanh triều cho An Nam Quốc vương đồng thời cắt đất Quảng Tây để làm kinh đô Đại Việt như sự đề nghị của Hoàng đế nước Nam.

Song hành với sự chuẩn bị công cuộc Bắc phạt, vua Quang Trung đã giành thời gian cho việc cải tổ sâu sắc những quốc sách trong phạm vi từ đèo Hải Vân đến toàn cõi Bắc hà hầu giúp nâng cao dân trí, tiến bộ trong kinh tế, văn hóa, quốc phòng v.v.. nên ngành học thuật được vua khuyến khích dùng chữ Nôm, lập Sùng Chính Viện để dịch các áng văn, thi ca, sách kinh từ Hán ra Nôm và đưa vào thi cử để tìm nhân tài ra giúp nước. Vua Quang Trung là vị Hoàng đế duy nhất có ý dùng chữ Nôm thay thế Hán tự, một tư tưởng độc lập rõ nét nhất trong mọi thời đại.

Về kinh tế thì vua Quang Trung ban "chiếu khuyến nông", kêu gọi dân phiêu tán trở về quê khôi phục ruộng đồng bỏ hoang nên sau hai năm trị vì, nông nghiệp được phục hồi, mùa màng trở lại phong đăng, một nửa nước sống cảnh thái bình.

Riêng ngành thương nghiệp thì vua Quang Trung khuyến khích sản xuất thủ công nghiệp, bày chỉ cách thức ngoại thương đăng phát triển tất cả ngành

nghe nhằm xây dựng một nền kinh tế phồn vinh, độc lập, tự chủ. Vua cho đúc tiền đồng là *Quang Trung Thông Bảo* và *Quang Trung Đại Bảo*.

Đối với tình hình đang biến động từ phía nam nên vua chú trọng về chính trị, quốc phòng dù vương triều vẫn theo khuôn mẫu xưa kia nhưng ngài luôn nhận thức rằng “Trẫm là kẻ áo vải đất Tây Sơn, không có một tác đất, tự nghĩ mình tài đức không theo kịp cổ nhân mà đất đai rộng lớn như thế, nghĩ đến việc cai quản, lo sợ như cầm dây cương ngựa mà dong sáu ngựa”, nên vua rất chú trọng việc “câu hiền tài” và các tài năng xuất chúng như Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thiếp, v.v., làm trụ cột cho triều đình Tây Sơn với ý niệm thiết thực là “Dựng nước lấy học làm đầu, lấy nhân tài làm gốc. Trước đây bốn phương nhiều việc phải phòng bị, việc học không được sửa sang, khoa cử bỏ dần, nhân tài ngày càng thiếu thốn... Trẫm khi vừa mới bình định đã có nhã ý hậu đãi nhà nho, lưu tâm, mến kẻ sĩ, muốn có người thực tài để dùng cho quốc gia” nên triều đình thực hiện được chức năng quan trọng đủ chứng minh sự đẩy lùi được cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang, ổn định tình hình chính trị, xã hội, phục hưng, phát triển văn hóa, khai triển chữ Nôm trong các văn thư, thi cử và giáo dục, khuếch trương kinh tế v.v. là năng lực phát xuất từ tâm ý của bậc minh quân siêu phàm.

Thế nước đang hùng cường phát triển, cơ đồ gặp lãnh đạo anh minh nên nước Đại Việt xứng danh là “*Đại hải anh hùng lưu bố đức nhân thiên niên trụ. Việt sơn tiên liệt truyền đặng phước quả vạn tuế an*”. (1)

Nhưng than ôi! Con người ở chốn thế gian do nghiệp đẩy đưa mà sinh ra hình hài để chịu bao khổ lụy về thân. Từ lúc tinh cha huyết mẹ cùng thuận duyên hợp thành nhưng thường dân đến Hoàng đế khó tránh được vô thường, già, bệnh chẳng chừa một ai. Buổi sáng dù tinh anh nhưng hoàng hôn lại phải rã rời, tan nát khác gì sương mai khi gặp ánh mặt trời bỗng chốc liền tan...

Không ngờ việc tiến đánh Trung Hoa còn trong sự chuẩn bị thì vua Quang Trung đột ngột lâm bệnh huyền vận, đứt mạch máu não, xây xẩm mặt mày. Ngài được các quan ngự y danh tiếng tận tình cứu chữa nhưng vì bệnh trạng gây ra bởi xuất huyết dưới màng nhện do vỡ mạch phình, nhận thấy sự rã rời trong cơ thể, tứ chi bủn rủn nên không còn sức lực để thiết triều. Có lẽ cơ đồ Đại Việt bị nghiêng ngã bởi sự xâm

---

(10).Biên Nam rộng anh hào ngàn năm ban bố đức,  
Núi Việt cao tổ phụ vạn đời tủa phúc ân.

lược của quân Mãn Thanh ở phía Bắc, trong khi Nguyễn Phúc Ánh hoành hành vùng đất mạn Nam nên đầu óc vị Hoàng đế đất Tây Sơn lúc nào cũng suy tư quá độ dẫn đến sự rối loạn não bộ, suy hô hấp từ buồng phổi sưng phù đã khiến cho Đại đế Quang Trung ra đi đột ngột. Một vị chúa tinh bị mây trời giăng tối mắt, một con sư tử trong rừng thẳm bị sa cơ giữa tuyết lộ chông gai; Hoàng đế Đại Việt băng hà như đất trời đảo lộn, tinh cầu từ nay vĩnh viễn mất tiếng sấm sét vang lừng và cây cối, sông ngòi tưởng chừng như bao sát na tạm ngừng trôi chảy, ôi thôi! mộng hải hồ chấm dứt ngang hông khi vàng nhật nguyệt bị thiên la che mờ ánh chiếu. Hàng triệu con tim của lương dân tan vỡ khi tin buồn khủng khiếp được triều đình loan báo chính là hạ tuần ngày Hăm chín, tháng Bảy, năm Nhâm Tý (1792) khi thọ mạng Đại đế Quang Trung vừa đúng bốn mươi niên tuế, trị vì được bốn mùa xuân với miếu hiệu là Thái Tổ Võ Hoàng Đế. Khi cởi chiếc áo cảm bào thì quần thần thấy câu: “Xa tâm chiết trục đa điền thử” của vua Càn Long hiển tợ ứng với năm Tý vua Quang Trung băng hà.

\*

Sau cuộc tiếp kiến vua Càn Long nhà Thanh hoàn mãn và chuẩn bị lên đường trở về cố quốc, Đại đô đốc Tướng quân Vũ Văn Dũng cùng đoàn sứ thần nhận được hung tin Hoàng đế Quang Trung vừa mới băng hà, như tiếng sét đánh vào màn tang làm cho Chánh sứ Vũ tướng quân cùng phái đoàn choáng váng, đau xót tột cùng và tức tốc ngày đêm băng ngàn, vượt suối đặng về triều đình tìm hiểu thực hư thế nào?

Sự ra đi đột ngột của vua Quang Trung mang theo mộng ước lớn lao cho quốc gia chưa kịp hình thành, các kế hoạch tuyển quân, hành quân và tiến quân đã được hoạch định chu đáo nhưng vị tổng tham mưu liền từ giã cõi đời trước khi tiếng pháo lệnh nổ rền vang thay tiếng trống xuất binh. Thái tử Nguyễn Quang Toản chưa tròn con giáp dù phong thái đỉnh đạt, nghiêm trang của bậc ấu chúa tương lai, triều đình phải lập Thái tử vừa mới lên mười vào ngôi thiên tử, đặt niên hiệu là Cảnh Thịnh; Các cận thần như Đại đô đốc Vũ Văn Dũng, Trần Quang Diệu, Bùi Đắc Tuyên tức ông ngoại của vua Cảnh Thịnh, Ngô Thời Nhậm và Bùi Thị Xuân tức trực ngày đêm đở giúp tân ấu vương điều hành quốc sự.

Việc hậu sự hoàn mãn cho đến đầu năm Quý Sửu (1793) thì Sứ thần Ngô Thời Nhậm sang Trung Hoa cáo tang và thông báo việc Thái tử Quang Toản vừa mới nối ngôi trị quốc, vua Càn Long tỏ ra tiếc thương cho một tinh tú hùng anh cái thế tại trời Nam vừa chợt tắt bèn chiếu chỉ cho toàn thể dân chúng hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây chịu tang như ngưng việc xướng ca, đàn địch trong bảy ngày để tỏ lòng tôn kính vị hoàng đế Đại Việt lỗi lạc vừa mới băng hà.

## CHƯƠNG XII

Từ khi chúa Nguyễn Hoàng khai sơn đàng trong cho đến đời chúa Nguyễn Phúc Côn tính ra gần hai trăm năm, suốt thời gian dài trên giang sơn Đại Việt có biết bao thăng trầm mà vận nước phải cuu mang như những sự kiện đã nêu trong suốt mười một chương vừa qua. Vào năm Tân tỵ (1761) thì Hoàng hậu Nguyễn Thị Hoàn cấn thai đến tháng tám năm Nhâm ngọ (1762) giữa trưa Rằm tháng Giêng nhằm ngày mừng Tám tháng Hai thì hạ sinh ra hoàng nam rất khôi ngô tuấn tú đặt tên là Nguyễn Phúc Ánh. Vừa lên bốn tuổi thì Hưng Tổ Nguyễn Phúc Côn băng hà nên được Duệ Tông yêu thương nuôi dạy trong cung. Rồi tròn một giáp tuổi thì gặp binh biến năm Giáp ngọ (1774) khi quân chúa Trịnh tấn công Thuận Hóa, Duệ Tông dẫn Nguyễn Phúc Ánh chạy vào Quảng Nam và năm sau đến Gia Định giao cho chức Chương sứ, nên mỗi khi có việc binh bị thường được mời bàn tính rồi dần dà thông thạo việc điều binh.

Khi quân Tây Sơn chiếm đất Sài Gòn vào năm Đinh dậu (1777) thì Duệ Tông chạy đến Long Xuyên nhưng cũng bị giết, Tân chính vương Nguyễn Phúc Dương cũng bị sát hại, chỉ riêng Nguyễn Phúc Ánh vừa đúng mười bảy tuổi trốn thoát lánh mình ở đảo Thổ châu; một thời gian sau trở về tụ tập các tướng sĩ khởi binh ở Long Xuyên đánh lấy Sài Gòn. Ba quân tướng sĩ của Duệ Tông và Tân chính vương buộc lòng tôn Chương Sứ làm Đại nguyên súy Nhiếp chính quốc để khôi phục giang sơn chúa Nguyễn, sử dụng ấn Đại Việt Quốc Nguyễn Chúa Vĩnh Trấn Chi Bửu.

Từ năm Nhâm dần (1782) đến năm Bính ngọ (1786), chúa Nguyễn Phúc Ánh bị quân Tây Sơn đánh toi bời nhưng nhờ sự giúp sức của Giám mục người

Pháp là Bá Đa Lộc đưa ra Phú Quốc hoặc Xiêm La lánh nạn nên mới thoát chết trong đường tơ kẽ tóc.

Ý chí của Nguyễn Phúc Ánh rất kiên cường và quyết đoán, sau một năm lánh nạn lại quay về Long Xuyên để củng cố quân đội cho có quy củ trở lại, tháng Tám năm Mậu thân (1788) đem quân tiến chiếm được thành Gia Định và thừa thắng kéo ra chiếm được thành Bình Thuận. Cứ khi gió nam thổi thì quân của chúa Nguyễn đem chiến thuyền đánh Quy Nhơn và đợi gió bắc nổi lên lại rút quân lui về Gia Định. Năm Kỷ mùi (1789) vào mùa gió Nam thì quân chúa Nguyễn chiếm được Quy Nhơn và đổi tên là Bình Định, giao cho Võ Tánh và Ngô Tùng Châu trông coi.

\*

\* \*

Tin vua Quang Trung băng hà đã làm cho Nguyễn Phúc Ánh mừng rỡ vô cùng. Binh lính Nguyễn Phúc Ánh rất ngại quân Tây Sơn vì trận đánh nào do vua Quang Trung chỉ huy thì Nguyễn Phúc Ánh đều thua xiềng liềng. Khi Giám mục Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh được Nguyễn Phúc Ánh ủy thác đi qua Pháp ký tờ giao ước thành công, theo đó Nguyễn Phúc Ánh được tặng viện đội quân ngoại quốc khoảng hai nghìn người, có trang bị súng ống, trọng pháo, thuyền bè và những vũ khí tinh xảo khác.

Bù lại, phía Nguyễn Phúc Ánh sẽ phải nhường cho Pháp cửa Hội An, đảo Côn Lôn, và cho phép họ buôn bán tự do ở Đại Việt. Ngoài ra khi quân Pháp cần đến lính thủy, bộ, lương thực, tàu bè ở phương đông thì Nguyễn Phúc Ánh phải cung cấp đầy đủ số lượng yêu cầu do quân Pháp đòi hỏi.

Nhờ có những phương tiện trong tay, Nguyễn Phúc Ánh liên tục mở chiến dịch tấn công triều đình Tây Sơn. Từ phương nam Nguyễn Phúc Ánh theo gió mùa tiến quân ra Quy Nhơn, dàn quân khiêu chiến rồi đốt phá cửa Thị Nại trước khi lui về. Sang năm sau Nguyễn Phúc Ánh đốc toàn lực thủy binh đánh vào Quy Nhơn, bao vây Hoàng Đế thành và cho quân hò hét làm khiếp vía dân tình. Tình hình khá nguy ngập, vua Tây Sơn là Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc liệu bề chống không nổi bèn cho người ra Phú Xuân cầu cứu với vua Cảnh Thịnh.

Nhận được thư cầu cứu từ người bác ruột nên vua Cảnh Thịnh lập tức phái các danh tướng như Phạm Công Hưng, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Văn Sở và Lê Trung dẫn hai vạn quân vào Quy Nhơn giải vây.

Nguyễn Phúc Ánh thấy viện binh Tây Sơn ồ ạt tiến tới, liệu bề khó chống đỡ nên truyền lệnh rút lui về Diên Khánh cố thủ.

Mặc dù chưa giao chiến nhưng uy lực vương triều tự động giải vây, Phạm Công Hưng đem đại quân vào thành Quy Nhơn, chiếm giữ những công sự



trọng yếu, tịch biên tất cả kho tàng và nhân sự, sát nhập chung vào triều đình Phú Xuân.

Tưởng rằng sau cuộc giải vây thì phong cảnh Hoàng đế thành được hưng long thịnh trị, ai ngờ bỗng chốc biên triều nghi thành cơ ngơi Cảnh Thịnh, tức tối và giận dữ vì chẳng tin lòng người đổi trắng thay đen, Nguyễn Nhạc mất từng từng như đổ đom đóm, tay chân bủn rủn, mạch máu trương phồng, lồng ngực nóng ran như hỏa diệm sơn phun khói; trong khoảnh khắc cực kỳ uất hận đó, Trung Ương Hoàng đế đứt mạch máu, miệng thổ huyết, tứ chi lạnh ngắt và hơn vài giờ sau thì trút bỏ nghiệp duyên, nhà vua băng hà trong nỗi bàng hoàng của thần dân Quy Nhơn mà cũng thật ngỡ ngàng đối với vua Cảnh Thịnh và triều đình Phú Xuân, chấm dứt mười sáu năm trị vì của người anh cả đất Tây Sơn, Trung Ương Thái Đức Hoàng Đế được khâm liệm và mai táng theo quốc lễ uy nghiêm, thành Quy Nhơn để tang ba ngày, các cuộc vui chơi đình đám tạm hoãn trong lễ kỳ siêu tang điệu. Thái tử Nguyễn Bảo là con trưởng vua Thái Đức được vua Cảnh Thịnh phong cho chức Hiến Công, ăn lộc một huyện gọi là tiểu triều tại quê hương Tây Sơn.

Giờ đây, triều đình Phú Xuân kéo dài từ ải Nam Quan đến địa phận Diên Khánh, quần thần của triều đình Nguyễn Nhạc dần dần sát nhập hẳn vào cơ ngơi Phú Xuân, tuy nhiên phần lớn kẻ sĩ lẫn trốn về quê làm dân dã hoặc có người vào nam đầu quân theo chúa Nguyễn.

\*

\* \*

Vua Quang Trung băng hà trong bối cảnh đất nước đang manh nha mầm mống ngoại xâm. Quân Pháp hỗ trợ Nguyễn Phúc Ánh với nhân sự kèm theo quân cụ hùng bành trướng thế lực và tôn giáo Tây phương vào mảnh đất vốn tang thương, chia cách trên hai trăm năm, Nguyễn Phúc Ánh đang mưu tìm ngôi vị thiên tử, bất chấp những hậu quả ra sao sau này, chúa Nguyễn quyết định nhờ ngoại nhân tấn công để lấy Bình Thuận, Diên Khánh, Phú Yên, Qui Nhơn v.v. cho bằng được. Triều đình Tây Sơn chuẩn bị phản công, mộ thêm binh mã, xây dựng phòng thủ và khuyến khích canh tác để kho lương thực dồi dào, phong phú. Quần thần đang nỗ lực xây dựng triều đình Tây Sơn thì các công thần Phú Xuân xảy ra mâu thuẫn nội bộ dẫn đến sự bất đồng nghiêm trọng.

Vua Cảnh Thịnh còn nhỏ tuổi nên quyền hành nằm trong tay Thái sư Bùi Đắc Tuyên, với thế lực tuyệt đối uy quyền đây về sanh sát khiến càng ngày ông càng bị quần thần không ưa, thù oán. Trong buổi thiết triều của vua Cảnh Thịnh, Trần Văn Kỷ là quan Trung thư lệnh dõng dạc lên tiếng phản đối những hành động quá đáng của Thái sư, ai dè sự thẳng thắn đó bị kết tội khi quân và Trần tướng quân bị đày ở Hoàng Giang. Khi Vũ Văn Dũng về đến Phú Xuân gặp Trần Văn Kỷ kể rõ sự tình, nghe xong Vũ Văn Dũng bàn với Phạm Công Hưng và

Nguyễn Văn Huân vây bắt Thái sư Bùi Đắc Tuyên và Ngô Văn Sở dìm sông cho chết để trừ hậu hoạn. Vua Cảnh Thịnh không ngăn cản được, chỉ đứng khóc mà thôi.

Tướng quân Trần Quang Diệu đang chống cự với binh lực Nguyễn Phúc Ánh ở Diên Khánh thì nghe hung tin ấy quá thất kinh liền cấp tốc lui binh về Phú Xuân hỏi tội bọn loạn thần. Vũ Văn Dũng định đem binh chống lại nhưng vua Cảnh Thịnh phải nhờ các quan can gián mãi mới hòa.

Nhân cơ hội rút quân khỏi Diên Khánh, binh lực của Nguyễn Phúc Ánh phát động tiến đánh Quảng Ngãi, chiếm Quảng Nam rồi từ đó dùng làm bàn đạp đưa quân ra Phú Xuân.

Nguyễn Phúc Ánh phong cho Nguyễn Văn Trung làm Bình Tây Đại Tướng Quân hợp binh cùng Tổng Phúc Lương và Đặng Trần Thường huy động quân bọc đường biển đánh vào Đồng Hới, vây hãm phía ngoài thành Phú Xuân.

Trung tuần tháng Năm năm Tân Dậu (1801), quân Nguyễn Phúc Ánh kéo vào thành Phú Xuân thì vua Cảnh Thịnh ngự giá đem binh ra chống giữ. Suốt cả một đêm bất phân thắng bại, qua đến trưa hôm sau thì Lê Văn Duyệt và Lê Chất là tướng của Nguyễn Phúc Ánh đem thủy binh vào cửa Thuận An đánh rốc lên phía đông thành Phú Xuân, quân Tây Sơn thấy đối phương có viện binh hùng hậu liệu bề chống không nổi, bỏ chạy và tan rã nhanh chóng.

Vua Cảnh Thịnh phải cấp tốc chạy ra Bắc Hà, đổi niên hiệu là Bảo Hưng rồi sai Nguyễn Quang Thùy đem binh mã giữ Nghệ An.

Khi đó Nguyễn Phúc Ánh đã lấy được thành Phú Xuân, vỗ về dân chúng rồi tiếp tục đưa quân tiến đánh thành Nghệ An.

Trong khi tại Hoàng Đế thành nơi trước đây Trung Ương Hoàng Đế Nguyễn Nhạc cai quản đã thuộc về chúa Nguyễn và tướng Võ Tánh đang trông coi. Tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu đem quân vây hãm thành Quy Nhơn nhiều ngày đêm, cắt đường tiếp tế lương thực và viện binh nên Võ Tánh thế cùng lực tận đành nổi lửa đốt thành rồi tự thiêu theo ngọn lửa đang bùng cháy suốt nhiều ngày đêm. Quan Hiệp Trấn là Ngô Tùng Châu biết không còn cách nào chống đỡ nên khuyên binh sĩ ra hàng để bảo toàn tánh mạng, rồi ông uống thuốc độc tự vận để nêu cao nhân cách “sinh vi tướng, tử vi thần”. (1)

Dù lấy lại được thành Quy Nhơn nhưng Trần Quang Diệu nghe tin Phú Xuân thất thủ bèn đem đại quân ra Bắc cứu giá.

Quân Tây Sơn đã bị choáng váng trước những thất bại quá lớn, từ Phú Xuân đến Diên Khánh gồm dải đất mênh mông trừ phú chỉ chưa đầy một tháng đã thuộc về Nguyễn Phúc Ánh, sự thất thủ do những nguyên nhân khách quan từ sự giúp sức của ngoại bang cho chúa Nguyễn, nhưng nội tình chia rẽ sau cái chết của Ngô Văn Sở và Bùi Đắc Tuyên cũng tạo nên yếu tố chủ quan khiến quân

thần Tây Sơn chán ngán, nhiều người bỏ hàng ngũ về nhà làm dân dã hoặc có kẻ xu thời trốn lánh rồi xin hàng với quân Nguyễn Phúc Ánh. Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng phối hợp nhau tại ngoại ô Phú Xuân theo đường núi tiến về Nghệ An để giúp sức cho Nguyễn Quang Thùy chống lại sự tấn binh của Nguyễn Phúc Ánh.

Vua Quang Trung băng hà không chỉ là cái tang cho Tây Sơn mà còn là niềm đau đớn với các hiền sĩ yêu nước chống ngoại xâm. Danh nho Ngô Thời Nhiệm từ bỏ quan trường từ năm Mậu Ngọ (1798) để mở Trúc Lâm thiền viện tại phường Bích Câu gần thành Thăng Long, lấy đạo hiệu là Hải Lương thiền sư, kế thừa phái Trúc Lâm Yên Tử. Ngày qua ngày thiền sư lo việc nghiên cứu đạo mầu và soạn những tác phẩm như Tam Tổ Hành Trạng để tôn vinh công đức của phái Trúc Lâm gồm các thiền sư Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang, những bậc xuất trần thượng sĩ ở giữa thế gian mà không dính mắc bụi trần làm ô nhiễm thân khẩu ý. Thiền sư Hải Lương chấp bút biên soạn bộ Trúc Lâm Tông Chi Nguyên Thanh để trình bày tư tưởng Phật Giáo hầu rọi sáng cho ý thức hệ Nho giáo những vấn đề khúc chiết vừa thâm thúy Phật gia mà giá trị văn học thì trát tuyệt. Bộ sách còn đang dang dở thì nhà Tây Sơn sụp đổ....

\*

\* \*

Nhờ sự trợ lực của quân viễn chinh Tây dương, Nguyễn Phúc Ánh tiến quân ra hướng bắc và lấy được thành Phú Xuân, danh tiếng lúc này vang dội lẫy lừng trong khi phía Tây Sơn càng ngày càng chia rẽ, vua Cảnh Thịnh thiếu hiền tài và trung thần phò tá khiến cho Nguyễn Phúc Ánh càng trở nên đối trọng thượng phong bèn sửa chữa hoàng thành, lập đàn tế cáo trời đất tại xã An Ninh đất Thuận Hóa, lập thái miếu tôn thờ tiên hiền liệt tổ chuẩn bị thời cơ lên ngôi cử ngũ và lấy niên hiệu là Gia Long ngày Mùng hai tháng Năm năm Nhâm Tuất tức ngày mùng Một tháng Sáu 1802. Mãi đến tháng Giêng năm Giáp Tý (1804) khi nhận tuyên phong từ vua nhà Thanh thì một tháng sau đó Gia Long đổi quốc hiệu là Việt Nam rồi sang năm Bính dần (1806) mới thực sự làm lễ đăng đàn ở điện Thái Hòa lên ngôi Hoàng đế.

Các quan thiết triều tại Phú Xuân châu mừng tung hô vạn tuế, ngự ở điện nhận lễ triều hạ xong thì vua Gia Long sai Trịnh Hoài Đức và Ngô Nhân Tĩnh theo đường biển đến Trung Hoa xin phong vương và dựng thái miếu bên trái hoàng thành. Mặt khác vua Gia Long tiếp tục tiến binh đánh Bắc hà, vượt qua sông Linh Giang đánh thẳng vào thành Nghệ An. Quan trấn thủ của Tây Sơn là Nguyễn Văn Thân chống cự vài canh giờ nhưng vì thiếu binh bị và khí cụ, phần vì tinh thần suy sụp sau cái tang của vua Quang Trung chưa phục hồi, buộc lòng quan trấn thủ phải bỏ thành mà chạy.

Khi đi đường núi tiến ra bắc, Trần Quang Diệu đã bị binh phù thủng, tay chân sưng vù, bụng nổi trướng nước, di chuyển vô cùng khó khăn. Nữ tướng Bùi Thị Xuân vừa chỉ huy quân tượng, vừa giúp chồng tiến đến Nghệ An.

Vừa lúc đó thành Nghệ An thất thủ, tướng quân Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân tiếp tục nhắm hướng bắc theo đường mòn dọc theo núi non hiểm trở. Vì di chuyển chậm chạp và binh thủng hoành hành, đoàn quân Tây Sơn giữa đường bị quân Gia Long vây bắt. Đô đốc Vũ Văn Dũng dẫn binh đoàn hộ giá vừa đến Nông Cống cũng bị bủa vây, trong tình huống nguy khốn mà chống đỡ thì chắc chắn quân binh sẽ bị tiêu diệt nên đành chấp nhận bó tay để bắt giải về Phú Xuân chịu tội chém.

Vua Cảnh Thịnh được tin quân lính của vua Gia Long tiến đến Thăng Long với binh hùng tướng mạnh thì vội vàng truyền lệnh cho đoàn hộ giá vượt sông Nhị Hà tiến ra vùng ngoại ô. Hai bảo đệ là Nguyễn Quang Thùy và Nguyễn Quang Thiệu cùng một số tùy tướng chạy qua sông chưa được bao xa thì nghe quân của vua Gia Long vây hãm la ó, đoàn hộ giá vừa tới vùng Phương Nhân thì trời vừa sập tối mà tứ bề thọ địch nên bị bắt tất cả. Hoàng đệ Nguyễn Quang Thùy liền tự tử, vợ chồng Đô đốc Tuyết cũng đâm cổ chết theo. Vua Cảnh Thịnh và các cận thần bị đoàn quân thiện chiến của Nguyễn Phúc Ánh phục kích ở đường làng vây bắt rồi tức tốc giải về Thăng Long ngay trong đêm hôm đó vì sợ quân Tây Sơn cứu giá giải thoát.

\*

\* \*

Ngày rằm tháng Bảy, lễ Vu Lan theo phong tục cổ truyền của dân tộc tức ngày xá tội vong nhân bởi nhiều ý nghĩa trọng đại, thứ nhất là ngày Phật hoan hỷ, chúng tăng hoàn mãn sau ba tháng an cư kiết hạ, mừng vui cho hàng đệ tử được thân tâm thanh tịnh. Thứ hai là ngày Tăng tự tứ để phát lòng sám hối nghiệp chướng nhiều đời. Thứ ba là ngày Tăng thọ tuế tức chư tăng thêm được tuổi hạ lạc và thứ tư là ngày Vu Lan Bồn xá tội vong nhân, cầu siêu độ cho tiền nhân quá cố, cha mẹ nhiều đời, và nhất là báo hiếu trọng ân cho phụ mẫu hiện tiền được an lạc, người thân, kẻ sơ được vui vẻ dựa theo sự tích Tôn giả Mục Kiền Liên cứu mẹ. Như vậy, ngày Vu Lan rằm tháng Bảy là ngày truyền thống văn hóa Đại Việt thực hành việc đền ơn đáp nghĩa bằng cách cầu thỉnh chư Tăng sau ba tháng an cư thanh tịnh, chú nguyện cho vong nhân thoát khỏi cảnh đọa đày tăm tối của địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh, đồng thời cầu nguyện cho tất cả vong linh khác cũng thoát khỏi tội khổ đau cùng cực nơi thâm u của chôn A tỳ. Ngược lại, đúng ngày rằm tháng Bảy Vu Lan, vua Gia Long xuống chiếu đem vua Cảnh Thịnh và quần thần Tây Sơn ra làm lễ hiến phù ở Thái miếu rồi đem ra pháp trường giết hết tất cả.

Vua Gia Long còn cho quân lính quật mả vua Thái Đức Nguyễn Nhạc và vua Quang Trung, đem xác của nhị vương xay nghiền thật nát rồi mang ra giữa dòng sông trút xuống, vua còn lệnh cho chặt đầu để cho quân lính tiểu tiện vào và sau đó mang vào ngục thất giam lại.

Nho gia Phan Huy Ích và Ngô Thời Nhậm đã về hưu, xả bỏ việc đời, vui say kinh kệ chôn thiên môn cũng bị điệu ra và căng đánh trước văn miếu. Ngô Thời Nhậm bị Đặng Trần Thường thù hận riêng tư nên sai người đánh cho đến chết. Sở dĩ mỗi hận thù riêng tư khởi đi từ lòng đố kỵ mà thuở hàn vi hai người là bạn thơ văn. Hồi ấy khi chưa thành danh, họ Đặng và Ngô thường tranh luận thơ văn, thời cuộc nhưng bao giờ họ Đặng cũng đuối lý, sanh lòng ghen ghét. Có lần gia đình túng thiếu, nghề dạy học không đủ mua gạo nên Đặng Trần Thường đến nhà Ngô Thời Nhậm mượn tiền bèn làm bài thơ như sau:

*“Ngát ngưỡng đồ Thường đã đến đây,  
Có tiền xin mượn lấy năm chầy.  
Năm chầy không được ba chầy vậy.  
Phiếu mẫu đèn ơn cũng có ngày.”*

Đã không tiền mà luận điệu ngát ngưỡng như kẻ say rượu nên không vay được, họ Đặng giận dỗi ra về.

Cái hận cay cú hơn nữa khi Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ nhờ Ngô Thời Nhậm tuyển chọn sĩ phu Bắc hà ra giúp nước thì họ Đặng không được tiến cử, dù mấy lần lui tới nhà Ngô Thời Nhậm ngỏ ý muốn tham chính. Sau đó Đặng Trần Thường bỏ đất Bắc vào Nam theo Nguyễn Phúc Ánh làm tới chức Binh Bộ Thượng Thư.

Ngày Mười sáu tháng Hai năm Quý Hợi ở trước văn miếu trong tư thế của người thắng kẻ thua, họ Ngô bị căng nọc ở giữa sân để đánh đòn, Đặng Trần Thường chọn Văn Miếu vì Ngô Thời Nhậm là sĩ phu, xuất thân từ cửa Khổng sân Trình với ý làm nhục.

Trước khi đánh đòn, Đặng Trần Thường mĩa mai ra một vế đối:

*“Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai.”*

Ngô Thời Nhậm liền đáp:

*“Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế, thế thời phải thế.”*

Quả là tuyệt ngôn vì sách Xuân Thu do Khổng Tử san định để đối chử Khanh Tướng là những sĩ phu giúp Tây Sơn quả xứng đáng là học trò Khổng Mạnh. Lẽ ra khi gặp người trí thức đáp hay như vậy thì nên tha bổng, đàng này Đặng Trần Thường vẫn ác ý ra lệnh đánh đủ trăm roi làm cho Ngô Thời Nhậm chết ngay tại sân Văn Miếu.

Tiến sĩ Phan Huy Ích cũng bị họ Đặng sai đánh đòn và cho về quê làm ruộng, cấm không được hành nghề dạy học.

Đối với nữ tướng Bùi Thị Xuân oai danh vang dội thì vua Gia Long muốn xem mặt để dụ hàng nên chờ áp giải từ Thăng Long về Phú Xuân. Tháng Mười một năm Nhâm Tuất, vua Gia Long truyền đem nữ tướng Bùi Thị Xuân vào cung và hạch hỏi:

-Trẫm và Nguyễn Huệ ai hơn ai?

Bùi Thị Xuân đồng dạt đáp:

-Nói về tài ba thì tiên đế là người bách chiến bách thắng, hai bàn tay trắng dựng nên cơ đồ ; còn nhà ngươi bị đánh phải trốn chui, trốn nhủi, chạy vạy cầu viện ngoại bang, chỗ hơn kém rõ ràng như ao trời nước vũng. Còn nói về đức độ thì tiên đế ta lấy nhơn nghĩa mà đối xử với kẻ trung thần thất thế như đã từng đối xử với Nguyễn Huỳnh Đức, bề tôi của ngươi. Còn nhà ngươi dùng tâm của kẻ tiểu nhơn đối với việc trung nghĩa, hết lòng vì chúa, chẳng nghĩ rằng ai có chúa nấy hay sao ? Ắi tích tôi trung của người tức là khuyến khích bề tôi trung với mình; chỗ hơn kém cũng rõ ràng như ban ngày và đêm tối. Nếu tiên đế ta không thừa vong sớm thì nhà ngươi dễ gì trở lại đất nước này.

Gia Long giận đỏ mặt hỏi gằn:

-Nhà ngươi có tài sao không giữ ngai vàng cho Cảnh Thịnh?

Bùi Thị Xuân trừng mắt trả lời:

-Nếu có một nữ nhi như ta nữa thì cửa Nhật Lệ không để lạnh, nhà ngươi khó bề đặt chân lên đất Bắc hà.

Vua Gia Long không còn biết phải hỏi gì thêm nữa, thét tả hữu lôi những người con của Bùi Thị Xuân ra giết trước mặt. Hai đứa con nhỏ thì bỏ vào bao vải đánh nát thân, người con gái lớn thì cột cho voi phanh thây. Thấy voi đến người con gái hoảng sợ la lên.

-“Mẹ ơi! cứu con với”.

Bùi Thị Xuân thét lớn.

-“Con nhà tướng không được khiếp nhược”

Người con gái đành nhắm mắt cho voi tới chà nát thi thể khiến quần thần nhìn thấy kinh khiếp ngậm ngùi. Đến phiên nữ tướng Bùi Thị Xuân thọ tử, thân thể bị căng nọc giữa pháp đình, ba hồi trống giục, một con voi to lớn, hung hăng chạy đến, giơ chân toan chà, Bà liền trợn mắt, hét như sấm, voi thất kinh thối lui, nài cứ giục mà voi cũng không dám tiến tới. Gia Long tức giận chuyển lệnh hình phạt: “điểm thiên đăng”.

Lập tức, nữ tướng Bùi Thị Xuân bị đội hành quyết áp tải cột giữa cây trụ, lấy vải nhúng sấp nóng quấn khắp mình, rồi châm lửa đốt cháy.

Nét mặt nữ tướng nghiêm trang không chút sợ hãi trừng mắt nhìn mặt Gia Long đang khoang khoái khi lửa cháy phừng phực, ai nấy đều xúc động và kinh ngạc lòng quả cảm của vị nữ lưu vô tiền khoáng hậu.

Lửa cháy một hồi bỗng vang lên tiếng nổ lớn, sợ của nữ tướng Bùi Thị Xuân vỡ ra, một luồng ánh sáng màu xanh bay vút lên tận trời xanh khiến mọi người ngơ ngác kinh hoàng. Gia Long giật mình chứng kiến cảnh tượng thăng thiên và sững sờ nhìn lại hành động tàn bạo quái ác của mình.

### CHƯƠNG XIII

Địa dư đất Việt sát nách với nước Tàu nên thời đại nào dân Nam cũng lo ngại mối đe dọa thường trực từ phương Bắc. Lịch sử lưu truyền đầy đầy những cuộc xâm lăng chiếm đất đối với nhiều quốc gia lân bang chẳng khác nào các vua Tàu được sinh ra chỉ chuyên làm nhiệm vụ bành trướng lãnh thổ, hủy diệt hoặc đồng hóa người bản xứ lân bang để dễ thôn tính rồi cai trị.

Từ đời vua Hùng dựng nước đến các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, hậu Lê, Nguyễn... dường như không triều đại nào mà nước Tàu lại không đem quân sang xâm lăng Đại Việt hòng đặt nền móng đô hộ trong âm mưu biển gianh sơn này thành châu, huyện của chúng, tuy vậy lần nào kéo quân sang đất Việt cũng hứng chịu hậu quả đầy thảm bại cay đắng, ê chề.

Ba cuộc xâm lăng của Thành Cát Tư Hãn, đội quân bách chiến bách thắng khắp Âu, Á dưới vó ngựa Nguyên Mông đã phải chịu nhục nhã lui binh dưới ý chí và sức mạnh đoàn kết dân tộc của triều Trần mà Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn là linh hồn lãnh đạo tài hoa cho cả ba cuộc chống Nguyên giữ nước.

Rồi triều đại nhà Minh đã bao phen hung hăng áp đặt nền móng thống trị đất Nam, tưởng rằng dân Việt cam chịu vó ngựa thiên triều, ai dè hồn thiêng sông núi đã hun đúc nên bậc kiệt kiệt Lê Lợi ngày đêm lãnh đạo muôn dân kháng chiến đến hồi thành công để thanh danh Bình Định Vương sống mãi với đất trời.

Và đặc biệt hơn nữa, một đội quân hùng hậu hơn ba mươi vạn do Tổng đốc lưỡng Quảng Trung Hoa là Tôn Sĩ Nghị kéo sang dưới sự hướng dẫn của bọn Lê Chiêu Thống vào thẳng Thăng Long thành chuẩn bị mở màn cho cuộc đô hộ lâu dài của triều đại Mãn Thanh. Nhưng Trung Hoa có ngờ đâu nước Đại Việt lại sản sinh một anh hùng áo vải kiệt kiệt bách chiến bách thắng, từng tiêu diệt ba mươi vạn quân Xiêm tại Rạch Gầm, Xoài Mút cũng là người tiếp tục lãnh đạo đại binh tiêu diệt quân Thanh. Dòng sử Việt không chỉ ghi công vị anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ tức Hoàng đế Quang Trung lên trang sử oai hùng nhất từ trước đến nay, mà cái đức sáng ngời nhân bản, trung nghĩa và độc lập nước nhà đã hằn sâu trong tâm tư, tình cảm của cả dân tộc.

Chiến thuật bẻ gãy mộng xâm lăng của những bộ óc kiêu mạng, tham lam do các đế chế vương triều Trung Hoa chỉ thật sự kết thúc bằng gươm đao giáo mác sau đại thắng Đống Đa năm Kỷ Dậu (1789), và có lẽ từ đó mà tham vọng bá quyền tiến xuống các vùng châu thổ Cam bát, Thái lan, Miến điện bị khựng lại nên vùng Đông nam châu Á thoát được nạn xâm lược, khỏi vòng nô lệ.

Sự lãnh đạo và chỉ huy ba quân ngoài trận tuyến của vua Quang Trung quá sức tài tình và chớp nhoáng, rút ngắn thời gian chiến đấu một cách kỷ lục với đội quân ít hơn phân nửa đối phương, ở điểm đó các sử gia thế giới phải bàng hoàng sửng sốt khi đặt bút viết về thời đại tự chủ ít ỏi này, bởi cái vĩ đại của vị tổng chỉ huy là gom tụ được sức mạnh dân tộc thành một khối thống nhất.

Vốn xuất thân từ người nông dân áo vải đất Tây Sơn nên vua Quang Trung sớm vận dụng cái chân lý lấy dân làm gốc hầu phát huy sức mạnh tổng hợp. Sự quyết tâm bảo vệ tổ quốc mà Hoàng đế Quang Trung đã cương quyết cùng bá tánh đồng lòng quyện thành sức mạnh sấm sét, hùng hậu và bất khuất, chính yếu tố tâm lý đó đã đưa dân tộc qua khỏi ách thống trị mà bè lũ Lê Chiêu Thống chỉ vì ngai vàng của riêng mình mà cam tâm bán đứng tổ quốc, bất chấp hậu quả mà tổ tiên ta đã từng đổ máu xương giành giật từng gang đất, tác rùng cho quê hương xứ sở.

Trong bối cảnh lịch sử đất nước thuở giao thời vì hơn ba trăm năm phân hóa bởi chúa Trịnh và chúa Nguyễn núp sau lưng triều đình nhà Lê mục nát, Nam hà và Bắc hà được trông coi bởi phủ chúa vốn là cơ quan công quyền cao nhất nước nhưng lộng quyền, tàn ác, tranh chấp và sát hại là những mục tiêu mà các phủ thực hiện nhằm bảo vệ đặc quyền, đặc lợi; còn các vua Lê qua bao thời đại thì quá khiếm nhược, hư vị như những con bù nhìn. Tầng lớp sĩ phu, quan lại cũng khép kín trong phạm vi xóm làng, cầu an và thủ đắc. Tư tưởng hủ nho theo



lối quân tử Tàu chỉ biết làm dáng theo chủ nghĩa anh hùng cá nhân, vị kỷ, lấy lễ nghĩa Trung quốc làm mẫu mực văn học, dần dần xã hội trở nên thụ động, bế tắc trong nhiều lãnh vực nhất là vấn đề kinh tế, giáo dục và niềm tin vào chính quyền.

Vua Quang Trung xuất hiện trong bối cảnh đó chẳng khác một kỳ nhân kiệt hiệt vung kiếm xóa sạch nỗi hèn tối của đất nước, khởi đầu ý niệm thống nhất giang sơn, đoàn kết dân tộc để phòng ngừa mối họa ngoại xâm lăm le từ phương Bắc.

Bao cuộc chiến chống xâm lăng dưới sự lãnh đạo tài tình của vua Quang Trung là một nghệ thuật chỉ huy thiên tài kết hợp đầy đủ yếu tố thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Chỉ vòn vẹn năm ngày hành quân thần tốc, quân Tây Sơn đã đánh tan đội binh hùng hậu của Tôn Sĩ Nghị, Hứa Thế Hanh, Sâm Nghi Đống... chính là kết quả tất yếu của đại nghĩa dân tộc, khơi dậy niềm tin vào sự lãnh đạo đứng đắn và uy tín đồng thời thôi thúc tấm lòng yêu nước, thương nòi của hàng triệu thanh niên khát khao độc lập. Hồn thiêng sông núi tụ hội nên chính nghĩa bản địa hình thành chất keo đoàn kết, thống nhất ý chí cho sự toàn vẹn lãnh thổ nên điều ấy kết tinh và khơi thêm khí phách can trường cùng niềm hãnh diện được làm con cháu Hồng Lạc như lời hịch mà vua đã truyền đến toàn dân:

*“...Trong vòm trời đã chia sao Dục, Chấn; Nam, Bắc vẫn riêng một non sông. Người Bắc không phải nòi giống ta thì tất khác dạ. Từ nhà Hán về sau, chúng cướp đất đai ta, cá, thịt, nhân dân, vợ vét của cải; nông nổi ấy, quốc dân ai cũng phải nghĩ để đánh đuổi đi...”*

Cái tâm của vua Quang Trung sánh với bậc thánh như đại đức, chí của vua vượt ra khỏi phạm vi ranh giới quốc thổ giang sơn, táo bạo đầy chiến lược chuẩn bị tiến đánh để lấy đất Quảng Đông, Quảng Tây của Trung Hoa nhằm khẳng định tinh thần dân tộc cao độ và chứng tỏ sức mạnh hùng cứ phương Nam bất khả xâm lấn.

Từ lúc khởi binh giúp anh lập nên sự nghiệp đế vương cho đến ngày băng hà, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ chưa hề biết thất bại là gì. Xuất binh xông trận “bách chiến bách thắng” của đại đế Quang Trung đã chứng minh một cách hùng hồn rằng, chính nghĩa dân tộc luôn luôn là ngọn cờ tiên phong, là sức mạnh vô địch, là tinh thần bất khuất để đối phó với bất cứ loại hình ngoại bang dù núp dưới hình thức hung lụa nào đi nữa. Sự lỗi lạc trong phương cách lãnh đạo quân sự, nét uyển chuyển phối trí để điều binh khiển tướng dẫn đến chiến thắng oanh liệt không chỉ ở phương Nam với Xiêm La hung tợn mà còn với giặc Bắc ngàn đời tham vọng là một thiên anh hùng ca bất hủ làm bài học ái quốc sáng ngời cho hậu duệ mai sau tiếp bước.

Cái ảo mộng “chiếm lại quốc thành” của Lê Chiêu Thống đã biến Đại Việt thành một thứ “nước nhỏ được đứ đại Hoàng đế Càn Long nhà Thanh đái

thương...”, hơi ôi khi kịp thấy quân xâm lược tràn vào bờ cõi, vơ vét của cải, hiếp đáp đàn bà, con gái, khinh thường tập tục văn hóa cổ truyền mà cha ông đã dày công vun đắp thì ảo mộng đó chính là cái nhục không chỉ của tôn thất nhà Lê mà còn là nỗi đau ngút ngàn của cả con dân Đại Việt.

Chính cái thống khổ truyền kiếp ấy mà toàn dân đã ý thức trách nhiệm trước đại cuộc; chính vì thấy sự uơ hèn, đại dột, thấp kém và vọng ngoại của bọn Lê Chiêu Thống “rước voi dầy mã tổ” mới hiển lộ cái nhuệ khí trượng phu của người anh hùng áo vải Tây Sơn. Tất cả là một, ý chí cương quyết đuổi ngoại xâm, giành độc lập đúng nghĩa và toàn vẹn lãnh thổ thật sự.

\*

\* \*

Nguyễn Phúc Ánh ở Nam hà cũng từng sử dụng sách lược tương tự như vua Chiêu Thống, chỉ vì muốn giành lại quyền lực và ngai vàng cho riêng cá nhân dòng họ mình mà quên mất sơn hà, xã tắc vốn tối kỵ sự hiện hữu của đoàn quân ngoại bang trên lãnh thổ quê hương mình. Bị thua bao nhiêu lần, Nguyễn Phúc Ánh phải cầu viện Chân Lạp, Xiêm La và các nước phương tây miễn sao đạt được mục đích tối hậu là diệt Tây Sơn, lên ngôi cửu ngũ dù hiển dăng phần nào đất đai lãnh địa của tổ tiên cho sự trợ giúp này.

Tờ cam kết giữa Nguyễn Phúc Ánh và nước Pháp còn rành rành ra đó sau khi vua Gia Long chiếm chệ trên ngai vàng, một khi kẻ hậu thế có dịp đọc được thì biết bao phiền muộn, khó chịu dâng trào:

*“Vua Gia Long nước An Nam bằng lòng nhường đứt cho Pháp cửa Hội An và đảo Côn Lôn, sau này nếu Pháp cần lính thủy, bộ binh hay lương thực thì nước An Nam phải cung cấp đầy đủ”.*

Tâm ý hẹp hòi, ích kỷ, thiếu lòng khoan dung độ lượng của bậc đại trượng phu, vua Gia Long hành xử với người chiến bại quá sức tàn độc, nham hiểm bao nhiêu khiến cho người đương thời cũng như kẻ hậu sinh cảm phục cái đức chí nhân, chí thiện của Hoàng đế Quang Trung bấy nhiêu.

Đành rằng, trong bối cảnh loạn ly phân tán hiện thời, việc đánh nhau để tranh bá đồ vương mà phía nào vận dụng sự ủng hộ của toàn dân tất yếu phải thắng; đàng này, giảm thiểu sự mời gọi sức mạnh dân tộc, gia tâm cầu viện ngoại bang lại là điều thất sách, vua Gia Long khởi động đưa nước nhà vào một trang sử mới đầy bi ai và thống thiết, manh nha sự đô hộ của thực dân Pháp gần một trăm năm mà nền móng thống trị của kẻ ngoại lai đặt ách vong bản, nô dịch lên đôi vai người bị trị khiến dân Việt khó có cơ hội vươn lên làm con rồng bay bổng trời cao.

\*

\* \*

Từ ngày dấy nghiệp ở đất Tây Sơn, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ nổi lên như một tướng tài vô địch, oai phong lẫm liệt, uy dũng vô ngần, tạo không biết bao nhiêu chiến tích lẫy lừng bách chiến bách thắng. Khi bào huynh là Thái Đức Hoàng đế lo củng cố triều đình thì Long Nhượng tướng quân thành trụ cột số một trong công tác cầm quân đánh đông dẹp bắc. Lúc lên ngôi Hoàng đế, vua Quang Trung lãnh đạo cuộc chiến thần tốc đưa toàn dân vào vị thế phải đánh đuổi quân Thanh ra khỏi bờ cõi để giành lại chủ quyền, độc lập cho nước nhà. Tất cả các cuộc chiến lớn nhỏ, đánh tan xâm lược hai đầu đất nước, vang dội khí thế đội quân Tây Sơn chính là sự gắn chặt tên tuổi Đại đế Quang Trung. Than ôi! mệnh trời ngắn ngủi, trị vì vồn vẹn bốn năm chưa đủ thời gian để xiềng dương đất nước thành sư tử vương trong vùng Đông Nam Châu Á....Sau khi Vua băng hà, ngôi vương vị được kế thừa bởi vua Quang Toàn, dù duy trì lá cờ trọng dân, trọng nghĩa, triều đình Tây Sơn đưa ra chủ trương xây nền bình trị của đất nước phải có nhân chính tốt, dựng cả dân tộc phải dựa vào muôn dân, trồng cây bẻ tôi hiền tài. Vì thế vua Quang Toàn thực hiện chủ trương xây dựng đất nước văn hiến, phát triển văn hóa, giáo dục và sự phong phú về nhân tài để nước giàu dân mạnh. Nhưng tuổi đời quá trẻ mà ý chí cực lớn chỉ thực hiện được ở tình trạng quốc dân ổn định, thái bình...đàng này, Nguyễn Phúc Ánh quyết tiêu diệt Tây Sơn nên dù chủ trương đứng đắn cũng bị thù ghét, xuyên tạc dẫn đến mất chính nghĩa. Quân binh Tây Sơn bắt đầu lung lạc, chia rẽ và tình trạng sứ quân chuẩn bị manh nha phát khởi. Sau cùng, sự hỗ trợ của quân đội Tây Phương và những cỗ máy hiện đại, đầy kỹ thuật tinh xảo trang bị cho quân binh Nguyễn Phúc Ánh đã tạo nên những đợt tấn công làm cho quân Tây Sơn thất bại và mau chóng tan rã dẫn đến cuộc hành quyết đẫm lệ đối với vua Cảnh Thịnh trước văn miếu năm 1802, tính ra, từ khi vua Quang Trung lên ngôi Hoàng đế đến lúc vua Cảnh Thịnh bị giết, triều đình tây Sơn trị vì cả thảy là mười bốn năm tròn.

\*

\* \*

Với thời gian vô tận của lịch sử nhân loại so với mười bốn năm lãnh đạo quốc gia trong chặng đường gian nan của tổ quốc, triều đại Tây Sơn quả thật không dài lắm nhưng tên tuổi anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ đã, đang và sẽ sống mãi ngàn năm với con Lạc cháu Hồng. Cái hoài bão của người anh hùng áo vải đất Tây Sơn chính là nỗi niềm của toàn dân Đại Việt, cái mộng ước của Bắc Bình Vương đồng nghĩa với ý chí chung của cả dân tộc, đó là thống nhất giang sơn thành một mối.

Hai trăm năm chia cắt đôi bờ, hai trăm năm sống trong sự nhớ mong của kẻ Nam người Bắc, hai trăm năm làm lệch lạc tinh thần dân tộc một cách trầm trọng gần như băng hoại tan tành.

Vua Quang Trung xuất hiện để xóa tan sự phân hóa tị hiềm vốn dĩ hằn sâu trong tâm khảm nhân dân Đại Việt với ý niệm nước Nam, nước Bắc. Ngài đã mở đầu cho kỷ nguyên thống nhất một nhà từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau. Hơn nữa, sự xuất hiện của Long Nhượng Tướng Quân như một vai tuồng đúng thời, hợp khế cơ mà bậc kiệt kiệt cái thế trong thời đại đầy chính nghĩa phải xuất thế để đánh tan hai cuộc xâm lăng vốn dĩ là cơ mưu từ những tên công rắn cắn gà nhà, khiến cho bọn Xiên La phương Nam hay lũ Mãn Thanh phương Bắc mãi mãi khiếp nể oai danh Đại đế Quang Trung.

Riêng những kẻ đối địch với Ngài, từng xem Quang Trung như kẻ thù “bất cộng đới thiên”, khi ôn lại chặng đường lịch sử đã buộc miệng tấm tắc khen rằng.

*“Kẻ kia Nhạc, Huệ, anh em từ dân áo vải không đất cắm dùi, vươn tay hô một tiếng, người theo cả vạn, chẳng đầy năm sáu năm có được đất nước. Họ không có quá tài đức của người, thì vì lẽ gì lại hưng thịnh như vậy?”*

Còn cung nhân của Lê Chiêu Thống khi lưu vong xứ người đã phải nể phục ca tụng:

*“Nguyễn Huệ là tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh, giỏi nghề hành binh, ra Bắc về Nam xuất quỷ nhập thần, chẳng ai có thể đo lường được. Chẳng thế, bắt Hữu Chinh như túm trẻ con, giết Văn Nhậm như thịt con lợn, không người nào dám nhìn vào mặt bao giờ. Trỏ tay lờm mắt là người ta đã sợ hơn sấm sét, phách lạc hồn xiêu hết cả.”*

Xuyên suốt cuộc hành trình khởi nghiệp của anh em Tây Sơn xuất phát từ người nông dân chân lấm tay bùn mà vùng lên, dấy binh khởi nghĩa trong lòng dân để sửa đổi một tình trạng xã hội bất công, thối nát, nghèo đói và loạn lạc. Chính ý nguyện theo mệnh trời để thi hành công lý và giải phóng nhân dân ra khỏi ách quan liêu phong kiến, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ khi tròn nhựa sống tuổi hoa niên đã thành tựu cho mình cái chánh kiến, phân giải chính-tà, trường-đoản của thế lực hiện tại. Vì sự thao thức và thấu đáo đường hướng cách mạng với tâm thức trong sáng, không vị kỷ, tha thiết cống hiến trọn vẹn năng lực và tâm hồn cho lý tưởng phục vụ dân tộc; rút tĩa từ tấm lòng của Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, những anh hùng tiên liệt đã uơm hạt giống nhân bản, nhân chủ trong lòng dân tộc nên được tưới tắm và nuôi dưỡng bằng chất liệu thương yêu của dòng văn hóa đồng bào, tất cả những tinh túy ấy đã rót trọn vẹn và ý chí và tâm hồng người thanh niên Nguyễn Huệ. Do đó, tình yêu thương bao la trải trên quê hương với trí tuệ sáng ngời không ích kỷ đã đẩy lùi chủ nghĩa cá nhân theo lối thấp hèn của Vũ Văn Nhậm hay thời cơ chủ nghĩa theo mưu cách Nguyễn Hữu Chinh vào ngõ hẹp, ứng biến khôn lường đề rạng danh chính đại quân tử của người anh hùng nông dân áo vải đất Tây Sơn. Chí đến chiến thắng

vang lừng nam bắc chống mọi thế lực gian tà, vua Quang Trung chưa từng nghĩ đến sự xuất chúng của mình mà trân trọng sự thành công to tát của cả dân tộc.

Khiêm cung cầu hiền ba lần thỉnh vấn La Sơn Phu Tử, dù bị từ chối phủ phàng cũng chẳng dùng uy quyền khống chế hay tự ái cá nhân đùng đùng nổi giận. Kịp đến khi vua Lê phản bội tổ quốc thì chính La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp lại là kẻ hiền nhân giúp nước, vua Quang Trung vẫn nhún nhường lắng nghe mọi tư vấn của bậc thầy trị quốc an dân. Biết bao kẻ sĩ như Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích đã được trọng vọng đem mưu lược đánh tan hàng trận xâm lăng, nếu tấm lòng Bắc Bình Vương hẹp hòi, cục bộ nơi cát cứ địa phương, nào trạng lãnh chúa như bào huynh Nguyễn Nhạc, Nguyễn Phúc Ánh, chúa Trịnh, vua Lê thì chắc gì những bộ óc siêu đẳng của sĩ phu Bắc hà tuân phục.

Anh hùng tạo thời thế, một bậc võ tướng vô địch, nhà chính trị lỗi lạc, nhà quân sự mưu trí bách chiến bách thắng, một vị vua anh minh đầy bản lãnh có đầu óc cấp tiến và lòng yêu nước nồng nàn, vua Quang Trung luôn kỳ vọng đưa nước nhà đến sự tiến bộ về học thuật cao siêu và kỹ nghệ tiên tiến.

Ngọc Hân Công Chúa triều Lê, người vợ nồng nàn thông minh nơi Bắc cung Hoàng Hậu đầy nước mắt đau thương, tán thán công đức người anh hùng Tây Sơn trong “Ai Tư Vãn” với niềm thống thiết ngậm ngùi:

“Mà nay áo vải cờ đào                    “Giúp dân dựng nước xiết bao công  
trình”

Riêng tướng quân Đô đốc Vũ Văn Dũng đã khóc vì anh hùng lỗi lạc nhưng bạc mệnh bằng bốn câu thơ xuất thần:

*"Bố y phân tích ngũ niên phong  
Mai cổ thi vi tự bất đồng  
Thiên vị Ngô Hoàng tặng nhất kỷ  
Bất u Đường, Tống thuyết anh hùng".*

Tác giả tạm dịch:

*“Khởi nghiệp năm năm từ áo vải  
Xưa nay thử hỏi được mấy người?  
Trời cho đại nghiệp mười năm nữa  
Anh hùng Đường Tống chẳng so chi!”.*

Như tinh tú rơi rụng giữa hư không, sự băng hà của vua Quang Trung phần nào kéo theo sự suy sụp niềm ước mơ to lớn ở lòng dân cho một Đại Việt thống nhất từ Quảng Đông, Quảng Tây đến tận Cà Mau, Hà Tiên.

Quả vậy, Đại đế Quang Trung là vị Thánh của thời đại vì Người đã làm những việc phi thường cổ kim khó sánh, đưa vận mạng nước nhà lên địa vị hùng cứ vùng Đông Nam Á Châu cuối thế kỷ XVIII.

Là con dân nước Việt, chúng ta rất tự hào và hạnh diện vì có một vị Đại đế sinh ra từ lòng dân tộc, hiên ngang oai hùng, trăm trận trăm thắng đánh trả mọi kẻ thù từ hai đầu đất nước. Tuổi trẻ Việt Nam ngày nay đứng trước tình trạng xâm lược tinh vi và tham vọng bá quyền của Bắc phương thì hình ảnh vua Quang Trung chính là tấm gương sáng ngời cho thế hệ hiện tại và mai sau quyết hun đúc lòng nhiệt huyết, mài giũa ý chí kiên cường, đối diện với thực tế để nhận lãnh trách nhiệm trước tổ quốc là vươn lên cho nền độc lập thật sự, nhân dân được sống tự do, dân chủ, hòa bình, thịnh trị với nền văn hóa, đạo đức dân tộc được bảo tồn và tiếp nối phát huy.

*Viết xong vào ngày kỷ niệm 35 năm Trung Cộng cưỡng chiếm Hoàng Sa January 19-2010 tại San Jose, California, USA.*

### ***Tài-Liệu Tham-Khảo Lịch Sử Việt Nam***

Đại Nam Nhất Thống Chí của Nguyễn Tào

Hoàng Lê Nhất Thống Chí của Ngô Thời Chí

Việt Sử Cương Mục Tiết Yếu của Đặng Xuân Bảng

Trí Thức VN cuối thế kỷ 18 của Hồ Văn Quang

Việt Nam Sử Lược Học giả Trần Trọng Kim

Việt Sử Toàn Thư của Phạm Văn Sơn

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Tập II, Hà Nội 1993

Phía Nam Hoàng Sơn của Đỗ Hùng, 1993

Duy văn Sử Quan của Hoàng văn

Chí, tử sách Canh Nam 1990

Võ Học Bình Định của Đào

Đức Chương

La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, CM Magazine 2008

Tây Sơn Thất Hồ Tướng theo Võ nhân Bình Định trong báo Bình Định 1993

Di Tích và Truyền Thuyết về nhà Tây Sơn của nhà văn Quách Tấn

## Mục Lục

Chương I.....	trang 13
Chương II.....	trang 57
Chương III .....	trang 68
Chương IV .....	trang 87
Chương V .....	trang 101
Chương VI .....	trang 112
Chương VII .....	trang 137
Chương VIII .....	trang 160
Chương IX .....	trang 188
Chương X .....	trang 200
Chương XI .....	trang 219
Chương XII .....	trang 254
Chương XIII.....	trang 273

*Nhà Xuất Bản Nguồn Sống*  
**HÂN HẠNH GIỚI THIỆU**  
*Các tác phẩm cùng một tác giả*

***-Nước Mắt Cửa Biển***

Tuyển tập truyện ngắn về những câu chuyện vượt biên đầy hãi hùng, thương tâm, mất mát.  
Nguồn Sống xuất bản 1992.

***-Pháp Vũ*** (Y Phật Ướt Mưa)

Truyện dài về những Phật sự đầy gian nan tại vùng đất mới định cư. 2007

***-Trường Vân*** (Mây Lành Trên Lũng Hoa Vàng)

Truyện dài về những nét văn hóa, tôn giáo độc đáo tại vùng Silicon rất đông người Việt tỵ nạn.  
2008

***-Búp Sen Hùng Sáng***

Tập truyện ngắn với những chủ đề Văn hóa, Xã hội, Giáo dục. 2009

**Prof. Douglas Nguyen, Ph. D**  
*Northern California.*  
*American in Northern CA*

*-CSU Hayward,*  
*-Vice Chairman of Federation Vietnamese*  
*-Commentator for Vietnamese Television.TV*